





# VIÊN GIÁC KHÁI LUẬN

**Thích Viên Lý**

**VIÊN GIÁC KHÁI LUẬN**

THÍCH VIÊN LÝ

**KINH VIÊN GIÁC**

Tỳ kheo THÍCH VIÊN LÝ Việt dịch



Xuất bản lần thứ Nhất, 2024

Thích Viên Lý © Copyright 2024

Dàn trang: Lê Giang Trần

THÍCH VIÊN LÝ

VIÊN GIÁC  
KHÁI LUẬN

Bodhi   
Wisdom  
DN Publishing  
2024



# MỤC LỤC

|                |    |
|----------------|----|
| Lời Giới Thiệu | 11 |
| Dẫn Nhập       | 17 |

## **Phần I** **VIÊN GIÁC KHÁI LUẬN**

|                                                                        |           |
|------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>I. Khái Quát Lịch Sử Phiên Dịch<br/>và Giải Luận Kinh Viên Giác</b> | <b>23</b> |
| <b>II. Ý Nghĩa Đề Kinh</b>                                             | <b>26</b> |
| <b>III. Bố Cục Căn Bản</b>                                             | <b>31</b> |
| <b>IV. Lược Giải Nội Dung Kinh Văn</b>                                 | <b>35</b> |
| 1. Chương Bồ-Tát Văn Thù Sư Lợi                                        | 36        |
| 2. Chương Bồ-Tát Phổ Hiền                                              | 43        |
| 3. Chương Bồ-Tát Phổ Nhãn                                              | 51        |
| 4. Chương Bồ-Tát Kim Cang Tạng                                         | 54        |
| 5. Chương Bồ-Tát Di Lặc                                                | 59        |
| 6. Chương Bồ-Tát Thanh Tịnh Huệ                                        | 64        |
| 7. Chương Bồ-Tát Oai Đức Tự Tại                                        | 69        |
| 8. Chương Bồ-Tát Biện Âm                                               | 73        |
| 9. Chương Bồ-Tát Tịnh Cư Nghiệp Chương                                 | 77        |

|                                         |            |
|-----------------------------------------|------------|
| 10. Chương Bồ-Tát Phổ Giác              | 89         |
| 11. Chương Bồ-Tát Viên Giác             | 95         |
| 12. Chương Bồ-Tát Hiền Thiện Thủ        | 100        |
| <b>V. Tổng Thuyết Tư Tưởng</b>          |            |
| <b>Đặc Thù Kinh Viên Giác</b>           | <b>103</b> |
| 1. Học Thuyết Về Tứ Tướng               | 103        |
| 2. Chân Lý Vô Ngã - Bất Nhị             | 112        |
| 3. Ba Cửa Phương Tiện Thiền             | 118        |
| a. Pháp môn Thiền Chỉ                   | 119        |
| b. Pháp môn Thiền Quán                  | 122        |
| c. Thiền-na                             | 124        |
| 4. Hai Thềm Bậc Tiệm - Đốn              | 130        |
| 5. Nhân Hạnh Bồ Tát Đạo                 | 132        |
| <b>VI. Phương Pháp Hành Trì</b>         | <b>141</b> |
| <b>VII. Quả Vị Tu Chứng</b>             | <b>151</b> |
| <b>VIII. Triết Học Viên Giác Trước</b>  |            |
| <b>Xu Hướng Ái Kỷ Của Thời Hiện Đại</b> | <b>154</b> |
| <b>IX. Kết Luận</b>                     | <b>159</b> |
| <b>X. Phương Pháp Luận Giảng Kinh</b>   | <b>165</b> |
| 1. Ngũ Trùng Huyền Nghĩa                | 166        |
| 2. Khai Khải Thập Môn                   | 168        |
| Tài Liệu Tham Khảo                      | 171        |



**Phần II**  
**KINH VIÊN GIÁC**  
**Việt Dịch**

|                              |            |
|------------------------------|------------|
| Chương I                     |            |
| <b>Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi</b> | <b>175</b> |
| Chương II                    |            |
| <b>Bồ Tát Phổ Hiền</b>       | <b>185</b> |
| Chương III                   |            |
| <b>Bồ Tát Phổ Nhãn</b>       | <b>192</b> |
| Chương IV                    |            |
| <b>Bồ Tát Kim Cang Tạng</b>  | <b>208</b> |
| Chương V                     |            |
| <b>Bồ Tát Di Lặc</b>         | <b>219</b> |
| Chương VI                    |            |
| <b>Bồ Tát Thanh Tịnh Huệ</b> | <b>231</b> |
| Chương VII                   |            |
| <b>Bồ Tát Oai Đức Tự Tại</b> | <b>241</b> |
| Chương VIII                  |            |
| <b>Bồ Tát Biện Âm</b>        | <b>251</b> |

|                                      |            |
|--------------------------------------|------------|
| Chương IX                            |            |
| <b>Bồ Tát Tịnh Chư Nghiệp Chướng</b> | <b>265</b> |
| Chương X                             |            |
| <b>Bồ Tát Phổ Giác</b>               | <b>281</b> |
| Chương XI                            |            |
| <b>Bồ Tát Viên Giác</b>              | <b>291</b> |
| Chương XII                           |            |
| <b>Bồ Tát Hiền Thiện Thủ</b>         | <b>303</b> |

oOo

|                                   |     |
|-----------------------------------|-----|
| Phương Danh Chư Phật Tử Phát Tâm  |     |
| Cúng Đường Ấn Tống Kinh Viên Giác | 313 |
| <b>CÙNG TÁC GIẢ:</b>              |     |
| Tác Phẩm Đã Xuất Bản              | 321 |
| Tác Phẩm Sắp Xuất Bản:            | 323 |

## Lời Giới Thiệu

Ấn Độ là một trong những cái nôi tâm linh của thế giới, nơi đây được biết đến là lãnh địa của hàng loạt các tôn giáo lớn nhỏ và vô số hệ tư tưởng triết học. Từ thời cổ đại, con người của Đại Lục Tâm Linh này đã luôn đặt ra câu hỏi làm sao chấm dứt khổ đau, đạt được hạnh phúc vĩnh cửu cũng như không ngại thực hành những phương pháp tu luyện cực đoan đến cùng cực. Cho đến khi, sự thị hiện vĩ đại của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni (Shakyamuni Buddha) được xem là sự kiện chấn động khắp nhân loại cũng như Giáo pháp được Ngài thuyết giảng đã trả lời cho mọi thắc mắc của con người.

Giáo pháp mà Ngài thuyết giảng là chân lý hiển hiện từ sự chứng ngộ, được thể nghiệm trên chính chân tâm, dụng ứng đối với muôn người và trên muôn pháp nhằm đạt được sự giải

thoát miên viễn. Đó là thành trì Chánh pháp được dựng nên bằng chất liệu Vô Ngã, Trí tuệ và Lợi tha... kiến tạo trên nền tảng từ bi, bình đẳng và đạo đức. Ta gọi đó là Học thuyết toàn giác, Giáo pháp viên giác.

Quyển “VIÊN GIÁC KHÁI LUẬN” của Hòa Thượng Thích Viên Lý chính là đang đi đúng theo tông chỉ này. Được nhào nặn thành từ tinh hoa Kinh điển, mở ra các chiều kích tư duy nhiếp thấu mọi sở học và trình độ, ứng hợp với mọi nghiệp tánh của chúng sanh, sự luận lý vô cùng sắc bén và chi tiết, tỉ mỉ đã giúp quyển Luận giải về Kinh Viên Giác này trở nên rộng sâu và dễ hiểu hết mức có thể. Chúng ta đều biết rằng, Viên Giác là một trong những bộ Kinh khó và có chỗ đứng quan trọng trong hệ thống Giáo điển Đại thừa, không phải ngẫu nhiên mà nó được xem là “Chánh Pháp Nhãn Tạng”, “Con mắt của 12 bộ Kinh”, và là “Áng thiên chương giữa rừng Triết lý”, hay nói như Tổ Bồ Đề Đạt Ma (Bodhidharma): “Trực chỉ nhân tâm, kiến tánh thành Phật”. Trên cơ sở là một pháp môn đốn giáo nhất thừa, chỉ thẳng vào bản tâm, thấy tánh thành Phật, nên mọi phân tách và giải luận Kinh đều không thể

không tránh khỏi lỗi Nhị biên; song vì để thấy Trăng tự tánh, chúng ta phải tạm mượn duyên nơi Ngón tay phương tiện, nơi Ngón tay này mà mỗi người sẽ có cách nhận giải khác nhau để rồi chỉ cùng hướng về một vầng Nguyệt quang duy nhất. Và, VIÊN GIÁC KHÁI LUẬN mà quý vị đang cầm trên tay là một trong số những phương tiện đó.

Nói theo ngôn ngữ hiện đại thì toàn bộ Kinh văn Viên Giác chính là đang mô tả về một buổi Pháp đàm giữa Phật và chư Bồ tát. Thông qua việc khai vấn và giải nghi xung quanh lộ trình tu chứng để nhập Viên Giác tánh mà thực tướng các pháp dần được phân tách và hiện mở từng lớp một, cho đến đi về cái rỗng tại tuyệt đối. Từ “Trụ xứ của Phật địa” trong Chương Văn Thù, “Y chỉ xứ của Vô minh” trong Chương Phổ Hiền, “Căn gốc của sinh tử” trong Chương Di Lặc, cho đến “Học thuyết Tứ tướng” trong Chương Tịnh Chư Nghiệp Chướng, hay “Phương tiện thế để tu hành và lợi sanh” trong Chương Phổ Giác và Viên Giác... rốt cùng chỉ đi về một niệm Tâm. Muôn pháp sinh ra từ nơi đó và cũng từ nơi đó mà diệt, Sanh tử hay Niết bàn, Phật hay Chúng

Sanh, Hạnh phúc hay Đau khổ vốn chưa từng ra ngoài Chân tâm. Cho đến cái gọi là “Chân tâm” cũng chẳng có, đây mới thật sự là Chân lý Bất nhị trong Kinh Viên Giác, thành tựu được Bất nhị pháp môn tức là thành tựu Như Lai trụ xứ, Đà la ni Tam muội hay Viên giác Diệu tâm... bình đẳng nhất pháp.

Với tư cách là một hành giả Phật giáo cũng như là một nhà nghiên cứu Phật học tinh thông, Hòa Thượng Thích Viên Lý đã có không ít thành tựu trong việc Luận giải Kinh điển, lời dạy của Đức Phật thành một hệ thống triết lý sâu sắc, góp vào thư viện Tam tạng giáo điển những tinh hoa tư tưởng vốn được dựng xây và truyền tiếp bởi bao người và qua bao thế hệ.

Giá trị thực sự của Phật giáo không phải là những lý thuyết suông được người đời ca thán, càng không phải là ngôn ngữ biện đàm về mặt học thuật, mà nó nằm ở công phu hành trì, được nghiệm chứng từ quá trình thực hành tâm linh và sự chuyển vận năng lượng bi-trí đến chúng sanh. Và chúng tôi cho rằng, Hòa Thượng Thích Viên Lý đã và đang hiện-thực-hóa điều đó, từng câu chữ được kiến tạo nên bởi sự hành trì nghiêm cẩn cũng như được lưu xuất từ nội

hàm tuệ quán đã khiến cho công trình nghiên cứu VIÊN GIÁC KHÁI LUẬN này trở nên thật sự giá trị và ý nghĩa.

Thay mặt cho những học và hành giả Phật giáo đang từng ngày trên lộ trình tiến đến bờ Viên giác, chúng tôi xin hết lòng tán thán công đức soạn giải của Hòa Thượng cũng như trân trọng giới thiệu đến quý độc giả tác phẩm VIÊN GIÁC KHÁI LUẬN này.

Những mong, năng lượng bi-trí nơi đây có thể truyền tải đến bạn đọc một cách rọt ráo, góp phần mở ra tánh giác viên mãn sẵn có nơi mỗi người.

**Nhà Xuất bản  
Bodhi Wisdom DN Publishing**





## Dẫn Nhập

Kinh **Viên Giác** là Kinh Đại Thừa đốn giáo. Thuật ngữ Viên Giác có nghĩa là sự giác ngộ hoàn hảo, viên mãn không còn một mảy may vô minh, lậu hoặc. Viên Giác tánh thanh tịnh toả chiếu khắp ba đời mười phương thế giới, hiện hữu ở mọi nơi và có mặt trong tất cả hiện tượng, không bị giới hạn và chướng ngại bởi không gian hay thời gian, chu biến và hàm dung cả vật thể lẫn tâm thức, vì thế mà tên đầy đủ của Kinh là: ***Đại Phương Quảng Viên Giác Tu Đa La Liễu Nghĩa Kinh*** (大方廣圓覺修多羅了義經).

Tông chỉ tu hành của Kinh này là đoạn trừ các tướng ngã, nhân, chúng sanh và thọ mạng, không vướng mắc vào chủ thể nhận thức và đối tượng bị nhận thức, Phật và chúng sanh,

vô minh và giác ngộ, phiền não và giải thoát, nhiễm ô và thanh tịnh, sanh tử và Niết bàn, sở chứng và năng chứng, sở tri và năng tri, phương tiện và cứu cánh... liễu triệt được thực tướng các pháp tuyệt đối bình đẳng bất nhị. Khi trong tâm không còn những khái niệm phân biệt hư huyền nữa, tất cả điên đảo vọng tưởng đã đoạn trừ thì tánh giác sẽ tự nhiên xuất hiện, đó chính là tính viên giác cũng được hiểu là tính không, bất nhị, chơn như, chân tâm, nhất chân pháp giới, Phật tánh, Như lai tạng...

Hơn 20 năm trước, vào mỗi buổi tối tại Chùa Diệu Pháp, cùng với đại chúng tụng từng trang Kinh Viên Giác và sau mỗi thời tụng kinh chúng tôi đều giảng về nội dung tư tưởng của mỗi chương. Để việc giảng giải đạt được kết quả như nguyện, bút giả cũng đã dành thì giờ để dịch và viết về Kinh Viên Giác.

Nay lược lại các bản thảo của những năm xưa để nhuận sắc lại và, trong sứ mệnh xiển dương chánh pháp lợi lạc quần sanh, cuốn Viên Giác Khái Luận cũng như bản dịch Kinh Viên Giác từ Hán văn sang Việt ngữ này được ấn hành như một thâm tạ đối với tám đạo tình vô cùng quý báu của các bậc thiện hữu tri thức xa gần.

Thành tâm chúc nguyện mọi hành giả và  
muôn loài chúng sanh thể nhập tánh Viên giác  
thanh tịnh chiếu sáng và luôn an nhiên tự tại.

*Hoa Kỳ, ngày 24 tháng 2 năm 2023*

**Tỳ kheo Thích Viên Lý**



Phần Một

VIÊN GIÁC  
KHÁI LUẬN



# I. Khái Quát Lịch Sử Phiên Dịch và Giải Luận Kinh Viên Giác

**Kinh Viên Giác** (sa.Mahāvaiṣṭyapūrṇa-buddhasūtra-prasannārtha-sūtra, zh. 圓覺經, en. The Sutra of Perfect Enlightenment) là một bộ Kinh thuộc Đại thừa Phật giáo. Theo Khai Nguyên Thích Giáo Lục (開元釋教錄), Kinh được dịch từ tiếng Sanskrit sang chữ Hán bởi ngài Buddhatrāta (Phật-đà-đa-la – 佛陀多羅), người Kế Tân, thuộc Bắc Ấn Độ<sup>1</sup>, vào triều đại nhà Đường (唐朝) niên hiệu Trường Thọ (長壽) thứ hai (693), tại chùa Bạch Mã với tên Kinh là **Giác Cứu**.

Hay trong “*Lược Sớ Chú Kinh Đại Phương Quảng Viên Giác Tu Đa La Liễu Nghĩa*”, Sa môn Tông Mật lại chép:

---

1 Afghanistan (Yết Thấp Di La) ngày nay

*“Tam Tạng Pháp sư Phật-đà-đa-la là người Yết Thấp Di La đã đem bản tiếng Phạn Kinh Viên Giác đến Thần Đô vào năm Quý Tỵ, niên hiệu Trường Thọ thứ hai và truyền dịch tại chùa Bạch Mã, gồm 2 quyển, tổng cộng 28 tờ”.*

Ngoài ra, nếu căn cứ theo Viên Giác Đại Số (圓覺大疏) của ngài Khuê Phong thì Kinh Viên Giác còn được ngài La-Hầu-Mặc-Kiện dịch tại chùa Bảo Vân ở Đàm Châu, đời nhà Đường, niên hiệu Trinh Quán (貞觀) thứ hai mươi một (647), tháng 7 năm Đinh Mùi.

Tuy nhiên, bản dịch của ngài Buddhatrāta được xem là bản dịch phổ biến nhất.

Đặc biệt kể từ thời nhà Đường và nhà Tống, Kinh Viên Giác đã trở nên khá phổ biến trong các giáo phái như Thiên Thai Tông (天臺宗), Hiền Thủ Tông (賢首宗) và Thiền Tông (禪宗) v.v...

Ngài Khuê Phong – Tông Mật (圭峰宗密), vị Tổ thứ năm của Hoa Nghiêm Tông đã viết 7 bộ luận chú giải về Kinh Viên Giác nhưng ba bộ nổi bật nhất đó là ***Viên Giác Kinh Đại Số Thích Nghĩa Sao*** (圓覺經大疏釋義鈔), ***Viên Giác Kinh Lược Số*** (圓覺經略疏) và ***Viên Giác Kinh Lược Số Sao*** (圓覺經略疏鈔).



Ngoài ra còn có các bộ luận khác như:

- *Viên Giác Kinh Sớ* (圓覺經疏) – một quyển của ngài Duy Khát (惟慤) ,

- *Viên Giác Kinh Sớ* (圓覺經疏) – hai quyển của ngài Ngô Thật (悟實),

- *Viên Giác Kinh Sớ* (圓覺經疏) – bốn quyển của ngài Kiên Chí (堅志) ,

- *Viên Giác Kinh Sớ* (圓覺經疏) – ba quyển của ngài Đạo Thuyên (道詮),

- *Viên Giác Kinh Sớ* (圓覺經疏) – tám quyển của Ngài Phục Án Đạo Huy (複庵道輝),

- *Ngự Chú Viên Giác Kinh* (禦注圓覺經) – hai quyển của vua Tống Hiếu Tông (宋孝宗).

- *Viên Giác Kinh Lược Sớ Tự Chú* (圓覺經略疏序注) – hai quyển do ngài Như Sơn của thiền viện Chương Giang ở Long Giang (龍江章江禪院如山撰) biên soạn v.v...

Trên thế giới hiện nay cũng đã có khá nhiều tác phẩm, bài nghiên cứu v.v... về **Kinh Viên Giác**, phổ biến một cách rộng rãi qua nhiều ngôn ngữ khác nhau.

## II. Ý Nghĩa Đề Kinh

Thế theo lời dạy của Đức Phật thì Kinh Viên Giác (圓覺經) có các tên gọi như sau:

### 1. Đại Phương Quảng Viên Giác Đà La Ni (大方廣圓覺陀羅尼).

**Đại** (大) có nghĩa là vĩ đại, quảng đại, thể đại, không bất cứ nơi nào mà không có mặt, bao trùm khắp pháp giới vũ trụ, không tăng không giảm.

**Phương** (方) là chỉ cho các phương chính, là quy phạm, quy tắc, thống nhiếp cả không gian và thời gian, biến khắp cả mười phương pháp giới.

**Quảng** (廣) là quảng đại không có biên giới, là quảng hoạt (廣闊) không có chỗ cùng tận, biến khắp quá khứ, hiện tại và vị lai.

**Viên Giác** (圓覺) là chơn như, là Như Lai tạng, Phật tánh, chân tâm, nhất chân pháp giới. Viên là viên mãn, dung thông vô ngại. Giác là giác ngộ, giác tánh.

**Đà La Ni** (陀羅尼) là tổng trì, là tổng cương của tất cả Phật pháp.

## 2. Tu Đa La Liễu Nghĩa (修多羅了義).

Tu Đa La (修多羅) dịch âm từ tiếng Phạn của chữ Sūtra có nghĩa là kinh tạng, kệ kinh, chánh kinh, quán kinh. Liễu nghĩa (了義) là chỉ cho chân lý rốt ráo, tối thượng, đoạn trừ mọi vô minh...

## 3. Bí Mật Vương Tam Muội (祕密王三昧)

Bí mật vương là tối vi diệu, không thể nghĩ bàn. Tam muội là chánh định, đẳng trì, chánh thọ, chánh tư duy... Chỉ cho Viên Giác tam muội.

## 4. Như Lai Quyết Định Cảnh Giới (如來決定境界).

Nghĩa là chỉ có đức Như Lai mới hoàn toàn liễu giải kinh này, hiểu rõ một cách tường tận pháp môn giác ngộ viên mãn này cho đến quyết định thành Phật, có đầy đủ tính quyết định vì không còn nghi ngờ gì nữa. Nói một cách khác,

chúng sanh phải đạt được cảnh giới này thì mới thành Phật được.

## 5. Như Lai Tạng Tự Tánh Sai Biệt Kinh (如來藏自性差別).

Xuất phát từ tự tánh của sự giác ngộ viên mãn mà phát khởi mọi thứ phân biệt. Như Lai tạng là bất động, nhưng công đức của nó có thể được biểu hiện bằng nhiều cách sinh động khác nhau.

Từ nội hàm ý nghĩa của năm tên này mà có thể gói gọn đề Kinh thành “*Đại Phương Quảng Viên Giác Tu Đa La Liễu Nghĩa*” hay “*Đại Phương Quảng Viên Giác Kinh*”.

Tổ Khuê Phong Tông Mật lý giải chữ “*Đại*” chính là thể tánh chân thật trùm khắp hư không pháp giới. Thái Hư Đại sư thì cho rằng “*Đại*” ở đây là lý thể tuyệt đối, vượt ngoài đối đãi. “*Phương*” – theo tổ Khuê Phong, là từ thể chân thật của Đại mà gìn giữ mọi phương tắc, khởi tượng ra muôn pháp; tuy nhiên, Thái Hư Đại sư lại cho rằng, “*Phương*” là phương sở, lý thể tuyệt đối trùm khắp hết thảy, không có phương sở, hạn lượng, không chịu hạn cuộc bởi không gian hay thời gian. “*Quảng*” – theo tổ Khuê Phong là

diệu dụng của thể chân thật không thể nghĩ bàn, rộng lớn không thể đo lường... cũng như cách lý giải của Thái Hư Đại sư. Hay nói một cách dễ hiểu hơn, “*Đại Phương Quảng*” theo cách lý giải của Ngài Khuê Phong chính là sự dung năng hòa hợp giữa thể - tướng và dụng, từ thể tánh chân thật này mà hoạt hóa ra muôn hình vạn trạng các pháp với dụng đức khác nhau.

Thái Hư Đại sư thì lại lý giải “*Đại Phương Quảng*” như một thể tánh bình đẳng tuyệt đối, vì chân thật nhất như, bình đẳng tuyệt đối nên không thể dùng nhị nguyên để so sánh, dùng trí thế gian để đo lường.

“*Đại Phương Quảng*” cũng chính là ý nghĩa của “*Viên Giác*” (sự giác ngộ một cách viên mãn, cứu cánh), tức chỉ cho cảnh giới Phật, cảnh giới Viên giác, Toàn giác... khác với Bất giác của phàm phu, Tà giác của ngoại đạo, Chánh giác của nhị thừa và Phần giác của Bồ tát. Từ nơi thể chân thật “*Đại Phương Quảng*” mà thành tựu “*Viên Giác*”, ở nơi trí “*Viên Giác*” mà hội nhập “*Đại Phương Quảng*”, bình đẳng nhất như, tự tại tuyệt đối, đây chính là ý nghĩa rốt ráo của Chánh đẳng Chánh giác hay Căn bản trí, Phật quả.

Do đó, “*Đại Phương Quảng Viên Giác Kinh*” cũng được nói một cách ngắn gọn nhất là “*Viên Giác Kinh*”, vì khi nói đến Viên Giác, tức là đã dung năng hết thấy các pháp trong nó.

### III. Bố Cục Căn Bản

Y theo bản Kinh Viên Giác trong Hán tạng thì Kinh không được trình bày theo cách phân chương, mà Ngài Buddhatrāta dịch và trình bày bộ kinh với nội dung xuyên suốt. Tuy nhiên, căn cứ trên nội dung thỉnh vấn của 12 vị Bồ Tát mà các học giả sau này phân thành 12 chương tương ứng để tiện cho việc ghi nhớ và giảng giải. Tên của các vị Bồ Tát cũng được dùng để đặt cho tên chương của kinh văn.

Do đó, Kinh Viên Giác gồm có 12 Chương do 12 vị Thượng thủ Bồ Tát tiêu biểu thỉnh vấn và Đức Phật Thích Ca Mâu Ni khai thị, gồm có:

Chương 1: Bồ-Tát Văn Thù Sư Lợi

Chương 2: Bồ-Tát Phổ Hiền

- Chương 3: Bồ-Tát Phổ Nhãn
- Chương 4: Bồ-Tát Kim Cang Tạng
- Chương 5: Bồ-Tát Di-Lặc
- Chương 6: Bồ-Tát Thanh Tịnh Huệ
- Chương 7: Bồ-Tát Oai Đức Tự Tại
- Chương 8: Bồ-Tát Biện Âm
- Chương 9: Bồ-Tát Tịnh Chư Nghiệp Chướng
- Chương 10: Bồ-Tát Phổ Giác
- Chương 11: Bồ-Tát Viên Giác
- Chương 12: Bồ-Tát Hiền Thiện Thủ

Phần mở đầu của Kinh giới thiệu quang cảnh của Pháp hội mà địa điểm là trạng thái tập trung thiền định sâu “Thần thông đại quang minh tạng tam muội”, là cảnh giới Thường Tịch Quang, nơi Đức Phật đã hiện thân trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm để thuyết pháp.

Hiện diện trong Pháp hội này gồm có Đức Phật Thích Ca Mâu Ni và một trăm nghìn vị đại Bồ Tát cùng quyến thuộc, trong số đó có mười hai vị Bồ Tát lớn, là những bậc thượng thủ, đóng vai trò là những người phát ngôn, thay mặt cho chúng hội để tác bạch lên Đức Phật về những gì cần khải thỉnh. Mười hai vị Bồ Tát đã lần lượt đánh lễ nhằm biểu lộ lòng tôn kính và



thỉnh cầu Đức Phật khai thị về những thắc mắc có liên quan đến giáo nghĩa thâm thâm, phương pháp thực hành và sự giác ngộ viên mãn.

Cấu trúc căn bản của Kinh bao gồm những câu hỏi rất quan yếu của 12 vị Bồ Tát lớn và sự khai thị của Đức Phật, nhất là trong phần mở đầu đã như một nỗ lực trực tiếp đánh thức những người có cội nguồn của đức hạnh, là những bậc thượng căn thượng trí mà thuật ngữ Phật học gọi là “Lợi căn” – có khả năng tỉnh thức trực tiếp đối với tính bất nhị của thực tại siêu việt. Qua sự khải thỉnh của Bồ tát Văn Thù (Manjushri) và Bồ tát Phổ Hiền (Samantabhadra), Đức Phật đã phủ nhận khả năng giác ngộ thông qua lộ trình thực hành dần dần tức là “tiệm” mà phải là “đốn” tức là đột ngột.

Tuy nhiên, sau đó, với đại bi tâm, Đức Phật đã dùng phương tiện thiện xảo để tùy theo căn cơ chúng sanh mà từ từ làm chậm lại tiến trình tu tập bằng cách phối hợp giữa “đốn” và “tiệm”, thù ứng với ba năng lực của ba căn cơ khác nhau đó là thượng căn, trung căn và hạ căn.

Qua đó, ba chương đầu: **Bồ tát Văn Thù**, **Bồ tát Phổ Hiền** và **Bồ tát Phổ Nhãn** là ba

Chương dành cho những người có năng lực vượt trội tức thượng căn thượng trí.

Bảy chương tiếp theo: **Bồ tát Kim Cang Tạng, Bồ tát Di-lặc, Bồ tát Thanh Tịnh Huệ, Bồ tát Oai Đức Tự Tại, Bồ tát Biện Âm, Bồ tát Tịnh Chư Nghiệp Chướng, Bồ tát Phổ Giác**, là các Chương dành cho những người có năng lực trung bình tức trung căn trung trí.

Hai chương cuối cùng: **Bồ tát Viên Giác, Bồ tát Hiền Thiện Thủ** dành cho những người có năng lực kém hơn tức hạ căn hạ trí.

Tuy nhiên, sự phân chia như thế cũng chỉ là cách phân chia tạm thời, để tiện cho việc dễ nghiên cứu, tìm hiểu mà lập ra.

## IV. Lược Giải Nội Dung Kinh Văn

Kinh Viên Giác là một bộ Kinh thuộc “Nhất thừa Viên giáo”, thuộc tạng Kinh điển Đại thừa, trình bày về tuệ giác viên mãn của Phật, hay nói cách khác là trực chỉ Pháp thân, chân như, thật tánh...

Thông qua sự khai thỉnh của 12 vị Bồ tát mà Đức Phật đã từ bi khai thị, phương tiện chỉ bày tạng Viên giác bí mật của Như Lai, hướng chúng sanh về quả Nhất thừa, ứng hợp cả ba căn (thượng-trung-hạ), viên dung cả lợi - độn.

## 1. CHƯƠNG BỒ-TÁT VĂN THÙ SƯ LỢI

**Chương thứ nhất** là chương Bồ tát Văn Thù. Ở chương này, Bồ tát Văn Thù Sư Lợi đã thỉnh cầu Đức Phật khai thị về một số thắc mắc sau khi nghe Đức Phật dạy về nhân địa tu hành của chư Phật và từ tánh Viên giác mà sinh ra các pháp thanh tịnh Bồ Đề, Chơn như, Niết Bàn và Ba La Mật. Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi đã thỉnh cầu Đức Phật khai thị về hai vấn đề như sau: Một là, đâu là nhân địa tu hành của Như Lai – hay nói cách khác – Như Lai nhờ tu hạnh gì mà thành. Hai là, những Bồ Tát sau khi phát tâm Đại thừa, phải tu tập thế nào để có thể xa lìa vọng tưởng, chứng ngộ được viên giác thanh tịnh? Làm thế nào để xa lìa vô minh, tà kiến và liễu tri rốt ráo về thực tại sinh diệt huyễn hóa của thân và tâm để không bị luân hồi trong đau khổ? Ở đây ta thấy câu hỏi này rất giống với câu hỏi về “trụ tâm” và “hàng phục tâm” của Ngài Tu Bồ Đề trong Kinh Kim

Cang. Qua đó có thể biết rằng sứ mạng của một vị Bồ Tát trên lộ trình tự giác và giác tha không gì hơn đó là làm chủ Tâm, vì chỉ làm chủ được Tâm thì mới làm chủ được mọi vô minh điên đảo và, chỉ khi nào làm chủ được vô minh điên đảo thì mới có thể liễu triệt thực tại các pháp, mãn viên quả giác, mãn nguyện độ sanh. Về cơ bản, đây cũng là nền tảng và mối quan tâm chính của toàn bộ kinh.

Để trả lời những câu hỏi đó, Đức Phật đã lần lượt chỉ ra pháp “Viên Giác Đại Đà La Ni” của Như Lai, cũng như nêu bật ý nghĩa của vô minh và giúp các hành giả liễu tri bản chất vô minh như chính vô minh đang là.

Đức Phật đã khai thị rằng, nhân địa tu hành của Như Lai chính là y trên Tự tánh Viên giác mà thành, từ tự tánh này mà khởi sinh các pháp thanh tịnh như Chơn như, Bồ đề, Niết bàn, Ba la mật... Tự tánh Viên giác là tánh bình đẳng bất nhị, uyên nguyên tuyệt đối, chân thật bất động, trùm khắp pháp giới và tiềm tàng trong tất cả chúng sanh. Ở trong trí Viên giác này mà đoạn tận vô minh vọng tưởng, thành tựu quả Phật. Chư Phật ba đời đều y chỉ nơi tánh Viên giác này mà tu hành nên nói “Viên giác” chính

là pháp tu hành của Như Lai, là nhân địa bốn khởi của mười phương chư Phật.

Cũng từ trên nền tảng căn bản này mà Bồ tát sau khi phát tâm Đại thừa có thể tận đoạn vô minh, dứt trừ vọng tưởng tà kiến, thành tựu chánh tri giác. Phật dạy, Bồ tát không nên nhìn nhận vô minh trên phương diện bản thể học mà phải coi nó như một thực thể huyễn hóa tự tồn tại. Đức Phật đã mô tả sự vô minh bằng pháp ẩn dụ về những hoa đốm giữa hư không và mặt trăng thứ hai huyễn hoặc. Sở dĩ chúng ta có những nhận thức sai lầm rằng là ở giữa hư không có các hoa đốm hiện hữu là bởi vì do mắc phải chứng bệnh quang học như bệnh đục thủy tinh thể chẳng hạn, thực tế này chẳng khác nào như nhận thức về vòng luân hồi sanh tử của những người chưa chứng ngộ. Khi mắt không còn bị bệnh thì tự nhiên hoa đốm giữa hư không sẽ biến mất. Bản chất của vô minh còn được Đức Phật ví như người trong nhất thời bị lạc mất phương hướng, nó chỉ đơn thuần là một trạng thái nhận thức sai lầm. Chỉ cần nhận chân mọi hiện tượng như chính mọi hiện tượng đang là mà không cần phải làm một thứ gì khác. Đức Phật đã xác quyết rằng thân và tâm của con

người cũng như tất cả sự sinh tử luân hồi không khác gì là những hoa đốm huyễn hoặc trên bầu trời và mặt trăng thứ hai được nhìn thấy bởi những người bị bệnh mắt.

Y theo đây có thể hiểu, mọi tốt - xấu nhị biên, được - mất lưỡng cực, cho đến sinh tử - niết bàn... mà từ trước đến nay chúng ta hằng nhận định, phán xét, bám trụ trên đó vốn chẳng có thật, chính là hoa đốm giữa hư không, là mặt trăng thứ hai do “bệnh vô minh” mà thành. Chính vì căn bệnh vô minh phát tác hoành hành mà chúng sanh nhận giả làm chơn, phân biệt điên đảo, từ đó sanh ra muôn thứ khổ đau. Do đó, cốt lõi của sự tu hành không gì khác chính là đoạn tận vô minh.

Để cho dễ hiểu, chúng ta có thể ví dụ vô minh như một giấc mộng. Khi ngủ chúng ta nằm mộng, muôn hình vạn trạng từ nơi tiềm thức vọng tưởng phát khởi; mộng lành thì sinh tâm yêu thích, luyến ái; mộng dữ thì sinh tâm sợ hãi, chán ghét... Thế nhưng khi tỉnh dậy, trở về với thực tại, chúng ta mới nhận ra rằng thước phim mộng mị ấy dù lành hay dữ đều không thật có, nó được chế tác từ vọng tưởng, si mê mà ra. Nếu hiểu ra được như vậy thì dù mộng

lành hay dữ cũng đều không thể khiến chúng ta động tâm bởi lẽ nó không hề tồn tại. Và cũng không thể nói là “đoạn mộng” vì thực tế mộng không hề tồn tại.

Tuy nhiên, dù là vô minh vọng tưởng hay tỉnh thức trí giác cũng đều y cứ trên một niệm tâm, tỉnh thời làm Phật, mê làm chúng sanh. Pháp tu hành của Như Lai không phải là thứ gì cao siêu, huyền thoại, nó chỉ đơn giản là một “niệm tỉnh”, một “đôi mắt sáng” mà thôi. Người tỉnh thì sẽ không mộng, mắt sáng thì không thấy hoa đốm, căn cứ trên “niệm tỉnh” này mà tánh Viên giác hiển lộ, đây chính là con đường tu hành, hàng phục vọng tưởng vô minh của Bồ Tát.

Vì “Viên giác” hay “Vô minh” cũng không ngoài niệm Tâm nên Như Lai mới nói pháp bình đẳng bất nhị, là Một nhưng chẳng phải Một, chẳng phải Một nhưng lại là Một; chuyển hóa Vô minh ắt thành Viên giác, Viên giác bị che mờ, trở lại thành Vô minh. Nếu nói Vô minh là Không, thì Viên giác cũng chẳng có. Tựu chung quy chính là các pháp sự thật vốn như vậy, bất sinh bất diệt như vậy, Có-Không như vậy.



Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi là một trong những vị Bồ Tát điển hình của Đại thừa Phật giáo, Ngài thường xuất hiện khá phổ biến trong các Kinh tạng Đại thừa như Pháp Hoa, Hoa Nghiêm, Thủ Lăng Nghiêm, Duy Ma Cật... và ở đây là Kinh Viên Giác. Ngài là vị Bồ tát biểu trưng cho Căn bản trí (trí tuệ sẵn có trong tất cả chúng sanh), còn được biết đến với danh hiệu Tam Thế Giác Mẫu Diệu Cát Tường<sup>1</sup> (gốc đức giác ngộ của ba đời chư Phật), đồng thời là biểu tượng của Trí đức, Tuệ đức và Chứng đức<sup>2</sup>.

Việc Bồ tát Văn Thù Sư Lợi thưa hỏi về nhân địa tu hành của Như Lai mang ý nghĩa căn gốc lập địa tu hành của chư Phật cũng như tiến trình hàng phục tâm của Bồ tát đều phải lấy Căn bản trí làm y cứ. Tức đi từ Bất giác (nhận thức sai lầm), Thủy giác (sự giác ngộ do trải qua quá trình tu tập) để đến Bản giác (bản tính giác ngộ tiên thiên sẵn có) và, Bản giác ở đây cũng chính là Căn bản trí hay Viên giác.

Nói cách khác, Căn bản trí hay Tự tánh Viên giác chính là nhân địa lập khởi, nền tảng của mọi sự huân tu đồng thời cũng là đích đến

---

1 Kinh Đại Thừa Bản Sanh Tâm Địa Quán

2 Văn Thù Bồ Tát Pháp Kinh

cuối cùng (Chứng đức) mà mỗi Bồ tát Đại thừa hướng đến. Vừa là nền tảng, vừa là con đường, vừa là đích đến cuối cùng, dung thông vô ngại, không có pháp khác... chính là ý nghĩa của việc Bồ tát Văn Thù đại diện thưa hỏi Phật ở phẩm đầu tiên này.

## 2. CHƯƠNG BỒ-TÁT PHỔ HIỀN

**Chương thứ hai,** Bồ tát Phổ Hiền đã khái thỉnh với Đức Phật bốn điều như sau:

- Phải tu tập như thế nào khi nghe cảnh giới Viên giác thanh tịnh này?
- Làm sao dùng huyễn để tu nơi huyễn?
- Tại sao lại nói tu hành như huyễn?
- Nếu các chúng sanh ở trong sanh tử luôn sống trong ảo tưởng huyễn hóa, chưa từng hiểu rõ cảnh giới như huyễn thì làm sao giải thoát tâm vọng tưởng?

Để trả lời cho các câu hỏi của Bồ tát Phổ Hiền, Đức Phật đã tuần tự dạy như sau:

Một, chúng sanh tu tập pháp Đại thừa trong đời mạt pháp phải tu tập như thế nào khi nghe cảnh giới Viên giác thanh tịnh này? Như đã trình bày ở phẩm trước, cảnh giới Viên giác của Như Lai chính là cảnh giới rời xa mọi vô minh vọng tưởng, rời xa mọi huyễn hóa của

thân, tâm và khí thể gian. Tuy nhiên, có một điều tưởng chừng như phi logic nhưng lại vô cùng logic ở đây là “*các thứ huyễn hóa trên đều đến từ Viên giác diệu tâm của Như Lai mà sanh ra*”. Cũng như hoa đốm (vốn là ảo ảnh) nhưng lại được sinh ra trong hư không (thực tại bất diệt), khi huyễn tâm diệt thì huyễn cảnh cũng không còn, huyễn cảnh tuy không còn nhưng hư không vẫn ở nơi đó, tánh của hư không không vì huyễn cảnh diệt mà mất đi. Do đó, chúng sanh thời mạt pháp muốn tu hành tiến vào cảnh giới Viên giác không phải là đi diệt huyễn cảnh (vì vốn chẳng có) mà là đoạn trừ và chuyển hóa huyễn tâm. Khi huyễn tâm được chuyển hóa thành Chân tâm thì tức khắc chân cảnh hiện tiền. Và, chân cảnh ở đây cũng chính là cảnh giới Viên giác.

Hai là, nếu chúng sanh đó, biết pháp như huyễn, thân và tâm cũng huyễn, thì làm sao dùng huyễn để tu nơi huyễn? Cũng đã giải thích ở trên, Vô minh và Viên giác, Chân và Huyền tuy là những thực tại đối lập nhau nhưng chúng lại tiềm tàng trong nhau; như hoa đốm ở trong hư không, hư không bao chứa hoa đốm, mộng và thực cũng từ một niệm tâm, tâm mê thì thấy

mộng, tỉnh rồi thì thực tại hiện tiền. Tâm huyền thì khi thấy cảnh, cảnh đó là cảnh huyền, nhận ra được cảnh huyền thì tâm huyền cũng lập tức biến mất. Khi đoạn được cả sở huyền (khí thể gian) và năng huyền (thân-tâm, tức hữu tình chúng sanh), hiểu được rằng cái Tâm thấy vạn pháp huyền đó cũng là huyền thì ngay đó thể tính Viên giác bất động hiện tiền. Do đó, Phật dạy: *“Huyền tâm của chúng sanh cũng theo huyền mà diệt, các thứ huyền diệt hết, tâm giác ngộ bất động”*.

Nói một cách dễ hiểu hơn, để vào được cảnh giới Viên giác thì nhất định phải đoạn trừ mọi vọng tưởng, vô minh huyền hoặc, cho đến Tâm phân biệt Chân-huyền, thật-giả cũng chẳng còn, hoàn toàn xa lìa đối đãi nhị nguyên mới thật sự được gọi là trí giác chiếu soi. Như vậy, từ trên tâm huyền mà thấy cảnh huyền, từ trên cảnh huyền mà thấy tâm huyền, huyền huyền rốt ráo nên gọi là “dùng huyền để tu nơi huyền” hay “dùng huyền để độ huyền”. Đức Phật dạy, có một thực tại siêu việt ngoài vọng tưởng, khi vọng tưởng bị xóa bỏ thì tâm bất động vẫn như nhiên. Đức Phật xác chứng rằng dùng huyền để độ huyền bằng cách “tri huyền tức ly” (知幻即

離) và “ly huyễn tức giác” (離幻即覺) và, ngay cả cái được cho là đã viễn ly cũng phải viễn ly (vô sở ly); giống như hai khúc cây cọ xát vào nhau để tạo ra lửa. Khi hai khúc cây tượng trưng cho huyễn vọng bốc cháy thì cả hai đều bị thiêu hủy và biến mất. Dù chúng biến mất nhưng sự nhận biết thì vẫn còn đó. Nên nói: *“Y theo huyễn nói giác cũng gọi là huyễn, nếu nói có giác thì vẫn chưa lìa huyễn, nếu không có giác thì cũng như thế. Cho nên, huyễn diệt gọi là bất động”*.

Ba là, nếu các tánh huyễn, tất cả đều diệt hết, thì không có tâm, vậy ai là người tu hành? Tại sao lại nói tu hành như huyễn? Nếu ở trên là phá tâm và các pháp như huyễn (phá chấp Có) thì đến đây, Phật lại khai bày thêm một tầng phá nữa, đó là phá tâm cố chấp cho rằng tâm – pháp, năng - sở như huyễn (tức phá chấp Không). Thực tại các pháp dù thân hay tâm, hữu tình thế gian hay khí thế gian đều là pháp sanh diệt không thật có, vì tri giác sai lầm mà chúng ta nhận giả làm chơn, Phật vì giúp chúng ta chuyển hóa tri giác sai lầm đó mà dạy các pháp vốn Không. Tuy nhiên, sau khi tu hành, thấy vạn pháp như huyễn rồi, chúng ta lại rơi vào cái bẫy của chấp Không mà không thấy

các pháp thực tại có giả hợp mà thành. Cho đến khi thấy các pháp Có-Không tương hỗ, thực tại trung đạo, chúng ta vẫn chấp vào pháp gọi là trung đạo. Và dĩ nhiên, mọi hiểu biết được xây dựng trên nền tảng chấp trước đều là vô minh, tà kiến. Đức Phật dạy: *“Tất cả Bồ Tát và chúng sanh đời mạt pháp nên xa lìa tất cả cảnh giới huyễn hóa hư vọng, tâm xa lìa cố chấp là tâm như huyễn cũng phải lìa xa, sự xa lìa huyễn cũng phải xa lìa, xa lìa cái xa lìa huyễn cũng phải xa lìa, đạt đến không chỗ xa lìa tức đoạn trừ các huyễn”*.

Do đó, khi Bồ tát Phổ Hiền hỏi về việc “tu hành như huyễn”, Đức Phật đã vì Bồ tát Phổ Hiền cùng chư thánh chúng dạy về pháp môn “Như huyễn tam muội”, nhằm đoạn trừ mọi vướng mắc về năng huyễn – sở huyễn, sự huyễn – lý huyễn, cho đến phương pháp tu hành để thành tựu chánh tri kiến cũng không. Thấy được các pháp là Có nhưng Không, tuy Không mà Có, thân này tuy huyễn nhưng chính nhờ nó mà chúng ta mới tu hành được nên từ nơi Không mà ta thấy Có. Tuy có người tu, pháp tu nhưng không chấp trước vào nó, cho đến việc tu hành để đạt được điều này cũng như huyễn

thì ngay đó mới được viên mãn hoàn toàn. Đây chính là ý nghĩa của “Như huyễn tam muội”, cũng là để trả lời cho nghi vấn “Ai là người tu hành? Tại sao lại nói tu hành như huyễn?” của Bồ tát Phổ Hiền.

Thứ tư là, nếu các chúng sanh ở trong sanh tử luôn sống trong ảo tưởng huyễn hóa, chưa từng hiểu rõ cảnh giới như huyễn thì làm sao giải thoát tâm vọng tưởng? Cũng như, khi chúng ta nằm mộng, chúng ta không hề biết đó là mộng, vậy làm sao để lìa mộng? Đây được xem là một câu hỏi khá hay và vô cùng sâu sắc. Đức Phật dạy mọi vọng tưởng vô minh không đâu khác chính đều y trên Viên giác mà dựng lập, cũng như căn bệnh của mắt y trên đôi mắt sáng mà thành, mê chỉ là một trạng thái khác so với tỉnh... chúng không hề tách biệt. Vì bệnh của mắt, vì trạng thái của mê mà chúng ta vọng tưởng, phân biệt, chấp trước để rồi sanh ra muôn vàn khổ đau. Để đoạn tận phiền não khổ đau, xa lìa cơn mê thì nhất định phải chuyển hóa niệm tâm, trị bệnh của mắt; gạt mình tỉnh giấc thì mộng không còn, bệnh mắt nếu khỏi thì hoa đốm lập tức biến mất. Hay nói cách khác, muốn giải thoát tâm vọng tưởng thì hành giả nhất định



phải thành tựu “Tri” và “Ly”, tức tri huyễn và ly huyễn, ngoài ra chẳng có phương tiện, thứ lớp gì khác (cũng như muốn hết mộng thì phải tỉnh giấc, ngoài ra không có cách chi khác). Do đó, Phật dạy: *“Biết huyễn tức ly, chẳng lập phương tiện; lìa huyễn tức giác, cũng không có thứ lớp. Tất cả Bồ tát và chúng sanh đời mạt pháp y như vậy mà tu hành, như thế mới có thể vĩnh viễn xa lìa các huyễn”*. Đây cũng chính là pháp tu đốn ngộ của hàng thượng thừa Bồ tát. Và nếu ở trên Phật giải nghĩa mê - ngộ không hai thì đến đây Phật lại khai thị để phá lý mê - ngộ là một. Đây chính là tính viên dung bất tư nghì của bản thể Viên giác.

Và, vì mê-ngộ có mặt trong nhau nên nếu đã được phá mê khai ngộ mà không khéo hộ trì thì ngộ sẽ lại trở về mê, như bệnh mắt đã khỏi nay lại tái phát. Do đó, Kinh Lăng Nghiêm nói: *“Chân như bất thủ tự tánh, hốt nhiên nhất niệm vô minh khởi”*, hay nói như Kinh Kim Cang, “hàng tâm” và “trụ tâm” là hai khái niệm song song không thể tách rời.

Ở phẩm này, đại diện thưa hỏi Phật là Bồ tát Phổ Hiền – vị Bồ tát tượng trưng cho Sai biệt trí (trí tuệ sai biệt trạch pháp tu hành, điều

dụng phương tiện quyền biến lợi sanh), là vị Bồ tát “thể tánh trùm khắp, tùy duyên thành đức”<sup>3</sup> và cũng là một vị Bồ tát trong Đại thừa Phật giáo tượng trưng cho Lý đức, Định đức và Hạnh đức<sup>4</sup>.

Ở phẩm thứ hai này cần phải dùng Sai biệt trí để phân biệt huyễn và chân, mê và giác. Mục đích của sự phân biệt này là vì tùy nghi phương tiện để khiến cho chúng sanh dễ dàng nắm bắt, có thể hiểu (tri), thứ lớp tu tập (ly) để thấy được tự tánh Viên giác nơi chính mình. Đó là ý nghĩa của việc Phổ Hiền Bồ tát đại diện bạch Phật, Ngài lần lượt hỏi về chi tiết tu hành là vì muốn giúp chúng sanh phá vỡ mọi nghi hoặc, thấy rõ thực tại các pháp (lý) mà thực hành quán chiếu dưới sự chiếu soi của tuệ giác (định) để rồi nỗ lực hành trì (hạnh) để hoàn toàn đoạn tận tà tri tà kiến cũng như vô minh vọng tưởng, phiền não khổ đau.

---

3 Sa môn Tông Mật, Đại Phương Quảng Viên Giác Tu Đa La Liễu Nghĩa

4 Phổ Hiền Bồ Tát Pháp Kinh

### 3. CHƯƠNG BỒ-TÁT PHỔ NHÃN

**Chương thứ ba** là chương Bồ tát Phổ Nhãn, đây là chương dài nhất trong mười hai chương của Kinh. Bồ tát Phổ Nhãn đã thỉnh cầu Đức Phật từ bi khai thị các phương pháp tiện dụng để hàng Bồ tát và chúng sanh trong đời mạt pháp có thể tu tập nhằm có thể ngộ nhập Viên giác. Nói đơn giản hơn, ở chương trước, Bồ tát Phổ Hiền đã hỏi Phật phương cách để tâm vọng tưởng được giải thoát; Phật dạy chỉ có Tri và Ly thì mới khiến tâm vọng tưởng được giải thoát, ngoài ra không còn cách gì khác (cũng như muốn hết mộng thì chỉ có cách duy nhất là phải tỉnh mộng). Ở chương này, Bồ tát Phổ Nhãn lại vì chúng hội mà hỏi Phật về thứ lớp tu hành để được Tri và Ly (hay phải làm sao để tỉnh mộng), tức là đi vào phần chi tiết hơn của pháp hành trì.

Đức Phật dạy hãy chánh niệm tỉnh giác, xa lìa các huyễn. Trước hết hãy thực hành thiền

Chỉ (samatha), gìn giữ cấm giới, ở chỗ thanh vắng luôn luôn quán niệm để có được một nhận thức như thật về cơ thể vật lý ô nhiễm giả hợp và huyễn tâm huyễn cảnh. Khi huyễn thân diệt thì huyễn tâm diệt, huyễn tâm diệt thì huyễn trần diệt, huyễn trần diệt thì cái được cho là huyễn diệt cũng diệt, nhờ thế mà Viên giác hiện hữu như lau gương hết bụi thì ánh sáng hiện ra. Phải xả ly sự chấp thủ về sự cấu huyễn của thân và tâm. Khi huyễn vọng không còn thì đó chính là Viên Giác.

Vì Viên giác thanh tịnh nên tâm thanh tịnh, tâm thanh tịnh nên sáu thức thanh tịnh, sáu thức thanh tịnh nên sáu căn thanh tịnh, sáu căn thanh tịnh nên sáu trần thanh tịnh, sáu trần thanh tịnh nên bốn đại, mười hai xứ, mười tám giới, hai mươi lăm cõi hoàn toàn thanh tịnh, một thân thanh tịnh thì nhiều thân thanh tịnh, một thể giới thanh tịnh thì vô lượng thể giới thanh tịnh, giống như hàng ngàn ngọn nến cùng nhau tỏa sáng trong một căn phòng mà không mảy may trở ngại nhau.

Đức Phật đã đặc biệt nhấn mạnh về tính “bất nhị” không phải tức cũng không phải ly, chẳng phải triền phược nhưng cũng chẳng phải

giải thoát, không sanh không diệt, không được không mất, không thủ không xả, không nhằm chán sanh tử cũng chẳng ưa thích niết bàn, tất cả pháp môn và mọi hiện tượng đều bình đẳng bất nhị v.v... vì tánh Viên giác hoàn toàn thanh tịnh bình đẳng, bất nhị.

Danh hiệu Bồ tát Phổ Nhãn tượng trưng cho ý nghĩa “con mắt Pháp có thể nhìn thấy trùm khắp hư không pháp giới”. Từ việc thấy rõ thật tính của tự tâm và tự thân mình cho đến thấy rõ thật tính của vũ trụ pháp giới, từ pháp thế gian cho đến xuất thế gian, từ hữu vi cho đến vô vi, từ một cho đến bất khả tư nghì, thông suốt cả không gian cho đến thời gian... Vì thấy rõ thật tướng các pháp là Không, vô tướng, vô tác và bình đẳng như vậy nên xa lìa mọi chấp trước lưỡng biên, không bị ràng buộc bởi ngã hay pháp... cho đến không có pháp gì để tu, không có pháp gì để chứng (vô sở đắc).

Đây chính là cảnh giới của Viên giác Đại định, cảnh giới rốt ráo được xây dựng trên nền tảng bi và trí, tức Đại trí Phổ Nhãn thấy khắp các pháp thanh tịnh và Đại bi Phổ Nhãn thấy khắp chúng sanh thành Phật.

## 4. CHƯƠNG BỒ-TÁT KIM CANG TẠNG

**Chương thứ tư** là chương Bồ tát Kim Cang Tạng thỉnh cầu Đức Phật dạy rõ một số vấn đề như:

Nếu các chúng sanh vốn đã thành Phật, vì sao lại có tất cả vô minh?

Nếu các thứ vô minh vốn có sẵn trong chúng sanh, do nhân duyên gì, Đức Như Lai lại nói vốn đã thành Phật?

Mười phương chúng sanh khác vốn thành Phật đạo, sau đó tại sao lại khởi lên vô minh; lúc nào thì tất cả Như Lai lại khởi sinh tất cả phiền não?

Khác với những phần trước, ở đây Đức Phật không trực tiếp trả lời từng câu hỏi một mà thay vào đó là chỉ bày ý nghĩa đúng – sai thật sự của câu hỏi được đặt ra. Ngài dạy: *“Tất cả thế giới thì-chung, sinh-diệt, trước-sau, có-không, tụ- tán, khởi-dừng, niệm niệm liên tục,*

*tuần hoàn qua lại, mọi thứ lấy bỏ, đều là luân hồi. Chứa ra khỏi luân hồi mà phân tích về Viên giác, thì tánh Viên giác kia tức đồng với lưu chuyển, nếu thoát khỏi luân hồi, thì không có lý đó”.* Bồ tát Kim Cang Tạng khái thỉnh Phật những nghi vấn trên chính là đại diện cho những nghi hoặc sai lầm, tà tri tà kiến của chúng sanh phàm phu.

Tánh Viên giác thanh tịnh của Như Lai là thể tánh chân thật tuyệt đối, vượt ngoài đối đãi nhị biên, nhiệm sâu bất khả tư nghì, chẳng phải là chỗ phàm phu có thể dùng tri giác nông cạn, suy nghĩ so đo của mình mà nhập giải được, cũng như người muốn dùng lửa đom đóm để đốt núi Tu di là điều không thể. Chúng sanh dùng tâm luân hồi, vọng tưởng chấp trước cũng không thể nào vào được biển Niết bàn tịch tịnh của Như Lai.

Tánh Viên giác ấy vượt lên mọi Có-Không phân biệt, sở dĩ Phật dùng vô vàn ví dụ thế để diễn bày là vì phương tiện giúp chúng sanh từ nơi đó mà nhận giải tu hành. Nếu chấp vào những dụ ngôn đó, thấy Vô minh và Viên giác, mê và ngộ... là những thể tính thực sự tồn tại thì đó là tà kiến sai lầm. Dùng những hiểu biết

sai lầm này để quán sát tánh của Như Lai thì tánh đó làm sao không cấu nhiễm?

Giống như do mắt bệnh nên người trên thuyền nhìn thấy bờ đang chuyển động, hoặc mây bay mà có cảm giác nhăm lẩn là mặt trăng đang chạy, trong hư không rỗng lặng mà nhìn thấy có hoa đốm sinh diệt. Cũng vậy, giác và mê, Phật và chúng sanh, sanh tử và niết bàn... đều là những khái niệm giả lập, vì mắt bệnh mà thấy trong hư không có hoa đốm, khi mắt đã khỏi thì hoa đốm cũng không còn. Nếu hỏi khi nào bệnh mắt hay hoa đốm sẽ có trở lại là câu hỏi cuồng si, vì bệnh mắt hay hoa đốm đều không có tự tính.

Do đó, câu hỏi “Chúng sanh vốn đã thành Phật, vì sao lại có tất cả vô minh” hay “Các thứ vô minh vốn có sẵn trong chúng sanh, sao lại nói vốn đã thành Phật” đều là những câu hỏi vọng tri, vì chúng không có tự tính. Như hai mặt của một bàn tay, mặt úp hay ngửa cũng đều là bàn tay, nếu cho rằng chỉ có mặt úp hay ngửa mới là bàn tay hay úp và ngửa là một cũng đều không đúng.

Tương tự như vậy, khi nói sanh tử và niết bàn, chúng sanh và Phật, mê và giác là một hay



là khác cũng đều không đúng, cũng không có thực thể thực sự để so sánh, nói theo tư tưởng Trung Quán chính là “cửu cánh Không”.

Đức Thế Tôn đã dùng hình ảnh quặng vàng để ví cho tánh Viên giác của Như Lai. Kim khoáng sau khi nấu lọc, loại bỏ tạp chất, cuối cùng chỉ còn vàng y. Vàng không phải là thứ mới được sinh ra từ quá trình đãi lọc mà vốn đã có sẵn từ trước. Tuy nhiên, một khi quá trình đãi lọc đã hoàn thành thì vàng ròng không còn trở lại thành quặng nữa. Giống như đã chứng ngộ thì không còn trở lại vô minh. Tánh viên giác rỗng lặng, bình đẳng bất động và chiếu sáng nhiệm màu, vô thủ vô chung, chẳng luân hồi cũng chẳng phi luân hồi.

Đức Phật dạy Bồ tát và chúng sanh cần phải đoạn tận căn bản luân hồi sanh tử từ vô thủ. Chỉ khi tâm luân hồi sanh tử (tâm vọng tưởng phân biệt duyên theo bóng dáng sáu trần) được đoạn tận thì luân hồi sanh tử mới được đoạn tận, ở nơi bất sanh bất diệt này mới có thể minh bạch rốt ráo tánh Viên giác của Như Lai.

Kim Cang là tên của một loại đá quý có đặc tính cứng sắc, năng phá các vật. Việc Bồ tát

Kim Cang Tạng khái thỉnh Phật về những nghi ngờ vọng kiến này nhằm biểu trưng cho ý nghĩa chỉ có trí tuệ chân thật sáng suốt (của Như Lai) mới có thể đoạn phá những mê lầm vi tế này. Khi tâm nghi đã diệt thì tạng công đức vô tận hiện tiền.

## 5. CHƯƠNG BỒ-TÁT DI LẶC

**Chương thứ năm** là chương Bồ tát Di Lặc thỉnh cầu Đức Phật từ bi khai thị về những vấn đề như:

- Bằng cách nào để đoạn tận gốc rễ luân hồi và ngộ nhập vào biển tịch diệt của Như Lai?
- Có bao nhiêu chủng tánh luân hồi?
- Có bao nhiêu cấp độ (hạng người) tu theo đạo Bồ đề của Phật?
- Nên sử dụng những phương tiện gì để giáo hóa độ sanh?

Đức Thế Tôn đã y cứ trên những lời khai bạch này mà tuần tự giải nghi như sau:

Trước hết, Đức Phật dạy muốn chấm dứt sanh tử luân hồi thì cần phải chấm dứt ái ân và tham dục. Tất cả chúng sanh trong bốn loài (noãn sanh, thai sanh, thấp sanh và hóa sanh) từ vô thủy đến nay đều từ nơi dục mà có thân mạng.

Từ dục mà sinh ái, ái trở lại làm gốc của dục; do dục mà có thân mạng, do ái mà có sinh tử luân hồi, ái dục là nhân, ái nhiễm là quả. Từ nơi dục nhiễm này mà khởi lên trùng trùng chập chập trước, nghiệp thức điên đảo để rồi trôi lăn trong ba cõi sáu đường chịu muôn vàn khổ đau.

Do đó, muốn đoạn tận căn nguyên của sinh tử luân hồi trước phải nhổ sạch gốc rễ tham dục và khát ái. Tham ái không còn thì vòng sinh tử khổ đau cũng chấm dứt, như trong Kinh Pháp Hoa, phẩm Thí Dụ, Đức Phật cũng có dạy:

*“Nguyên nhân có các khổ  
Tham dục là cội gốc  
Dứt hết được tham dục  
Khổ không chỗ nương đỡ”.*

Nên nói, tịnh hóa dục ái chính là con đường tịnh hóa mọi phiền não khổ đau, tháo gỡ mọi xiềng xích trói buộc của luân hồi sinh tử. Sinh tử luân hồi chấm dứt thì ngay đó “Đồng nhập Tỳ Lô tánh hải”, tức Biển lớn tịch diệt của Như Lai, cũng là Bồ đề Niết bàn hay Như Lai Viên giác Diệu tâm.

Tuy nhiên, cõi Ta bà mà chúng ta đang sinh sống cũng lại là cõi Thánh phàm đồng cư, chư

Phật Bồ tát vì lòng thương xót chúng sanh mà thị hiện nơi đây, mượn dục mà thọ thân sinh tử để diu dắt, hóa độ chúng sanh. Do đó, sự đến đi của các Ngài hoàn toàn không giống chúng ta, nếu chúng sanh đến vì Ái và đi vì Nghiệp thì chư Phật Bồ tát lại đi vì Bi và đến vì Nguyện.

Tiếp đến, Đức Phật dạy có năm loại chủng tánh khác nhau, đó là: Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát, Bất định và Ngoại đạo. Năm tánh này y theo hai thứ chướng mà hiện ra sâu cạn, gọi là Lý chướng và Sự chướng; nếu hai chướng đã diệt sạch thì liền tự chứng ngộ cảnh giới viên giác vi diệu của Như Lai.

Ngài lại dạy có hai cấp độ tu đạo Bồ đề của Phật là Đốn và Tiệm. Dù rằng tất cả chúng sanh đều có khả năng thể chứng viên giác tánh mà không phân biệt căn cơ, tuy nhiên căn cứ vào nhân địa tu hành của thiện hữu tri thức mà có Đốn và Tiệm.

Chẳng hạn như một hành giả sơ cơ mới bước chân vào đạo, nếu học hỏi với thiện tri thức là Thanh Văn thì họ sẽ trở thành hành giả Nhị thừa, học hỏi với thiện tri thức là Bồ Tát thì sẽ trở thành hành giả Đại thừa, học hỏi với

thiện tri thức là Phật thì sẽ trở thành hành giả Phật thừa và, nếu học hỏi với thầy là ngoại đạo thì họ sẽ trở thành “Ngoại đạo chủng tánh”, đây là lỗi của tà sư.

Cuối cùng, Đức Phật dạy về phương tiện để nhập thế độ sanh. Qua đó, Bồ tát nên nương theo bản nguyện độ sanh của mình từ vô thỉ và với lòng đại bi thanh tịnh mà nhập thế để phương tiện thị hiện nhiều thân hình thù ứng nhằm giáo hóa độ sanh.

Đức Phật kết thúc chương này bằng cách dạy rằng nếu trong tương lai, có chúng sanh nào muốn cầu thể nhập biến cả viên giác thì phải phát nguyện thanh tịnh để cầu gặp được bậc thiện tri thức giáo hóa khiến an trụ trong viên giác của Phật, đoạn trừ tất cả nghiệp chướng, thể chứng cảnh giới đại viên giác trang nghiêm vi diệu.

Bồ tát Di Lặc, Hán dịch là Từ Thị, nghĩa là “Người có lòng từ”, cũng dịch là Vô Thắng, tức “đức tốt hơn hết”. Ngài được xem là Bồ tát Nhất sanh bổ xứ (một đời nữa là bổ xứ thành Phật).

Việc Bồ tát Di Lặc khái thỉnh Phật về căn nguyên của sinh tử luân hồi, các loại chủng

tánh chúng sanh cho đến đại hạnh độ sanh của Bồ tát cho thấy chỉ khi nào gột rửa hoàn toàn ái nhiễm thô-tế nơi tâm, nhổ sạch mọi chủng tánh luân hồi cũng như vun bồi bi nguyện lợi sanh (Bồ đề tâm) không ngừng nghỉ thì mới có thể lập địa thành Phật, viên mãn quả giác.

## 6. CHƯƠNG BỒ-TÁT THANH TỊNH HUỆ

**Chương thứ sáu** là chương Bồ tát Thanh Tịnh Huệ thỉnh cầu Đức Phật nói lại tánh giác viên mãn của đức Pháp vương cũng như sở chứng sở đắc của của hết thảy chúng sanh, Bồ tát và Như Lai Thế Tôn khác nhau như thế nào. Để trả lời cho câu hỏi đó, Đức Phật đã biện giải thành hai phần như sau: Một là nói rõ về Viên giác vô chứng và hai là lược thuyết đối cơ nói chứng.

Kinh chép:

*“Tự tánh Viên giác, chẳng phải tánh hữu tánh, tùy theo các tánh mà khởi lên, không thủ không chứng, trong thật tướng thật không có Bồ Tát và các chúng sanh. Vì sao vậy? Bồ Tát và chúng sanh đều là huyễn hóa, nếu huyễn hóa đã diệt thì không thủ không chứng”.*

Đức Phật dạy rằng vì những thứ phân biệt bắt đầu từ những quan điểm huyễn hoặc, nên việc định giá cuối cùng là không thể. Do điên



đảo mê muội nên chưa thể diệt trừ các tướng huyễn hóa vì thế mà mới thấy có các thứ lớp tu chứng sai biệt. Tánh Như Lai viên giác chẳng phải là tánh có thể dùng những biện hoặc phân biệt của phàm phu mà diễn bày được. Tánh đó là thực tánh nhưng lại phi tánh, trùm khắp hư không pháp giới, thấy khắp thực tướng vạn hữu nhưng lại không thể đo lường được chính nó. Như con mắt không tự thấy được chính nó nhưng lại có thể thấy khắp tất cả. Tánh Như Lai viên giác cũng vậy, không có cái gì nhưng lại có hết thấy, không thủ không chứng, không sinh không diệt, không trước không sau, trong đó cũng chẳng có cái gọi Phật, Bồ tát hay chúng sanh, không có năng chứng hay sở chứng... Nếu chưa thực sự thể nhập thì không bao giờ hiểu được.

Chúng sanh vì vô minh điên đảo mà khởi lên muôn trùng vọng tưởng huyễn hóa nên mới phân biệt thấy có thứ lớp tu chứng sai biệt nhưng thật chẳng có gì để so sánh, chẳng có gì để phân tách; bởi lẽ, chánh niệm – thất niệm đều là giải thoát, thành pháp – phá pháp đều là Niết bàn, trí tuệ – ngu si đều là Bát nhã... rỗng lặng như hư không, vô cùng không bờ mé, nhất

như bình đẳng. Đây chính là Như Lai tùy thuận viên giác, cũng là tánh giác viên mãn của đức Pháp vương.

Bồ đề viên giác của Như Lai là pháp không thể nghĩ bàn, do đó, con đường hay lộ trình để đạt được nó cũng không thể nghĩ bàn. Nhưng vì còn ở trong thế đế, trong pháp hữu vi hạn cuộc mà Đức Phật phương tiện phân biệt dụ nói để giúp chúng ta dễ hiểu, dễ hình dung. Trên cơ sở đó, Đức Phật chia thành:

Phàm phu tùy thuận tánh giác: Bồ tát ở địa vị Thập tín sau khi hiểu rõ bản chất khởi diệt của các pháp, phát khởi niềm tin tấn tu nhưng vẫn còn chấp vào kiến giải thanh tịnh nên bị chướng ngại.

Bồ tát chưa nhập địa (Tam hiền) tùy thuận tánh giác: Bồ tát Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng<sup>5</sup> đã đoạn trừ những chướng ngại của kiến giải nhưng lại trụ nơi kiến giác, bị kiến giác làm trở ngại nên không được tự tại.

Bồ tát nhập địa (địa vị Thánh) tùy thuận tánh giác: Bồ tát Thập địa thường giác mà chẳng trụ,

---

5 Tương đương với quả vị Tu đà hoàn, Tư đà hàm và A na hàm trong Nguyên thủy Phật giáo

năng chiếu – sở chiếu đồng thời tịch diệt, ngộ được bình đẳng tánh của các pháp. Tuy nhiên vẫn chưa phá hết những sở tri chướng vi tế.

Như Lai tùy thuận tánh giác: Tức Diệu giác ở địa vị Phật, tất cả các chướng ngại (giải ngại và giác ngại) đều được đoạn trừ, rốt ráo giải thoát, nhiệm sâu không thể nghĩ bàn.

Tóm lại, điều quan trọng hàng đầu là phải nhận thấy bản chất sinh diệt của huyễn ngã, huyễn pháp, nhờ thế mà tâm không phiền giận, không luyến ái đam mê năm dục, tri nhận ngã thân là trần lao vọng tưởng nên không chấp ngã ví như khi đã thấy trắng thì biết rằng ngón tay chỉ trắng không phải là trắng vì thế không để tâm mình bị mắc kẹt vào những quan điểm hoặc kinh nghiệm về cái được cho là người chứng đắc và cảnh tịch diệt được chứng đắc vì trong tánh viên giác tất cả đều bình đẳng bất nhị.

Giáo pháp của Như Lai như chiếc bè đưa người qua sông (*Ngã thuyết pháp như phiệt dụ giả...*), như ngón tay chỉ trăng (*Nhất thiết Tu-đa-la giáo như tiêu nguyệt chỉ*); quên ngón tay đi thì mới thấy được trăng, qua sông rồi thì phải để lại bè. Nếu không hiểu rõ chân lý đó mà chấp trước vào phương tiện thì sẽ bị tà kiến sai

sử, mãi mãi không thể giải thoát khỏi mọi triền phược khổ đau. Như trong Kinh Ngũ Hạ Phần Kiết (Malunkya-putta), Đức Phật có dạy: *“Ta thường nói cho các thầy nghe về thí dụ chiếc bè như thế nào, để các thầy biết xả bỏ chứ không phải để chấp thủ. Hiểu giáo pháp một cách sai lạc, người ta có thể đi vào cớ chấp, từ cớ chấp người ta đi sâu vào sai lầm, gây đau khổ cho mình và cho người”*.

Ở phẩm này, danh hiệu Bồ tát Thanh Tịnh Huệ là tiêu biểu cho trí huệ thanh tịnh rốt ráo, thấu suốt rành rẽ. Bồ tát Thanh Tịnh Huệ khái thỉnh Phật về tánh viên giác của Như Lai tượng trưng cho địa vị tu chứng của pháp môn này, chỉ ở nơi trí vô trụ và vô nhiễm thì mới có thể tường tận rõ ràng tánh viên giác đó cũng như tánh viên giác đó không gì khác cũng chính là trí vô trụ, vô nhiễm.

## 7. CHƯƠNG BỒ-TÁT OAI ĐỨC TỰ TẠI

**Chương thứ bảy** là chương Bồ tát Oai Đức Tự Tại thỉnh cầu Đức Phật khai thị về Phương tiện để nhập viên giác tánh. Vì không phải chỉ có một phương tiện duy nhất nên Ngài đã khai thỉnh Phật mở bày các thứ lớp phương tiện tu tập khác nhau để chư Bồ tát trong pháp hội cũng như chúng sanh đời mạt pháp có thể mau chóng chứng nhập vào đại dương tịch diệt của Như Lai.

Đức Phật dạy: *“Vô thượng diệu giác biến khắp mười phương sanh ra Như Lai và tất cả pháp đồng một thể tánh bình đẳng, vì thế đối với các sự tu hành thì thật không có hai, nhưng phương tiện tùy thuận thì vô lượng; thâm tóm lại hết thấy, theo tuần tự thì có ba loại sai biệt”*. Ba loại phương pháp thực hành thiền định được hiểu là những kỹ thuật áp dụng cho những hành giả có căn cơ khác nhau đó là:

### • Samatha (Chỉ):

Đây là phương pháp tu thiền Chỉ, hay còn gọi là tu Định, là một tên gọi khác của *Samādhī*<sup>6</sup>. Hán dịch là đẳng trì (等持), là pháp quán lấy lắng niệm làm đức, thanh tịnh làm hạnh. Khi nội tâm được tĩnh lặng thì phiền não vọng thức liền lắng xuống, trí tuệ phát sinh, chư Phật trong mười phương hiện rõ trong tâm như ảnh hiện trong gương, bóng trên mặt nước. Từ đó mà thân tâm được khinh an, thư thối. Sự an trú trong tĩnh lặng, bất động này nói cách khác chính là An chỉ định (*Appanā samādhī*), hay Định sắc giới và Định vô sắc giới.

### • Samāpatti (Quán):

Đây là pháp tu Quán hay còn gọi là tu Huệ, tức y nơi giác tâm thanh tịnh mà quán sát thân tâm cùng căn trần (thân, thọ, tâm, pháp) đều là huyễn hóa, khởi trí như huyễn để đoạn pháp như huyễn, tùy thuận các hạnh như huyễn để hóa độ chúng sanh như huyễn. Nơi tâm đại bi cứu độ này mà đặc Đại bi khinh an, ly khai Ái kiến chúng sanh, thấy rõ thực tướng vũ trụ

---

6 Sa môn Tuệ Chiếu, Thành Duy Thức Luận Liễu Nghĩa Đăng (成唯識論了義燈)

nhân sinh. Khác với thiền Chỉ (tập trung tâm lại để đè nén năm triền cái), thiền Quán tri nhận mọi thứ như thực sự chúng đang là, đưa đến trí tuệ thấy rõ ba pháp vô thường – khổ và vô ngã.

• **Dhyāna hay Jhāna (Thiền định):**

Còn được dịch là Thiền na, tức Chỉ-Quán đồng tu hay Định-Huệ song tu. Bồ tát ở nơi đây không chấp giữ hai pháp “Quán như huyễn” và “Chỉ tịch tịnh”, thấy rõ các pháp là Không – Vô tướng nhưng lại không chấp giữ sự thấy biết đó. Nhân nơi Chỉ-Quán song tu mà thấy các pháp là Có (do duyên hợp thành) nhưng lại Không (vô tự tánh), tương hỗ tương nhiếp, không có chướng ngại ràng buộc, nhân đây mà đắc Khinh an tịch diệt.

Nói cách khác, ba pháp tu (Chỉ-Quán-Thiền định) này trong Viên Giác cũng chính là ba pháp quán (Không-Giả-Trung đạo) trong Trung Quán. Chúng tuy ba nhưng lại là một, nhiếp nhập lẫn nhau và cùng đều hướng về Viên giác. Đức Phật khẳng định rằng ba pháp môn trên là ba phương tiện mà các Đức Phật trong mười phương dùng để tu tập và chứng nhập Viên giác thanh tịnh.

Ba pháp quán đó huyền diệu như vậy nên dụng tỏa ra của nó cũng không thể nghĩ bàn. Thực hành tu Chỉ, hiểu rõ lý Không, đạt được khinh an bên trong là Đức; thành tựu tu Quán, thể nhập sự huyễn, quyền biến lợi sanh, được nhân thiên kính trọng là Oai; Chỉ-Quán song tu, Định-Huệ tròn đủ, tà ma không thể nhiễu loạn, mộng tưởng không thể mê hoặc là Tự Tại.

Đây cũng chính là ý nghĩa danh hiệu của Bồ tát Oai Đức Tự Tại, vị Bồ tát khai bạch Phật ở phẩm này. Oai đức tự tại chính là tông chỉ, là diệu dụng của Chỉ-Quán và Thiền định.



## 8. CHƯƠNG BỒ-TÁT BIỆN ÂM

**Chương thứ tám** là chương Bồ tát Biện Âm thỉnh cầu Đức Phật khai thị rõ là có bao nhiêu cách tu tập đối với ba pháp môn Chỉ, Quán và Thiền định để có thể tỏ ngộ thật tướng. Đức Phật dạy rằng tánh Viên giác thanh tịnh của Như Lai vốn không có pháp bị tu và hành giả huân tu. Tuy nhiên, nếu chưa chứng nhập Viên giác tánh thì cần phải vận dụng các khả năng ứng dụng khác nhau hoặc phối hợp với nhau dựa trên sự sai biệt căn cơ của mỗi hành giả.

Từ ba pháp môn căn bản được chia thành 25 phương pháp được gọi là **định Luân thanh tịnh**. Để thực tập các phương pháp này, trước hết hành giả phải ở nơi thanh vắng, giữ giới thanh tịnh, ghi rõ mỗi phương pháp tu trong một mảnh giấy rồi để trên bàn Phật, thành tâm sám hối nghiệp chướng, trải qua hai mươi một ngày, chí tâm khẩn nguyện và tùy thuận chọn lấy một phương pháp, y theo đó tinh tấn tu tập,

không một niệm nghi ngờ, nhờ sức Đại bi của Phật mà sẽ thành tựu chứng nhập Niết bàn một cách nhanh chóng.

## **25 Định luân thanh tịnh gồm:**

- 1- Bồ tát chuyên tu Chỉ
- 2- Bồ tát chuyên tu Quán
- 3- Bồ tát chuyên tu Thiền na
- 4- Bồ tát trước tu Chỉ, sau tu Quán
- 5- Bồ tát trước tu Chỉ, sau tu Thiền na
- 6- Bồ tát trước tu Chỉ, giữa tu Quán, sau tu Thiền na
- 7- Bồ tát trước tu Chỉ, giữa tu Thiền na, sau tu Quán
- 8- Bồ tát trước tu Chỉ, sau đồng lúc tu Quán và Thiền na
- 9- Bồ tát trước đồng lúc tu Chỉ và Quán, sau tu Thiền na
- 10- Bồ tát trước đồng lúc tu Chỉ và Thiền na, sau tu Quán
- 11- Bồ tát trước tu Quán, sau tu Chỉ
- 12- Bồ tát trước tu Quán, sau tu Thiền na

- 13-Bồ tát trước tu Quán, giữa tu Chỉ, sau tu Thiền na
- 14-Bồ tát trước tu Quán, giữa tu Thiền na, sau tu Chỉ
- 15-Bồ tát trước tu Quán, sau đồng lúc tu Chỉ và Thiền na
- 16-Bồ tát trước đồng lúc tu Quán và Chỉ, sau tu Thiền na
- 17-Bồ tát trước đồng lúc tu Quán và Thiền na, sau tu Chỉ
- 18-Bồ tát trước tu Thiền na, sau tu Chỉ
- 19-Bồ tát trước tu Thiền na, sau tu Quán
- 20-Bồ tát trước tu Thiền na, giữa tu Chỉ, sau tu Quán
- 21-Bồ tát trước tu Thiền na, giữa tu Quán, sau tu Chỉ
- 22-Bồ tát trước tu Thiền na, sau đồng lúc tu Chỉ và Quán
- 23-Bồ tát trước đồng lúc tu Thiền na và Chỉ, sau tu Quán
- 24-Bồ tát trước đồng lúc tu Thiền na và Quán, sau tu Chỉ

25-Bồ tát tu tập viên mãn ba pháp Chỉ - Quán và Thiền na, tùy thuận với viên giác thanh tịnh

Ở chương này, đại diện bạch hỏi Phật là Bồ tát Biện Âm. “Biện” là biện biệt rõ ràng, “Âm” là âm thanh. Phật chỉ dùng một âm thanh (3 quán) mà ứng hợp căn cơ của muôn loài (25 định luân).

Bồ tát Biện Âm khéo dùng âm thanh tròn đầy mà thưa hỏi Phật một cách chi tiết, rõ ràng phương pháp tu tập khiến chúng sanh đời sau tùy chủng tánh, căn cơ mà hiểu rõ cũng như trạch pháp tu hành. Đây chính là biểu ý của danh hiệu Bồ tát Biện Âm.

## 9. CHƯƠNG BỒ-TÁT TỊNH CHƯ NGHIỆP CHƯỚNG

**Chương thứ chín** là chương Bồ tát Tịnh Chư Nghiệp Chướng thỉnh cầu Đức Phật khai thị vì lý do gì mà tâm Viên giác vốn thanh tịnh lại khiến chúng sanh bị ô nhiễm si mê không thể chứng nhập tánh Viên Giác?

Với lời khái thỉnh này Đức Phật đã chuyển từ việc đang chỉ rõ các phương pháp thiền định bao gồm 25 cách trở lại với các vấn đề có liên quan đến sự vận hành của tâm thức, có thể nói đây là một trong những chương tương đối khó lãnh hội vì Đức Phật đã lý giải rất tinh tế về những kiến chấp đối với *bốn tướng* đó là *Ngã*, *Nhân*, *Chúng sanh* và *Thọ mạng*. Do vọng tưởng điên đảo nên chấp bốn tướng ấy là thật thể của ta mà sanh ra hai trạng thái yêu và ghét.

Do vậy từ nơi hư vọng này lại chồng chất thêm một lớp hư vọng khác vì thế mà sanh ra vô số vọng nghiệp, vọng thấy có sanh tử luân hồi nên không thể chứng nhập Viên giác thanh

tịnh chứ không phải do Viên giác thanh tịnh ngăn cản sự chứng nhập hay chấp thuận cho chứng nhập. Do sự sai biệt về cấp độ của nhận thức đối với giác ngộ vẫn còn bị ràng buộc bởi ngã và thuộc tính của ngã nên đã biến thành một chướng ngại cho sự chứng nhập Viên giác.

Nếu phá hủy mọi thủ chấp về các khái niệm, kiến giải... đối với bản ngã, vượt qua cái được gọi là Ngã, Nhân, Chúng sanh và Thọ mạng thì chẳng khác gì tình trạng băng tan trong bồn nước nóng không còn sai biệt giữa nước và băng. Tất cả phiền não, ác kiến đều bị diệt trừ. Năng giác và sở giác, Niết bàn và vọng tưởng, yêu và ghét... tất cả đều bình đẳng bất nhị thì đó chính là thể nhập vào biển Viên giác thanh tịnh vô biên.

**Ngã - Nhân - Chúng sanh - Thọ giả** (hay thọ mạng) là những khái niệm tạm thời đặt ra để phân định và cũng đã được Phật nhắc đến trong Kinh Kim Cang nói riêng, Kinh điển Đại thừa nói chung. Qua đó, có thể thấy, đây là những khái niệm rất quan trọng của tư tưởng Triết học Đại thừa, là phiền não vi tế của hành giả trên con đường thể nhập Viên giác tự tánh.

Đức Phật dạy:

*“Thế nào gọi là ngã tướng? Là tâm sở chứng của các chúng sanh... Thí như có người thân thể điều hòa thư thái, tay chân thư thả, chột quên sự tồn tại của thân, bởi do sự nuôi dưỡng trái phương pháp, (sức khoẻ bị suy sụp), cần phải châm cứu, do vậy liền ý thức rằng ta vẫn còn đang hiện hữu. Vì thủ chấp vào cái được chứng nên ngã thể mới hiện ra”.*

Qua đoạn Kinh văn trên, ta thấy khái niệm về “Ngã” phải được hiểu trên cả hai phương diện “Ngã thân” và “Ngã tâm” và cả hai loại này đều được gọi là Ngã tướng. Đức Phật dạy *“Ngã tướng là tâm của chúng sanh”*, đây là tướng “Ngã tâm”; Ngài lấy ví dụ câu chuyện nhờ châm cứu mà nhận ra ta đang hiện hữu, đây là tướng “Ngã thân”. “Ngã thân” là pháp thô, “Ngã tâm” là pháp tế; do vì Ngã có hai pháp thô-tế nên kéo theo Nhân - Chúng sanh - Thọ giả cũng có hai pháp thô tế, hay nói cách khác là tướng và tánh.

Thứ nhất, nếu hiểu trên pháp thô hay pháp tướng thì đó là Ngã tướng - Nhân tướng - Chúng sanh tướng và Thọ giả tướng. Chúng sanh từ vô thủy đến nay, vì vọng tưởng điên đảo che lấp trí tuệ mà vọng nhận tứ đại giả hợp làm tướng tự

thân, sáu trần duyên bóng làm tướng tự tâm, cho rằng thân này là của Ta, nắm uẩn là thật có, nên cảnh thuận với Ta thì sinh tâm yêu thích, cảnh nghịch với Ta thì sinh tâm chán ghét. Từ trên Ngã tướng hư vọng này mà khởi trùng trùng hư vọng khác. Duyên nơi chấp Ngã này mà thấy có tướng Nhân, thấy ta đây là người (thân người) cũng như thấy có những người xung quanh, “ta” là một phần tử trong cộng đồng người.

Rộng hơn một tầng nữa là Chúng sanh, từ chấp có thật tướng của ta đến chấp có thật tướng con người và có thật tướng của chúng sanh hữu tình; thấy ta là “người”, đồng thời cũng là “chúng sanh”. Và cuối cùng là chấp có thọ mạng, có kiếp sống luân hồi không đổi (chấp thường), có mạng căn tương tục. Trên mặt pháp tướng, chấp Ngã là cái chấp sâu nặng nhất và dần nhạt nhòa hơn ở Nhân - Chúng sanh và Thọ mạng.

Có thể lấy ví dụ thế này, khi chúng ta sinh ra, bố mẹ tạm đặt cho chúng ta một cái tên để tiện gọi. Vì vô minh thấy thân này là có thật nên chúng ta nhận luôn cái tên đó là mình. Nếu khi có ai đó gọi đích danh tên của mình để phi



báng, chê trách thì chúng ta liền sanh tâm oán giận, chán ghét. Nhưng nếu khi ở trong một tập thể, họ không nói thẳng đến tên mình mà mắng chung chung rằng “những người đó” thì sự bức tức này đã được giảm đi một bậc mặc dù ta cũng là một phần tử trong đó.

Tương tự như vậy, chư Phật Bồ tát không ngừng tìm mọi phương chước để giáo hóa, nhắc nhở chúng sanh; các Ngài luôn dạy rằng chúng sanh vô cùng vô minh, không hiểu được lẽ thật của các pháp, mê mờ ngu si như dạo chơi trong nhà lửa... mặc dù bị quả trách như vậy nhưng dường như chúng ta chẳng hề hối hận, người tâm quý sẽ còn có đôi chút hổ thẹn, kẻ phạm phu thì ngỡ như đó chẳng phải là đang nói mình. Do đó, có thể thấy, từ chấp có tướng của Ngã mà bao nhiêu vọng chấp từ đó phát sinh, chấp Ngã không còn thì bao nhiêu hỷ, nộ, ái, ố, ta - người, người - vật, sinh tử luân hồi... nương đâu mà trụ?

Thứ hai là hiểu tứ tướng trên mặt vi tế, tức trên mặt niệm tâm không hình không tướng. Nếu bốn tướng thô Ngã - Nhân - Chúng sanh - Thọ giả là phiền não, trở ngại của phạm phu thì bốn tướng tế của chúng lại là chướng ngại trên

con đường cầu đạo của người tu hành. Nói cách khác, bốn tướng tể này chính là sự dính mắc nhị biên từ việc đoạn bốn tướng thô.

Đức Phật dạy: *“Ngã tướng là tâm sở chứng của các chúng sanh”* và *“Nhân tướng là tâm chứng ngộ của các chúng sanh”*. Tức khi hiểu được tướng Ngã này do tứ đại giả hợp, sáu trần duyên bóng mà thành, hàng Nhị thừa thực hành pháp quán Không trên Ngã, thấy rõ bản tính duyên sinh của nó mà xa lìa bám chấp và cho rằng đó là giác ngộ, Niết bàn... mà không biết rằng chính cái tâm thấy mình giác ngộ, lý trí thấy vô ngã đó cũng chính lại là Ngã tướng với một dạng vi tế hơn, gọi là Nhân tướng. Chẳng khác nào một người thấy bóng mình in trên tường, anh ta vừa lìa chấp thân này thì lại rơi ngay vào chấp cái bóng mà không biết rằng cái bóng ấy chính là ảnh hiện của thân anh ta.

Nếu y trên Ngã tướng mà quán Không, sau đó tự nhận mình đã giác ngộ, đã chứng nhập chân lý, vậy thì cái gì giác ngộ? ai chứng nhập chân lý?...

Do đó, vì “Ngã tướng” (sở chứng) là Không, nên “Nhân tướng” (năng chứng) cũng chẳng

có. Hàng Nhị thừa chỉ thấy Ngã tướng Không mà không thấy Nhân tướng Không, còn cho là có chúng, có ngộ nên rơi vào mê lầm này. Nên Phật dạy:

*“Nhấn đến khi tâm còn cho rằng mình có sự chứng ngộ Niết bàn viên mãn thì cũng đều là ngã. Tâm ấy vẫn còn dấu vết nhỏ của sự chứng ngộ nên đều gọi là nhân tướng”.*

Thế nào là Chúng sanh tướng? Kinh chép: *“Những liễu chứng, liễu ngộ của các chúng sanh đều là ngã và nhân, mà ngã tướng và nhân tướng đều không thể đạt được vì thế còn có chỗ (được cho là) liễu ngộ thì gọi đó là chúng sanh tướng”.* Tức khi hiểu được Ngã tướng (sở chứng) và Nhân tướng (năng chứng) cũng không có, Bồ tát sơ phát tâm thực hành pháp quán “ly chúng ngộ” trên nó, không còn thấy năng chứng hay sở chứng.

Tuy nhiên, khi lìa được chấp năng ngộ - sở ngộ, năng chứng - sở chứng thì lại tiếp tục rơi vào cái bẫy của “tâm năng liễu vô năng sở”, nghĩa là “tâm thấy” không có pháp năng - sở, cho đến trùng trùng các lớp chấp trước chồng lên nhau. Qua đó biết rằng, Ngã và Nhân là

Không nhưng nếu dùng cái “tâm rõ biết” chúng là Không để phân định, vẫn còn thấy có sự giác ngộ Ngã Không - Nhân Không thì đó là Chúng sanh tướng.

Cuối cùng là Thọ mạng tướng, đây được xem là tướng nhiệm sâu và vi tế khôn cùng nhất trong tứ tướng, chỉ thẳng vào cội nguồn của mọi hư vọng, cũng là cội nguồn của Viên giác, tánh đức. Phật dạy:

*“Thọ mạng tướng là tâm của các chúng sinh đều được soi sáng bởi sự giác ngộ thanh tịnh. Mọi thứ mà trí tuệ và nghiệp báo không tự nhìn thấy đều giống như mạng căn”.*

Nếu như phân tích theo mặt thô ở trên thì Thọ mạng tướng chính là thân sinh mạng luân hồi của chúng sanh, tướng đó hiện ra có dài ngắn, đoản trường khác nhau.

Tuy nhiên, Thọ mạng tướng đứng trên góc nhìn tánh mà nói thì đó lại là mạng căn của trí tuệ và nghiệp báo; trí tuệ của chư Phật, nghiệp báo của chúng sanh bất sinh bất diệt, không dài không ngắn, không đến không đi, do đó cũng không thể đo lường và tính đếm được. Vậy tại sao nói Thọ mạng tướng là cội nguồn của mọi

hư vọng đồng thời cũng là cội nguồn của giác ngộ viên mãn?

Theo như sự phân tích ở trên, ta thấy “Ngã” là Không, “Tâm biết rõ Ngã Không” cũng Không, “Tâm biết rõ Ngã Không cũng Không” lại càng Không... Vậy, sự biết rõ viên mãn ở đây là gì? Tâm giác ngộ thực sự nằm ở đâu? Câu trả lời chính là nằm ở Thọ mạng tướng, đây là nút thắt đồng thời cũng là nút tháo gỡ của vấn đề.

Ở đây Phật đã lấy ví dụ về việc đun nóng băng làm cho nó tan ra thành nước, khi băng tan thì băng trở lại thành nước, không còn cái gọi là băng nữa; vì thế người còn có cái biết về băng và nước thì cũng giống như vẫn còn cái ngã để giác tri về ngã. Nước là chân tánh, băng là vọng niệm (bốn tướng), nước sôi là trí tuệ, băng làm từ nước, nước trở lại nung chảy băng, băng tan hết hòa với nước làm một, chỉ còn lại tánh ướt. Cũng vậy, tâm mê thì thành Ngã, Ngã trở lại ngộ tâm, Ngã - trí đều tiêu hết, tức giác ngộ hiện tiền.

Hay, khi mặt trời lên thì bóng đêm vắng mặt, ngay khi khoảnh khắc mặt trời lên thì ta

không còn thấy màu đen của bóng đêm nữa, tức khắc tức thì, chẳng phải mặt trời lên một lúc sau bóng đêm mới biến mất; cũng giống như trí tuệ và vô minh, ngay khi mặt trời trí tuệ hiện thì đồng khắc đồng thời vô minh vắng mặt, không có mảy may sai chạy. Thế nhưng, khi mặt trời lên, bóng đêm không biến mất đi, bóng đêm vẫn ở đó, nó không di chuyển từ chỗ này sang chỗ khác hay tự nhiên tiêu mất mà nó ở ngay trong ánh sáng và nó chính là ánh sáng.

Cũng vậy, trí tuệ và vô minh, chúng sanh và Phật vốn chẳng phải hai, khi trí tuệ hiện tiền, vô minh cũng chẳng biến mất đi, nó vẫn luôn ở đó, ở ngay nơi trí tuệ và nó chính là trí tuệ, chúng sanh là Phật, Phật là chúng sanh. Như ánh sáng và bóng đêm là pháp bất sinh bất diệt, chẳng có dài-ngắn cũng chẳng có đến-đi, như như bất động. Nên trí tuệ của chư Phật – nghiệp báo của chúng sanh hay tánh Viên giác của Như lai - tánh vô minh của phàm phu... đều là những pháp vô lượng thọ, vô lượng công đức. Đây là ý nghĩa của Thọ mạng tướng.

Hiểu được lý bất nhị, nhiếp dung vô tận đó nên biết vốn chẳng có Ngã và Ngã diệt, cũng không có pháp diệt Ngã. Phật và chúng sanh

là nó, sanh tử và niết bàn cũng từ nó, nó chẳng phải là pháp thật có nhưng muôn pháp thật có lại từ đó mà sinh ra. Nếu còn có tâm phân biệt dùng Nhân tướng độ Ngã tướng hay Chúng sanh tướng độ Nhân tướng thì chính là rơi vào tà kiến, nhận giặc làm con, dẫn dắt đến trùng trùng quan kiến sai lầm.

Khi hiểu được Ngã không - Pháp không, Tâm không - Cảnh không, Sự không - Lý không... thì mới hiểu được rằng Phật và chúng sanh cũng chẳng có, sanh tử và niết bàn chỉ là khái niệm, vô minh hay trí tuệ chỉ là gió thoảng trong hư không – có đó nhưng chẳng có gì cả. Buông bỏ hoàn toàn mọi chấp trước, chẳng ưa niết bàn mà chán ghét sanh tử, chẳng cầu thành Phật để độ chúng sanh, chẳng có pháp để suy nghĩ đo lường, cũng chẳng có pháp nào diệt hay sanh pháp nào, tịch tịnh vắng lặng, trạm nhiên thường trú.

Trở lại câu hỏi của Bồ tát Tịnh Chư Nghiệp Chướng, Ngài đã hỏi Phật: *“Nếu tâm giác này tánh vốn thanh tịnh, vì sao lại nhiễm ô, khiến cho chúng sanh mê muội chẳng thể thể nhập?”*. Câu trả lời ở đây là vì vọng tưởng phân biệt chấp trước, chấp có Ngã - Nhân - Chúng sanh

- Thọ giả, thấy có ta có người, có người tu và pháp tu, bất tri bất giác.

Nếu tường tận thực tướng pháp Không, không còn phân biệt chấp trước, hiểu được thanh tịnh và nhiễm ô là một, Bồ đề giác ngộ cũng từ đất tâm phàm phu mà dưỡng nên thì ngay đó Đại tánh Viên giác hiện hiện.

Danh hiệu Bồ tát Tịnh Chư Nghiệp Chướng nghĩa là làm sạch các nghiệp chướng. Nghiệp chướng từ nơi bốn tướng mà sanh ra, bốn tướng diệt thì nghiệp chướng diệt, nghiệp chướng diệt thì thanh tịnh hiện tiền.



## 10. CHƯƠNG BỒ-TÁT PHỔ GIÁC

**Chương thứ mười** là chương Bồ tát Phổ Giác đã bạch với Đức Phật rằng, trong thời mạt pháp, các bậc hiền thánh thì ẩn tu còn tà pháp ngoại đạo thì thịnh hành như thế thì:

- Cần phải thỉnh cầu ai để được chỉ giáo?
- Cần phải nương vào phương pháp nào để tu hành?
- Cần phải thực hành những hạnh môn gì?
- Cần đoạn trừ những thứ bệnh nào?
- Cần phải như thế nào để phát tâm?

Đức Phật dạy, trong thời mạt pháp, nếu muốn phát tâm tu tập Đại thừa thì cần phải cầu các bậc Thiện tri thức. Phải nương vào chánh trí tuệ, xa lìa pháp nhị thừa, vượt khỏi tà kiến, ngoại đạo, tà giáo. Phải thọ trì giới luật, phạm hạnh thanh tịnh. Không phân biệt nhân ngã. Phải đoạn trừ bốn thứ bệnh: “bệnh Tác”, “bệnh Nhậm”, “bệnh Chỉ” và “bệnh Diệt”. Thấu rõ thân tâm và tất cả chúng sanh đồng một thể

tánh, tuyệt đối bình đẳng. Phải phát tâm hóa độ tất cả chúng sanh chứng thành vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Ở trên, Bồ tát Tịnh Chư Nghiệp Chướng đã khái thỉnh Phật nhằm dẹp trừ các phiền não, chướng ngại từ thô đến tế của chúng sanh. Khi phiền não, chướng ngại chấp ngã và chấp pháp được đoạn trừ, bước tiếp theo là như lý tu hành. Qua đây ta thấy con đường tu tập và chứng ngộ trong Phật pháp là một chu trình viên thông không dính mắc. Phật dạy chúng ta đình chỉ mọi vọng niệm để quay vào quán sát tâm mình, quán sát tâm nhưng lại chẳng có người quán - đối tượng quán và pháp quán, quay vào bên trong để thực hành nội quán nhưng lại phải mở lòng ra bên ngoài để cầu thiện tri thức chỉ bảo, cầu thiện tri thức chỉ bảo nhưng lại xem thấy hết thấy tà sư ngoại đạo, oan gia chúng sanh đâu đâu cũng là thầy mình... Đây chính là sự vô ngại của đạo lộ Viên giác.

**Thiện tri thức** (sa. kalyāṇamitra, zh. 善知識) còn có nghĩa là Đạo hữu hay Thiện hữu, tức chỉ cho bạn đạo. Trên con đường tu tập của mỗi người, chúng ta không thể cho rằng mình là một phần tử tách biệt hoàn toàn có thể tự

tu tự giác (độc tu độc giác) mà lộ trình đi từ mê đến giác luôn phải cần có thiện tri thức hỗ trợ. Thiện tri thức không chỉ là thầy (Giáo thọ thiện tri thức), là bạn (Đồng hành thiện tri thức) hay những người giúp đỡ mình (Ngoại hộ thiện tri thức), thậm chí tà sư hay oan gia cũng là thiện tri thức vì mình mà thị hiện tướng nghịch, tướng lỗi lầm... và đôi khi nó đơn giản chỉ là một bài học, một câu chuyện trong cuộc sống. Mọi cảnh – nhân hay pháp mà qua đó ta nhận ra chân tướng thực sự của vũ trụ nhân sinh, giúp ta tiến bộ hơn từng ngày, thăng tiến trên con đường tâm linh thì đó đều là thiện hữu tri thức của mình.

Thiện tri thức đó là những người đã xa lìa bốn bệnh: *Bệnh Tác* (còn thấy có hạnh để cầu Viên giác), *bệnh Nhậm* (cho rằng tánh Viên giác tự nhiên mà có), *bệnh Chỉ* (cho rằng tánh Viên giác hiển hiện do việc đình chỉ các niệm) và *bệnh Diệt* (cho rằng tánh Viên giác có được là từ việc đoạn trừ các niệm phiền não). Thiện tri thức trừ được bốn bệnh này thì mới hoàn toàn “*Chỉ - tác nhậm diệt*”, trụ nơi vô trụ, hành chỗ vô hành và chứng pháp vô chứng. Khi gặp một thiện tri thức như vậy phải hết lòng cung

kính cúng dường, không sinh tâm oán trái hay nghi ngờ dù cho vị ấy có thị hiện nghịch hạnh đi chăng nữa. Tôn kính thiện tri thức nhưng lại chẳng dính mắc nơi đó, phải thấy rằng cùng khắp pháp giới (ngay cả chính mình), đâu đâu cũng là thiện tri thức của mình; phải tuyệt đối tin tưởng, phụng sự và cúng dường... vì Phật dạy: *“Gặp được thiện tri thức là một trong hai mươi điều khó của nhân sinh”*<sup>7</sup>.

Kinh Hoa Nghiêm cũng có một phẩm khá dài đó là phẩm Nhập Pháp Giới, ở phẩm này Đức Phật đã phân tích rất tỉ mỉ cho chúng ta tầm quan trọng của việc cầu học với thiện tri thức thông qua hình ảnh của Thiện Tài Đồng tử. Do đó có thể thấy, ngay cả khi tiến gần đến quả giác, diệu nhập nhất chân pháp giới thì hành giả cũng phải kinh qua con đường học tập với thiện hữu tri thức. Và, nội hàm thực sự của một thiện tri thức là như thế nào? Phải y vào đâu? Thực hành những hạnh gì? Đoạn những chướng gì? ... thì như Kinh văn đã dạy rõ cũng như đã lược nói ở trên.

---

7 Kinh Tứ Thập Nhị Chương

Cuối cùng, Phật dạy chúng sanh muốn cầu Viên giác thì phải phát tâm độ chúng sanh, độ sanh nhưng chẳng thấy mình độ - người được độ hay pháp dùng để độ (tức tam luân thể Không), phát tâm như vậy thì mới không bị rơi vào tà kiến. Tâm độ chúng sanh chính là Bồ đề tâm, là nhân hạnh của Bồ tát, là giá trị cốt lõi của Đại thừa, cũng là ý nghĩa nhân văn cao nhất của Phật giáo. Bồ đề tâm phải được gieo trồng trên nền tảng từ bi và trí tuệ, tưới tắm bằng nước hạnh nguyện và hấp thụ ánh sáng vô ngã thì mới có thể trưởng dưỡng nên Bồ tát đạo. Bồ đề tâm là nhân, Bồ tát đạo là quả; đem tinh thần Bồ tát đạo này nhập thế độ sanh, tùy biến trong vô lượng hoàn cảnh mà vẫn an nhiên tự tại.

Nếu muốn vào đời độ sanh mà không mang bên mình hành trang bi - trí - nguyện, không trên nền tảng vô ngã (Bồ đề tâm) thì đó là tà ma ngoại đạo, cùng dẫn mình và người đi vào đường mê, như Kinh Hoa Nghiêm dạy: “*Vong thất Bồ đề tâm, tu chư thiện pháp, thị danh ma nghiệp*” (Nếu quên mất tâm Bồ đề dù có tu tập các pháp lành thì đấy cũng chỉ là ma nghiệp).

Danh hiệu Bồ tát Phổ Giác nghĩa là con mắt đạo vô úy, trí giác biết cùng khắp. Sau khi đoạn

bốn tướng: Ngã, nhân, chúng sanh và thọ mạng (phẩm trên), tiếp tục trừ bốn bệnh, khiến cho “tác - chỉ nhậm diệt” cũng được cứu cánh diệt; nhân đó mà mây mù vô minh tan biến khiến mặt trời trí giác được chiếu soi cùng khắp, không có chỗ ngăn ngại, rộng khắp hư không pháp giới, suốt thấu muôn loài chúng sanh.

## 11. CHƯƠNG BỒ-TÁT VIÊN GIÁC

**Chương thứ mười một** là chương Bồ tát Viên Giác thỉnh cầu Đức Phật từ bi khai thị về việc trong thời mật pháp làm sao an cư để tu tập nhằm chứng nhập cảnh giới viên giác thanh tịnh và đối với các pháp tu tập thì pháp nào là pháp cần phải tu tập trước tiên?

Đức Phật dạy về phương cách thiết lập đạo tràng thanh tịnh trang nghiêm và ba quy trình an cư ngắn hạn, trung hạn và dài hạn trong thời gian 80 ngày, hoặc 100 ngày hay 120 ngày; phát nguyện thực hành giáo pháp Đại thừa, đồng nhập thật tướng, lấy cảnh giới đại viên giác làm chốn già lam để an cư, thân tâm an trú trong tánh trí thanh tịnh, tự tánh niết bàn.

Đức Phật cũng đã dạy là ba pháp: Chỉ, Quán và Thiền-na là ba phương tiện tu tập đầu tiên của hành giả. Tùy theo căn cơ mà chọn một trong ba pháp để tu, nếu tu pháp này không thành tựu thì hãy tu pháp khác, đồng thời phải

tinh cần sám hối để đoạn trừ tất cả phiền não nhưng không chấp thủ vào bất kỳ cảnh tượng nào hiện ra mà bản thân chưa từng nghe biết.

Như đã chia ở phần bố cục Kinh văn thì hai chương cuối cùng của Kinh là hai chương Phật vì hàng chúng sanh căn tánh thấp bé hơn (hạ trí, độn căn) mà mở ra các môn phương tiện đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hành, đi tuần tự từng bước một để chúng sanh có thể nương theo đó mà tu tập, tiến lên Phật quả.

Trong các môn phương tiện mà Phật chỉ bày cho hàng độn căn, hạ trí thì trong đó quan trọng nhất là pháp *sám hối*. Chúng sanh từ vô thủy kiếp đến nay, từ vô minh mà sinh ra các phiền não nghiệp chướng dẫn dắt đi trong luân hồi khổ đau, vô minh sinh ra nghiệp, nghiệp trở lại sinh vô minh, tạo thành mắc xích luân hồi không cùng tận. Kẻ lợi căn thượng trí thấy rõ điều đó, từ nơi vô minh mà quán triệt, từ nơi tánh mà tu; kẻ hạ trí độn căn vì không trực nhận được nên phải đi từ tịnh hóa nghiệp chướng, từ nơi sự tướng mà vào, nghiệp chướng tiêu trừ thì trí tuệ phát sinh, trí tuệ phát sinh thì vô minh cũng chẳng còn.



Do đó, Phật dạy chúng sanh thời mạt pháp phải an cư chốn già lam (nơi thanh tịnh), thiết lập tôn tượng Phật, quán tưởng như Phật còn đang tại thế, dâng cúng hương hoa, đánh lễ trì danh và tha thiết cầu xin sám hối, sau khi sám hối nghiệp chướng rồi thì ở nơi Chỉ - Quán hay Thiền-na mà trạch pháp (lựa chọn phương pháp thích hợp) nỗ lực hành trì, duyên nơi đây mà tiến lên những thêm bậc cao hơn.

**Sám hối** (sa. Ksamayati, zh. 懺悔) nghĩa là: “*Sám kỳ tiền khiên, Hối kỳ hậu quá*”<sup>8</sup>; tức ăn năn lỗi trước, chữa bỏ lỗi sau. Sám hối phải xuất phát từ sự hổ thẹn, sợ hãi, tầm quý trong thâm tâm chứ không phải chỉ là hình thức bên ngoài. Tâm làm chủ các pháp, nghiệp từ tâm mà có thì cũng từ nơi tâm mà tiêu diệt; nếu sự sám hối mà không xuất phát từ tâm thì đó chẳng phải là chân sám hối. Từ tâm chân thành, hổ thẹn này mà có nhiều phương pháp sám hối khác nhau như:

**Tác pháp sám hối:** lập đàn tràng, thỉnh Tăng chứng minh, bạch rõ lỗi lầm

---

8 Kinh Pháp Bảo Đàn: “Sám giả Sám kỳ tiền khiên, Hối giả hối Kỳ hậu quá”

**Thủ tướng sám hối:** bạch rõ lỗi lầm trước tôn tượng Phật, Bồ tát cho đến khi tướng hảo xuất hiện

**Hồng danh sám hối:** sám hối bằng cách trì niệm danh hiệu và lễ Phật

**Vô sanh sám hối:** hay còn gọi là Thật tướng sám hối; tức sám hối bằng cách quán triệt thật tướng các pháp bất sinh bất diệt, từ đó thấy ngã Không – pháp Không, nhân Không – quả Không, nghiệp Không – tội Không... mà nghiệp chướng được tiêu trừ.

Trong bốn phương pháp trên, ba phương pháp đầu thuộc về Sự sám hối, phương pháp sau cùng thuộc Lý sám hối. Lý sám hối là phương pháp sám hối cao và khó nhất nhưng cũng là rốt ráo nhất, như Kinh Quán Phổ Hiền dạy: *“Muốn sám hối, phải quán thật tướng của các pháp, thì tội mới hoàn toàn tiêu diệt”*.

Lại nói về pháp an cư, **An cư** (sa. Varṣā, zh. 安居) nghĩa là ở yên một chỗ – đây là Sự an cư, hoặc cũng có thể hiểu là trụ tâm ở chỗ tĩnh lặng, an ổn – đây là Lý an cư. Do đó, tổng nghĩa của An cư là *“thân ở một chỗ và giữ tâm thanh tịnh”* (An kỳ tâm, Cư kỳ thân). Chúng sanh từ

trước đến nay rong ruổi thân tâm khắp nơi như voi dữ không có móc sắt, vượn khỉ mà gặp cây rừng; từ sự phóng túng thân tâm này mà sinh ra muôn thứ vọng tưởng không có điểm dừng. Phật dạy hạng người này muốn thấy được tự tánh thì trước hết phải nhiếp phục thân tâm ở tại một chỗ, khi thân tâm được trú vững ở nơi thanh tịnh an ổn thì thiện pháp mới từ đó mà phát sinh, ba môn tu Chỉ - Quán - Thiền na hay pháp môn sám hối cũng từ nơi An cư mà được thành tựu, pháp tu này đối cơ chậm lụt của chúng sanh mà lập ra.

Ở chương trước, Bồ tát Tịnh Cư Nghiệp Chương đã bạch hỏi Phật về việc đoạn trừ bốn chướng ngại (bốn tướng), dứt nghiệp phân biệt; tuy nhiên, đó là pháp tu chỉ dành cho hàng thượng và trung căn, không thể áp dụng được cho hàng hạ căn nên chỉ dừng lại ở phổ giác (trí giác phổ quát) mà thôi.

Đến chương này, Bồ tát Viên Giác đã khai thỉnh Phật về pháp tu để có thể thâm nhiếp trọn đủ cho cả hàng chúng sanh có căn tánh thấp kém, viên dung cả lợi-độn, nên mới được gọi là viên mãn; tức cũng biểu trưng cho ý nghĩa của danh hiệu Bồ tát Viên Giác trong chương này.

## 12. CHƯƠNG BỒ-TÁT HIỀN THIỆN THỦ

**Chương thứ mười hai** là chương Bồ tát Hiền Thiện Thủ thỉnh cầu Đức Phật khai thị rõ về tên của Kinh? Làm sao để phụng trì? Tu theo Kinh này sẽ đạt được công đức gì? Làm thế nào để bảo hộ những người trì kinh? Truyền bá kinh này ở các cõi hay ở địa vị nào?

Đức Phật dạy, Kinh này là con mắt của 12 bộ kinh, được vô lượng ba đời mười phương chư Phật thuyết giảng và bảo hộ, đồng thời tất cả Bồ Tát trong mười phương đều quy kính. Kinh này gồm có 5 tên gọi khác nhau:

- 1- Đại Phương Quảng Viên Giác Đà La Ni
- 2- Tu Đa La Liễu Nghĩa
- 3- Bí Mật Vương Tam Muội
- 4- Như Lai Quyết Định Cảnh Giới
- 5- Như Lai Tạng Tự Tánh Sai Biệt

Đây là Kinh Đại Thừa đốn giáo, khai thị về cảnh giới của Như Lai nên chỉ có chư Phật mới

thuyết giảng rất ráo. Kinh này thuộc Đại thừa Đốn giáo nên chúng sanh Đốn cơ mới có thể tu tập và được khai ngộ, tuy nhiên kinh này cũng nhiếp độ tất cả chúng sanh Tiệm cơ chẳng khác nào như đại dương mênh mông có thể tiếp nhận tất cả những dòng sông lớn bé.

Ai nghe được kinh này mà phát tâm chánh tín thì biết rằng người ấy đã gieo trồng phước huệ, thiện căn trong vô lượng vô số Phật. Nếu chúng sanh nào y theo kinh Viên Giác này để tu hành thì sẽ chứng thành Phật quả.

Và điểm cuối cùng của phần Lưu thông này là sự phát nguyện bảo vệ và hộ trì của các vị thần Kim Cang, Thiên Vương và Quỷ Vương... đối với Kinh cũng như người trì Kinh.

Ở phẩm cuối cùng này, đại diện thưa hỏi Phật là Bồ tát Hiền Thiệt Thủ; Thủ là đứng đầu hay trên hết, “điều nhu” là Hiền, “thuận lý” là Thiệt. Việc Bồ tát Hiền Thiệt Thủ khải thỉnh Phật ở phần Lưu thông cuối cùng này mang hai ý nghĩa:

Thứ nhất, người gánh trên vai sứ mạng truyền bá chánh pháp, hành và hộ trì Kinh tạng là người hiền thiện bậc nhất.

Thứ hai, muốn cho muôn điều thiện được hưng thịnh, chân lý được hiện tồn nơi thế gian thì phải lấy việc truyền bá Kinh giáo làm ưu tiên hàng đầu, việc truyền bá Kinh giáo hay chánh pháp là điều hiền thiện nhất trong muôn điều hiền thiện.

## V. Tổng Thuyết Tư Tưởng Đặc Thù Kinh Viên Giác

### 1. Học Thuyết Về Tứ Tướng

Trong Kinh Kim Cang Đức Phật đã dạy về bốn tướng đó là: Ngã tướng (我相/ àtmasamjñà) Nhân tướng (人相/ pudgalasamjñà), Chúng sanh tướng (眾生相/ sattvasamjñà) và Thọ giả tướng (壽者相/ jìvasamjñà).

**1) Ngã tướng** là khái niệm về một thật ngã (àtman) ẩn tàng trong cơ thể mà trong Áo Nghĩa Thư cho là đồng nhất với Brahman. Ngã tướng (我相) là tự ngã của mỗi cá thể nương vào nghiệp lực mà phát sanh nhiễm ô chấp trước. Ngã là hành vi biểu hiện của cái được cho là tự ngã. Ngã tướng chính là ngã chấp, có tâm phân biệt đối với ngã và vật thể khác. Kinh Kim Cang đã hoàn toàn phủ nhận một

Ngã tướng như thế hoặc được phô diễn dưới bất cứ một hình thức nào. Khi đã ý thức rằng Ngã chỉ là một vọng tưởng, không có cái ngã riêng biệt nào có thể được biết là tự ngã.

**2) Nhân tướng** là một khái niệm về hữu ngã luận được chủ trương bởi phái Độc Tử Bộ (犢子部 / Sa. Vātsī-putrīyāḥ / Pāli: Vajji-puttaka). Phái này cho rằng sự luân hồi của chúng sanh chính là Pudgala. Nhân tướng (人相) là khái niệm đối lập với cái tôi là vẻ bề ngoài của con người. Vì sự thủ chấp là đã có sự tồn tại thực sự của tôi nên theo quan điểm của tôi, tất cả những người khác trên thế giới đều được gọi là nhân tướng. Nhân tướng là nhận Ngã là cá nhân không phải là vật thể khác, khi ý thức rằng Nhân là một vọng tưởng thì không có một cá thể riêng biệt nào có thể được gọi là nhân.

**3) Chúng sanh tướng** là khái niệm về một chủ thể thường hằng trong vòng luân hồi sinh tử. Đây là cái được cho bản năng của ngã ở mỗi chúng sanh. Chúng sanh tướng là quan niệm rằng cái tôi do tự nó tạo ra chứ không phải là bản thân của sự tồn tại. Khi đã tri nhận rằng Chúng sanh là một vọng tưởng thì không có



một chúng sinh riêng biệt nào có thể được gọi là chúng sinh.

**4) Thọ giả tướng** là một khái niệm về một linh hồn (jiva) bất tử trong mỗi chúng sanh. Thọ giả tướng là quan niệm rằng cái tôi có tuổi thọ miên tục. Khi đã tri nhận rằng Thọ mạng là một vọng tưởng thì không có một thọ mạng riêng biệt nào có thể được gọi là thọ mạng.

Một hành giả chưa hoàn toàn giác ngộ đó là tâm của hành giả ấy vẫn còn thủ chấp về năng và sở, không tôn trọng chúng sanh và đó gọi là Ngã tướng. Cho rằng bản thân mình là người đạo đức và khinh rẻ người phi đạo đức thì đó gọi là Nhơn tướng. Nhàm chán, xa lìa đau khổ trong ba đường và muốn sanh vào các cõi trời thì đó gọi là Chúng sanh tướng. Do tâm mong được sống lâu mà nỗ lực thực hành các thiện nghiệp và chấp thủ vào đó thì gọi là Thọ giả tướng.

Kinh Kim Cang dạy rằng, *nếu Bồ tát còn có ý tưởng về các tướng ngã, nhân tướng, chúng sinh tướng, và thọ giả tướng thì không phải là Bồ tát.*<sup>1</sup>

---

1 金剛經：“若菩薩有我相、人相、眾生相、壽者相，即非菩薩”

Cũng là bốn tướng với tên gọi giống nhau: Ngã tướng, Nhân tướng, Chúng sanh tướng và Thọ giả tướng, nhưng:

**Ngã tướng** trong Kinh Viên Giác chính là tâm sở chứng của các chúng sanh<sup>2</sup> lý do là vì đã hoàn toàn giác ngộ thì không còn có vọng chấp cho rằng có cái được chứng ngộ. Chấp cho rằng có cái được chứng ngộ đó là Ngã tướng.

**Nhân tướng** chính là tâm chứng ngộ của các chúng sanh, lý do là vì đã hoàn toàn giác ngộ thì không còn vọng chấp cho rằng có tâm giác ngộ nữa. Còn có cái chấp cho rằng có cái tâm giác ngộ đó là Nhân tướng.

**Chúng sanh tướng** chính là vọng chấp cho rằng tâm của các chúng sanh không thể đạt được sự chứng ngộ lý do là vì đã hoàn toàn giác ngộ thì không còn có cái chấp cho rằng chúng sanh vô minh không thể giác ngộ.

**Thọ mạng tướng** chính là tâm của chúng sanh đều được soi sáng bởi sự giác ngộ thanh tịnh. Tất cả nghiệp và trí tuệ đều không thể tự mình nhìn thấy, giống như không thể nhìn thấy sự ẩn tàng mạng căn.

---

2 云何我相？谓诸众生心所证者

Ngã, Nhân, Chúng sanh, Thọ mạng, cũng gọi là Tướng, Nghiệp hay Trí tuệ. Nghiệp đồng nghĩa với tướng và trí tuệ đồng nghĩa với tánh. Ngã, Nhân, Chúng sinh và Thọ mạng có liên quan đến hành động vi tế của nghiệp vì nghiệp được lý giải là tướng tức là dấu vết còn lại từ những hoạt động nhận thức trước đó. Khác với Kinh Kim Cang, bốn tướng trong Kinh Viên Giác đã được giải thích như các lăng kính biểu hiện về sự giác ngộ để chỉ ra sự tiếp diễn của các cấp độ hoạt động.

Căn cứ vào những lời Phật dạy thì tất cả đều hoàn toàn vô ngã bất nhị, do vậy tuyệt đối không nên thủ chấp vào những khái niệm, ngôn ngữ, hình ảnh, màu sắc, thể trạng...

Chính vì thế mà Đức Phật đã dạy là từ vô thủy đến nay tất cả chúng sinh đều mê lầm chấp vào sự tồn tại của các tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sinh và tướng thọ mạng. Họ coi bốn quan điểm điên đảo này là bản chất của một bản ngã thực sự, do đó tạo ra hai trạng thái thích và không thích.

Dựa vào một vọng tưởng, họ lại bám víu vào những vọng tưởng khác. Hai vọng tưởng

này nương tựa lẫn nhau, tạo nên những nghiệp chướng huyền ảo. Vì nghiệp huyền nên chúng sinh nhận thức một cách mê hoặc về dòng luân hồi sinh tử.

Những người không thích luân hồi thì nhận thức Niết bàn một cách mê lầm và do đó không thể nhập vào thể tánh giác ngộ thanh tịnh. Không phải sự giác ngộ ngăn cản sự ngộ nhập của họ mà đúng hơn, đó là ý tưởng cho rằng có một người có thể vào, vì thế, dù tư tưởng của họ có bị kích động hay đã ngừng hoạt động, họ cũng không thể khác hơn là điên đảo vọng động.

Tại sao vậy? Bởi vì vô minh nguyên thủy đã được coi là làm chủ chính mình từ vô thủy, nên tất cả chúng sinh không thể phát khởi được mắt trí huệ. Bản chất của thân và tâm của họ không gì khác hơn là sự vô minh không tự diệt trừ này có thể được minh họa bằng ví dụ về người không tự kết liễu đời mình.

Vì vậy, các ông nên biết rằng người ta hòa hợp với những người thích mình và oán giận những người mâu thuẫn với họ. Bởi vì thích và không thích nuôi dưỡng vô minh nên chúng sinh luôn thất bại trong việc tìm cầu Phật đạo.

## **Tướng của Ngã là gì?**

Đó là cái được chứng ngộ trong tâm của chúng sinh. Ví như khi cơ thể của một người được điều hòa tốt và khỏe mạnh, người đó quên mất sự tồn tại của nó. Tuy nhiên, khi tứ chi uể oải, thân thể không khỏe mạnh, không điều hòa, thì chỉ cần điều trị nhẹ nhàng bằng châm cứu, họ sẽ nhận thức lại được sự tồn tại của cái được cho là bản ngã, do đó, bản ngã sẽ biểu hiện khi cảm nhận được. Tâm chứng nghiệm cảnh giới Như Lai và nhận biết rõ ràng Niết-bàn thanh tịnh, đó chỉ là hiện tượng của ngã.

## **Nhân tướng là gì?**

Đó là điều được cho là tâm chứng ngộ của chúng sinh. Thiện nam tử, người thức tỉnh về bản ngã không còn đồng nhất với bản ngã nữa. Sự thức tỉnh này, vượt trên mọi kinh nghiệm, đó là Nhân tướng. Cả cái giác ngộ và sự tỉnh thức đều không phải là ngã. Vì thế, cho dù tâm của người này đã hoàn toàn thức tỉnh đến niết bàn, nó cũng chỉ là ngã bởi vì chừng nào còn có dấu vết nhỏ nhất của sự thức tỉnh hay nỗ lực trong tâm trí để nhận ra nguyên lý, đó sẽ là dấu hiệu của con người tức Nhân tướng.

## **Chúng sinh tướng là gì?**

Đó là giác ngộ vượt quá sự tự giác ngộ và là điều được nhận biết, thức tỉnh trong tâm của chúng sinh. Thiện nam tử, ví dụ như một người nói, Tôi là chúng sinh, thì nên biết rằng điều ông ấy nói là chúng sinh không ám chỉ chính ông ấy hay người khác. Tại sao ông ấy không ám chỉ tự ngã của mình? Vì ngã này là chúng sinh nên nó không giới hạn ở tự ngã của ông ấy. Bởi vì Ngã này là chúng sinh, nên không phải là ngã của người khác. Thiện nam tử, những kinh nghiệm và sự thức tỉnh của chúng sinh đều là tướng của ngã và nhân. Trong sự tỉnh thức vượt khỏi tướng của ngã và nhân, nếu người ta giữ được ý thức đã chứng ngộ điều gì đó thì gọi là Chúng sinh tướng.

## **Tướng của Thọ mạng là gì?**

Chính tâm chúng sinh chiếu sáng thanh tịnh, trong đó họ ý thức rằng họ đã chứng ngộ. Nghiệp và trí tuệ không thể tự nhận thức được. Điều này có thể so sánh với gốc rễ của sự sống tức là mạng căn, khi tâm có thể chiếu sáng và nhận biết được giác ngộ thì đó chỉ là phiền não, bởi vì cả người nhận thức và sự nhận thức đều

không rời khỏi phiền não. Nhận thức về sự tồn tại của bản thân đối với sự tự giác ngộ cũng giống như vậy.

Chương *Bồ Tát Tịnh Chư Nghiệp Chương* là một trong những Chương được xem là rất khó lãnh hội, đặc biệt là đối với bốn tướng: Ngã, Nhân, Chúng sanh và Thọ mạng. Mỗi một tướng là một nhận thức giác ngộ, nhưng nếu chúng bị cụ thể hóa trong ý thức thì sẽ trở thành một trở ngại cho sự giác ngộ vì thế cần phải vượt qua bốn tướng tức là triệt tiêu quan niệm về bản ngã hư huyền của một người và, sự triệt tiêu, người triệt tiêu và bản ngã bị triệt tiêu được ví như tình trạng băng tan trong bồn nước nóng, lúc ấy băng chẳng khác nước, nước chẳng khác băng vì băng chính là nước và nước chính là băng.

Dù đã chứng ngộ nhưng vẫn còn chấp vào điều được cho sở chứng, cho rằng điều được chứng ngộ là ta thì đó là dấu vết của ngã gọi là ngã tướng. Nhận thức rằng sự chứng ngộ không phải là ta (vì cho đó là cái gì khác, người khác) nên gọi là nhân tướng. Tri nhận (ngộ) được năng chứng và sở chứng không phải là ta nên gọi là “chúng sanh tướng”. Tâm được giác ngộ

thanh tịnh chiếu soi nhưng còn có nhận thức (ngộ) về tâm và sự giác ngộ thanh tịnh chiếu soi thì gọi đó là thọ mạng tướng (vì còn có thời gian tiếp nối).

## **2. Chân Lý Vô Ngã - Bất Nhị**

Trong chương đầu tiên, Kinh Viên Giác đã đặc biệt nhấn mạnh về sự bình đẳng bất nhị giữa thời gian và không gian; giữa giác ngộ và vô minh; giữa nhiễm ô và thanh tịnh; giữa phiền não và Niết bàn; giữa chúng sanh và chư Phật; giữa luân hồi và giải thoát, giữa có và không, giữa tâm và vật, giữa ý niệm này và ý niệm khác, giữa một và nhiều v.v... nói chung giữa muôn sự muôn vật hoàn toàn không một mảy may sai biệt, lý do là vì Đức Phật đã nhiều lần từng dạy rằng tất cả các pháp hữu vi đều vô thường và hoàn toàn vô ngã, vì vô ngã nên muôn hữu vũ trụ đều bình đẳng bất nhị và chính trong cảnh giới bất nhị mà hiện bày ra các cõi tịnh trang nghiêm.

Để trả lời câu hỏi của Bồ tát Văn Thù Sư Lợi, Đức Phật đã khẳng định rằng, Vô minh là nhiều thứ điên đảo từ vô thủy đến nay của tất cả chúng sanh, giống như người mê, nhầm lẫn về



bốn phương hướng, sai lầm cho rằng bốn đại là thân tướng của mình, duyên theo bóng dáng của sáu trần mà cho là tâm tướng của mình; ví như kẻ bị bệnh mắt thấy giữa hư không có hoa và mặt trăng thứ hai. Thật tế thì, giữa hư không chẳng có bất cứ một loại hoa đốm nào ngoại trừ người bị bệnh mắt bám víu vào nhận thức sai lầm của mình mà vọng chấp. Do vọng chấp, nên chẳng những mê lầm về tự tánh của hư không, mà còn sai lầm khi cho rằng địa điểm sinh ra hoa đốm là thật có, vì sự mê muội này mà có luân hồi sanh tử, nên gọi là vô minh.

Đức Phật đã dùng một số ẩn dụ như “hoa đốm giữa hư không”, “mặt trăng thứ hai” v.v... để chỉ rõ bản chất của vô minh là không thật hữu, do vậy mới có thể giải thoát giác ngộ...

Vô minh chẳng khác nào như một người mất phương hướng, nhầm lẫn cho rằng bốn đại chính là thân tướng của mình giống như người bị bệnh mắt tin rằng mình đang nhìn thấy hoa đốm trên bầu trời hay thậm chí là thấy có mặt trăng thứ hai.

Trên thực tế thì không có bông hoa nào trên bầu trời cũng chẳng có mặt trăng thứ hai nào cả

nhưng vì do mắt bị bệnh đang cản trở tầm nhìn của họ nên họ tin những thứ mà họ nhìn thấy là những gì đang có thật. Do thiếu năng lực thanh tịnh nên phát sanh ảo tưởng về không gian nội tại và cho rằng đó là bản chất của tâm và bám vào ảo tưởng về một cái ngã cố hữu riêng biệt này nên phải luân hồi trong khổ đau sinh tử. Khi đã tỉnh thức, thì mọi ảo tưởng sẽ tan biến giống như người đã tỉnh cơn mộng, mọi hình ảnh trong mộng biến mất, không thể tìm thấy.

Cần phải tri nhận rằng, những khái niệm mang tính nhị nguyên về sinh và diệt, đến và đi, chết và sống, luân hồi và niết bàn, nhiễm ô và thanh tịnh... chỉ là ảo ảnh chẳng khác nào như hoa đốm giữa hư không. Khi đã nhận ra bản chất huyễn hóa của mọi hiện tượng, tất cả những khái niệm như thế đều bị đoạn tận vì chúng vốn không có bản chất cố hữu là thực sự tồn tại hay thực sự không tồn tại mà tất cả đều hoàn toàn trống lạng bất nhị.

Đức Phật đặc biệt nhấn mạnh, “*vô minh chẳng phải là thật hữu thể, giống như người trong giấc chiêm bao, trong chiêm bao thấy thật có, khi tỉnh dậy thì hiểu rõ là chẳng có gì cả; giống như hoa đốm biến mất nơi hư không,*

*chẳng thể nói rằng có vị trí nhất định mà chúng đã biến mất. Tại sao? Vì chẳng có nơi phát sanh ra chúng. Tất cả chúng sanh ở trong vô sanh, vọng thấy sanh diệt, cho nên nói là sanh tử luân hồi.”*

Đức Phật dạy, tất cả huyễn hóa đều phát sanh từ Viên giác diệu tâm Như Lai chẳng khác nào như hoa đốm từ hư không mà có, tuy nhiên điều hết sức quan trọng ở đây đó là: *“hoa đốm huyễn hóa tuy diệt nhưng tánh hư không thì bất hoại. Huyền tâm của chúng sanh cũng theo huyễn mà diệt, các thứ huyễn diệt hết nhưng tâm giác ngộ thì bất động.”* Vì thế Đức Phật đã dạy là hãy xa lìa mọi cảnh giới hư vọng và ngay cả cái được gọi là xa lìa cũng phải xa lìa. Và, khi đã *“đạt đến không chỗ xa lìa tức đoạn trừ các huyễn”* cũng phải vĩnh viễn xa lìa. Đức Phật đã nêu lên một ảnh dụ đó là *“Ví như cọ xát gỗ để lấy lửa, hai cây gỗ cọ xát vào nhau, lửa phát cháy gỗ biến thành tro, tro bay khói mất”* và, Đức Phật đã dạy rằng *“dùng huyễn tu huyễn cũng lại như thế, các huyễn tuy diệt hết nhưng chẳng rơi vào đoạn diệt.”* Khi đã biết huyễn thì liền xa lìa *“tri huyễn tức ly”* và khi đã xa lìa thì liền giác ngộ *“ly huyễn tức giác”*.

Trong Chương *Bồ tát Phổ Nhãn*, Đức Phật dạy rằng, cái được cho là thân tướng chỉ là sự tương tác tổng hợp của bốn đại, khi bốn đại không còn kết hợp thì cái được cho là thân là gì, đang ở đâu? Trên thực tế, nó chẳng khác nào một ảo ảnh do nhà ảo thuật tạo ra vì thế mà không nên bám víu vào nó. Cả thân lẫn tâm đều chỉ là các tướng huyễn ảo, khi đã vĩnh viễn buông bỏ, không còn bám víu vào chúng thì sự thanh tịnh sẽ tràn ngập khắp mười phương, toàn bộ vũ trụ trở nên thuần khiết, trong sáng.

Khi buông bỏ những hình ảnh huyễn ảo này, thì tánh giác ngộ hoàn toàn thanh tịnh, bao trùm vô tận vô biên như hư không. Vì tâm thanh tịnh nên hình ảnh và âm thanh..., những gì chúng ta thấy, nghe, nếm, ngửi, chạm và biết... đều hoàn toàn thanh tịnh. Vì thân thanh tịnh nên các yếu tố đất, nước, lửa và không khí đều thuần khiết, vì thân tâm thanh tịnh thuần khiết nên muôn hữu trở nên thanh tịnh.

Một cá thể và tất cả chúng sanh, một thế giới và tất cả thế giới đều thanh tịnh, bình đẳng, bất nhị. Bản chất của giác ngộ là thanh tịnh, chiếu sáng, bất động, viên mãn và vô tận vô biên. Tất cả là một và một là tất cả, chẳng khác

nào như hàng trăm ngàn ngọn đèn chiếu sáng trong một căn phòng, ánh sáng của chúng tỏa khắp và không chướng ngại nhau. Một khi đã thể nghiệm điều này, Bồ tát sẽ hoàn toàn tự tại, không bị bất cứ điều gì làm cản trở và lúc ấy sẽ không ghét luân hồi mà cũng chẳng yêu thích Niết bàn vì mọi thứ đều là sự biểu hiện của chân như chiếu sáng thanh tịnh. Mọi thứ đều là nhận thức thuần khiết, không hai không khác và ngay cả cái không hai không khác cũng hoàn toàn tịch lặng, bất nhị. Trong viên giác tánh, không có gì để đạt được bởi vì mọi thứ hoàn toàn rỗng lặng và vượt ra ngoài mọi khái niệm giới hạn của ý thức phân biệt nhị nguyên.

Sinh tử và niết bàn, luân hồi và giải thoát, vô minh và giác ngộ, huyễn hóa và chơn tâm, chúng sanh và Như Lai... tất cả đều giống như giấc mơ vì muôn sự muôn vật đều không sinh không diệt, không đến không đi, không hữu không vô bởi một khi đã thể nhập viên giác tánh thì không còn gì để làm, không có gì để thủ chấp hay buông xả, tất cả hoàn toàn rỗng lặng, Không tịch. Không có chủ thể nhận thức và đối tượng bị nhận thức, không còn hành giả và phương pháp hành trì, cũng không còn năng

chứng và sở chứng, năng tri và sở tri, năng giác và sở giác, mọi thứ đều thanh tịnh, vô ngã, bình đẳng và bất nhị.

Trong Chương *Bồ tát Tịnh Chư Nghiệp Chương*, Đức Phật đã nêu rõ tính vô ngã bất nhị qua bốn tướng: Ngã, Nhân, Chúng sanh và Thọ mạng một cách hết sức vi tế. Qua thí dụ nước và băng, chúng ta càng thấy rõ nhiễm ô chính là thanh tịnh, phiền não chính là giải thoát khinh an, đây là diệu lý bất nhị vô cùng vi diệu bất khả tư nghì của Kinh Viên Giác.

Có thể nói, trong suốt mười hai Chương của Kinh Viên Giác, Chương nào cũng in đậm dấu ấn của bất nhị, ngay cả các pháp môn tu tập cũng không hai không khác, có sai khác chăng thì đó chính là lòng từ bi vì thuận theo căn cơ của tất cả chúng sanh mà Đức Phật đã phương tiện thiện xảo để khai thị.

### **3. Ba Cửa Phương Tiện Chỉ - Quán - Thiền na**

Trong Chương *Bồ tát Oai Đức Tự Tại* (威德自在菩薩), Đức Phật đã đặc biệt nhấn mạnh về ba Pháp môn như sau: Tánh Viên giác thanh tịnh hiện hữu khắp mười phương, thể tính bình

đẳng nên không có sự thực hành và người thực hành, tuy nhiên để tùy thuận căn cơ của tất cả chúng sanh thì những phương tiện tu hành nhiều đến vô lượng; một cách tổng quát thì có ba loại phương tiện sai biệt đó là: Chỉ (Samatha); Quán (Samāpatti) và Thiền-na (Dhyāna).

Trong Chương **Bồ tát Biện Âm** (辯音菩薩) Đức Phật đã dạy về ba pháp môn Chỉ, Quán và Thiền-na như sau:

#### ***a. Pháp môn Thiền Chỉ (Samatha) :***

Đối với thiền Chỉ, Đức Phật đã dạy rằng các vị Bồ Tát chuyên nắm giữ sự tĩnh lặng tối thượng và nhờ năng lực của sự thanh tịnh tĩnh lặng mà mọi vọng tưởng, phiền não được vĩnh viễn đoạn trừ, thành tựu Viên giác, ngay nơi ấy và lúc ấy thể nhập Niết bàn<sup>3</sup>. Những vị Bồ Tát này được gọi là hành giả của Samatha. Nếu các vị Bồ Tát chứng ngộ được Viên giác thanh tịnh thì hãy tập trung vào sự tĩnh lặng, do ngưng lắng các vọng niệm nên tâm thức hoàn toàn thanh tịnh và trí tuệ phát sinh vì thế mọi nhiễm ô hư huyền của thân tâm sẽ chấm dứt, nội tâm tĩnh lặng khinh an. Do tĩnh lặng

---

3 Chương Bồ tát Biện Âm thứ tám

khinh an nên Như Lai trong mười phương thể giới đều hiện ra trong tâm như ảnh phản hiện trong gương. Phương tiện tu tập này được gọi là Samatha (奢摩他). Phương pháp tu Chỉ của Kinh Viên Giác không hướng tâm đến một đối tượng nào đó bên ngoài mà hướng tâm vào bên trong, xứng theo bản thể của chơn tâm để tỉnh cần tu tập.

Đức Phật còn từ bi khai thị rằng: Nếu chúng sinh thực hành Samatha, họ nên giữ tâm hoàn toàn tĩnh lặng bằng cách không khởi lên bất cứ ý niệm vọng tưởng nào. Khi sự tĩnh lặng đã đạt đến tối thượng thì giác ngộ sẽ xuất hiện. Sự tĩnh lặng tràn ngập cơ thể hành giả và trong khắp vũ trụ giống như sự giác ngộ biến mãn khắp mười phương. Vì sự giác ngộ tràn ngập khắp vũ trụ, nên một ý nghĩ của bất kỳ chúng sinh nào trong vũ trụ bao la thì cũng đều có thể nhận biết được.

Khi ánh sáng giác ngộ của hành giả tỏa khắp muôn ngàn vũ trụ thì dù chỉ là một hạt mưa nhỏ xuất hiện ở đâu đó hành giả cũng có thể nhận biết. Nhưng dù thể nghiệm bất cứ điều gì trong quá trình thực hành và thể nghiệm thì cũng không nên bám víu hay dính mắc vào chúng.



**\* Ý nghĩa của việc thực hành Thiền Chỉ (Samatha):**

1. An định hoàn toàn (samāhita), hoàn toàn an trí (samādahati) cổ dịch là etyin, samañāduo;

2. Ngưng lắng mọi vọng tưởng, tạp niệm;

3. Động cơ thúc đẩy truy tìm đối tượng là “tâm” (尋, vitakka); chuyên chú vào mục tiêu và tiếp tục bám sát, duy trì sự tập trung vào mục tiêu tức là “tứ” (伺/vicāra). Mục tiêu hay đối tượng là khái niệm về các pháp thuộc tục đế.

4. Tập trung vào một mục tiêu tại một thời điểm để cuối cùng đưa dẫn đến sự tâm nhất cảnh tánh tức sự kết hợp, đồng nhất của đối tượng quán chiếu hoặc thiền tướng.

5. Khi thực hành thiền Chỉ sẽ giảm bớt và cuối cùng sẽ ngưng lắng các tạp niệm vọng tưởng và năng lượng xao lãng thì sự hỷ lạc sẽ xuất hiện sẽ thành tựu Bát định cũng gọi là bát thiền gồm có: Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền, Không vô biên xứ định, Thức vô biên xứ định, Vô sở hữu xứ định và Phi tưởng phi phi tưởng xứ định. Thành tựu Bát định thì vượt qua Dục giới và tiếp tục hướng đến thành tựu Diệt

tận định hay còn gọi là Diệt thọ tưởng định (滅盡定/ S. Nirodha-samāpatti) và tiếp tục thành tựu Tam minh nếu hướng tâm tinh cần tu tập.

### **b. Pháp môn Thiền Quán (Samāpatti / 三摩鉢提)**

Nếu hành giả chuyên tu tập về Quán (Samāpatti), trước tiên phải thấy tất cả chúng sinh trong mười phương thế giới đều có Viên giác tánh và nên phát nguyện lớn lao để cứu độ tất cả chúng sinh để hạt giống Bồ đề ngày một tăng trưởng viên mãn. Và, bất kể điều gì xuất hiện trong quá trình thực hành và thể nghiệm cũng tuyệt đối không được bám víu để bị dính mắc vào chúng.

Nếu Bồ-tát chuyên quán tất cả các pháp như huyễn và vận dụng trí như huyễn để đoạn trừ các pháp như huyễn, chấm dứt tất cả phiền não, vọng tưởng, tà niệm, vô minh đồng thời phát tâm đại bi cứu khổ độ sanh nhưng tâm không thủ chấp. Nương vào Phật lực chuyển hóa thế giới và thực hiện nhiều hoạt dụng khác nhau, vận dụng triệt để các hạnh nguyện thanh tịnh vi diệu của Bồ-tát để ứng cơ cứu độ. Trong sự tập trung liên tục, hành giả không đánh mất

tịch niệm và trí tuệ thanh tịnh. Ở giai đoạn đầu khi quán chiếu các pháp là huyễn, người quán chiếu chưa phải là huyễn, tuy nhiên sau thời gian tu tập người quán chiếu cũng chỉ là huyễn do vậy mà xa lìa tất cả các huyễn tướng và xa lìa ngay cả cái được gọi là xa lìa như thế được gọi là chuyên tu về Quán (Samāpatti).

**\* *Thiền Quán Nguyên Thủy Vipassanā bhavanā (Thiền Minh Sát / 毘鉢舍那).***

Nếu Samāpatti là sự phản chiếu của sự thật, hành giả qua đó tri nhận được bản chất như thật của các pháp, đoạn tận mọi phiền não, thể nhập Viên giác tánh tức đạt được giác ngộ viên mãn như Kinh Viên Giác đã dạy thì Thiền Nguyên thủy Vipassanā (thiền Minh Sát) lại là kinh nghiệm trực tiếp về sự thật.

Thiền Quán hay còn gọi là Thiền Minh Sát là một phương pháp thực tập được định hướng bởi trí tuệ và tri kiến (ñānadassana). Thiền Quán tìm kiếm và quan sát các đối tượng một cách liên lỉ. Các đối tượng mà hành giả dùng để quán sát có thể là sự xúc chạm của hơi thở hay sự phồng xẹp của bụng. Quán sát sự sinh diệt của cảm giác và âm thanh qua sắc uẩn

(rūpassa samudayo) để liễu triệt Tam Pháp Ấn (sa. trilakṣaṇa) là tính vô thường (無常, anitya), khổ (苦, duḥkha) và vô ngã (無我, sa. anātman, pi. Anatta) của sắc uẩn và, có thể quán chiếu Ngũ uẩn. Hành giả có thể sử dụng bốn lĩnh vực như bốn đối tượng để quán niệm đó là thân, thọ, tâm và pháp mà thuật ngữ Phật học gọi là Tứ Niệm Xứ (smṛtyupasthāna).

Khi thực hành thiền minh sát, dù ở Biến tác định (parikamma) hay Cận hành định (upacara-samadhi) cũng đều có khả năng tạm thời diệt trừ năm triền cái, nhưng nếu muốn đoạn tận năm chướng ngại thì cần quán chiếu để liễu triệt sự sinh diệt của chúng.

### c. Thiền-na (Dhyāna / 禪那)

Thiền-na còn gọi là *Thiền định* hay *Tĩnh lự* (靜慮), theo Kinh Viên Giác thì đây là phương pháp Chỉ-Quán song tu. Đức Phật dạy rằng sau khi ngộ được tâm viên giác thanh tịnh, hãy nương vào tâm viên giác để tu, không chấp trước pháp Chỉ tịch tịnh và pháp Quán như huyền, nhận thức rõ thân tâm là những thứ chướng ngại nhưng tánh viên giác thì dung thông vô ngại, siêu việt mọi cảnh giới bao gồm

cả sanh tử lẫn Niết bàn nhưng vẫn thọ dụng mọi thân tâm và thế giới một cách vô quái ngại, thực tế này chẳng khác gì âm thanh của khí cụ, dù ở trong khí cụ nhưng vượt thoát ngoài khí cụ. Nội tâm của hành giả tịch lặng an nhiên, bốn tướng không còn và tùy thuận cảnh giới viên giác nhiệm mầu vi diệu.

Nếu hành giả tu tập Thiền-na thì trước tiên nên tập trung vào hơi thở. Hành giả có thể thực tập đếm hơi thở và sau đó quán sát hơi thở rồi quán chiếu dòng sinh diệt của tư tưởng và nhận thức chân xác về chúng. Trong quá trình thực hành, bất kể cảnh giới nào xuất hiện cũng không nên bám víu hay dính mắc vào chúng.

Nếu có vị Bồ Tát an trụ trong đại định hoàn hảo để yên lặng mọi phân tâm, vọng niệm đồng thời trực tiếp như thật quán tri bản chất của mọi hiện hữu, phá trừ mọi phiền não, huyễn hóa thể nhập thực tại siêu việt là Viên giác tánh và sau đó khởi lên hạnh thanh tịnh, vi diệu của Bồ Tát để cứu độ tất cả chúng sinh. Các vị Bồ Tát này được gọi là hành giả chuyên tu Thiền-na tức *Chỉ Quán song tu* hay còn gọi là *Định Huệ song tu*.

Dhyāna là tiếng Sanskrit, tiếng Pali là “Jhāna” có nghĩa là “đốt cháy” (dahanti) và “quán chiếu” (cintenti). Tức đốt cháy nguyên nhân sinh ra hư vọng (jhāpeti / Causative) và quán chiếu “trạng thái của tâm (gocaram)”. Có hai loại Jhāna là: *Quán niệm đối tượng* (ārammaṇūpanijjhāna) và *Quán chiếu hình tướng* (lakkhaṇūpa-nijjhāna).

Tóm lại, ba phương pháp tu tập căn bản này là phương tiện thiện xảo hàng đầu, nếu hành giả tinh tấn hành trì thì chắc chắn sẽ được chứng ngộ viên giác tánh.

Theo lời Phật dạy được ghi lại trong nhiều bộ Kinh, đặc biệt là trong kinh tạng Nikāya thì *thiền Chỉ* (samantha) và *thiền Quán* (vipassana) là hai phương pháp thù thắng có thể đạt được sự nhất tâm và tăng trưởng tuệ giác siêu việt.

**Thực tập thiền Chỉ** (samatha) kết quả sẽ làm dừng lại các tạp niệm ái dục và chấm dứt các pháp bất thiện đồng thời đưa đến trạng thái hỷ, lạc, nhất tâm. Ngoài ra, nó còn giúp an định tâm thức, khiến cho tâm không bị thất niệm, loạn động hay phân tán (vikshepa). Đó là cách tu tập để dừng lại, tịnh chỉ mọi điên đảo, mộng

tưởng làm cho tâm không tán loạn, không hướng ngoại tìm cầu, đuổi bắt các đối tượng trần cảnh huyền hóa. Thiền chỉ là sự ngưng bật của tâm hành (sankhāra), chú tâm vào một cảnh, khiến cho mọi vọng tưởng đều dừng lại, buộc tâm vào một đề mục khiến đạt được sự nhất tâm và đưa đến trạng thái khinh an hỷ lạc. Hành giả gom tâm về một chỗ bằng cách tập trung chú ý vào hơi thở; với phương pháp đếm hơi thở có thể làm lắng dịu tâm trí căng thẳng do hoạt động quá mức và cải thiện hiệu quả sự tập trung. Đếm hơi thở (sổ tức) giúp tâm thức tĩnh lặng, làm cho tâm thức tịch lặng là bước đầu trước khi chuyển sang quán sát các khía cạnh thể chất và bản chất của hơi thở, cũng như của cơ thể vật lý và tâm thức.

**Thiền Chỉ** (Samatha) được phân thành năm đặc tính chính yếu như sau:

- 1- Chú ý an định, tĩnh lặng (samadhi),
- 2- Chánh niệm (sati),
- 3- Hỷ (pīti),
- 4- Định tĩnh (passaddhi)
- 5- Xả (upekkhā).

Thiền Chỉ vun bồi, nuôi dưỡng chánh niệm để đưa đến định tĩnh an lạc. Để bắt đầu thực tập

thiền Chỉ, hành giả cần hướng sự tập trung của mình vào một đối tượng cụ thể, chặn đứng sự lang thang, thất niệm, loạn động của tâm thức. Hành giả có thể sử dụng nhiều đối tượng khác nhau như đếm hơi thở, nhất tâm niệm Phật, chuyên tâm trì một câu thần chú như thần chú Đại Bi hay Lục tự Đại minh Chơn ngôn “*Án Ma Ni Bát Mê Hồng / Om Mani Padme Hum*” hoặc tụng một bộ Kinh như Kinh Pháp Hoa... hay tập trung vào một đối tượng nhất định.

Theo thời gian, thực hành thiền Chỉ sẽ làm dịu đi những suy nghĩ và cảm xúc của chính mình, sẽ thể nghiệm sự tĩnh lặng trong tâm hồn và định tĩnh khi đối diện với những suy nghĩ như chúng vốn là.

Trong khi thiền Chỉ điều chỉnh, an định và tập trung tâm thức thì:

**Thiền Quán** (Vipassana hay Samāpatti) hướng đến việc đạt được một cái nhìn sâu sắc, một nhận thức rõ ràng và chân xác về những gì đang xảy ra trong thời điểm hiện tại. Công năng của thiền Chỉ là thu tóm các phiền não vọng tưởng lại và công năng của thiền Quán chặt đứt, đốt sạch, đoạn tận mọi phiền não.



Mục đích của thiền Quán là đoạn trừ vô minh lậu hoặc bằng cách quán chiếu mọi hiện tượng để có thể tri nhận mọi hiện tượng như chính nó đang là (*ānupassanā*) và kết quả là đưa dẫn đến trí tuệ như thật đoạn tận mọi phiền não, thành tựu viên mãn tuệ giải thoát, chấm dứt vòng luân hồi sanh tử khổ đau.

Vipassana, có thể dịch theo nghĩa đen là cái nhìn sâu sắc đề cập đến sự thấu triệt như thật về bản chất đích thực của mọi hiện tượng vốn mang ba dấu ấn phổ quát đó là Vô thường, Khổ và Vô ngã, đó là ba đặc tính của mọi hiện hữu. Vipassana còn được dịch là *Thiền minh sát*.

**Thực tập thiền Quán** sẽ giúp hành giả quán triệt mọi hiện hữu nhờ thế sẽ không thủ chấp vào bất cứ hiện tượng huyễn hóa nào, sẽ buông xả mọi tham dục, giải thoát mọi ràng buộc, kìm hãm của vật chất lẫn tinh thần vốn là thứ có khả năng tác động đến cuộc sống một cách mãnh liệt và to lớn.

Thiền Quán vượt xa nhận thức về hơi thở qua sự tập trung tâm thức mà là quán chiếu theo dõi nhưng không phán xét hoặc nắm bắt bất kỳ đối tượng hay cảm thọ nào nhằm thấp sáng

trí giác nhận ra một cách như thực thực tại tối thượng.

Trong Kinh Viên Giác, các đối tượng dùng làm thiền mục để quán chiếu không phải là một vật thể nào đó ở bên ngoài mà chính là tâm thức và đặc biệt là tứ tượng là bốn nhận thức được xem là dấu vết của sự vọng tưởng chấp trước.

#### **4. Hai Thêm Bậc Tiệm - Đốn**

Tiệm và Đốn là hai thuật ngữ chỉ cho hai phương pháp hành trì trong thiền tông được tạm hiểu là ngộ dần dần và ngộ đột ngột tức là “Tiệm” và “Đốn”. Trên nền tảng của giáo nghĩa tánh không (sūnyatā) thì khả năng hoát nhiên đại ngộ mà không dựa vào các khái niệm nhị nguyên mang tính cấu trúc tiệm tu là điều có thể xảy ra.

Vì thế, với những ai thể nghiệm tánh Không sẽ tri nhận rằng mọi sự về cơ bản đều không có đặc tính hay ngã thể và, những chướng ngại cần được loại bỏ bằng cách thực hành dần dần từng bước trên lộ trình dẫn đến giải thoát giác ngộ là điều không cần thiết vì bản thân của vô minh tham ái vốn là hư huyền, không có tự tính bất biến mà là Không tính, hay tính bất nhị của

thực tại siêu việt, chính vì thế mà chỉ cần thể nhập viên giác tánh tức Phật tánh thì tức khắc ngay ở đó và lúc đó chấm dứt mọi luân hồi sanh tử khổ đau.

Tuy nhiên đối với những hành giả thực hành theo phương pháp tiệm tu thì cho rằng quan điểm giác ngộ đột ngột đã không quan tâm đến vấn đề huân tu Giới Định Tuệ. Như trong Chương Bồ tát Văn Thù Sư Lợi và Chương Bồ tát Phổ Hiền, đây là hai Chương mà Đức Phật đã phủ nhận khả năng giác ngộ thông qua thực hành tuần tự một cách nghiêm khắc và, đặc biệt nếu hành giả nào không đạt được sự chứng ngộ đột ngột do không nhận ra viên giác tánh vốn hằng hữu và bất biến thì phải giải quyết như thế nào vì đơn giản là không phải ai cũng có khả năng chứng ngộ một cách đột ngột như những hành giả tu tập theo phương pháp đốn ngộ.

Từ quan điểm của sự giác ngộ bất chợt và giác ngộ dần dần Kinh Viên Giác đã dung hòa cả hai trong các Chương một cách rất logic.

Những Chương đầu, qua sự thỉnh cầu của các vị Bồ tát và sự khai thị của Đức Phật, sự chứng ngộ đột ngột là việc vô cùng thiết yếu, nhưng ở những Chương sau đó, kể từ Chương

thứ ba trở về sau, cũng qua sự khai thị của Đức Phật thì việc tu tập và dần dần chứng ngộ lại là một tiến trình cần thiết đối với những chúng sanh không có căn cơ lanh lợi.

Với quan điểm cho rằng tất cả chúng sinh vốn là Phật do đó không cần phải làm gì để biến họ thành Phật mà chúng sinh chỉ cần thức tỉnh về Phật tánh hay thể nhập tính viên giác của chính mình, không cần phải trải qua thời gian lâu dài để tu tập bất kỳ phương tiện gì. Đối với quan điểm của những hành giả tu theo tiệm tiến thì nhìn con người dưới góc độ vô minh đầy tham ái, nên từ vô thủy kiếp đã phải bị luân hồi sinh tử và tràn ngập khổ đau vì thế mà chủ trương giải thoát luân hồi sinh tử khổ đau bằng cách tinh tấn hành trì Tam vô lậu học Giới, Định, Tuệ trải qua nhiều thời gian chứ không phải là đột ngộ.

## 5. Nhân Hạnh Bồ Tát Đạo

*Bồ tát đạo* là một khái niệm đặc thù của Kinh điển Phật giáo, cả về Nguyên thủy lẫn Đại thừa; tuy nhiên, Phật giáo Đại thừa nhấn mạnh và phát triển khái niệm này nhiều hơn. Trong Kinh tạng và sử-luận Nguyên thủy, khái niệm Bồ tát được nhắc đến qua tiền thân của Phật Thích

Ca trong Kinh Bốn Sinh (Jātaka) thuộc Tiểu Bộ Kinh (Khuddaka-nikaya), địa vị Bồ tát của Ngài trong Kinh Trung Bộ (Majjhima-nikāya), Buddhavaṃsa (Phật sử) và Cariyapitaka (Hạnh tạng)... với tư cách là một chúng sanh hữu tình như bao loài chúng sanh khác đang từng bước nỗ lực tu tập để đạt được giác ngộ.

Về sau, đến thời kỳ phân chia bộ phái, tư tưởng Đại thừa phát triển khái niệm này thêm một bước cao hơn và mở rộng thêm từ không chỉ là một chúng sanh tự giác ngộ mà còn phải lăn xả thân mình để giúp đỡ chúng sanh, khiến chúng sanh cũng được giác ngộ; như trong Di Bộ Tông Luận (異部宗輪論) chép: *“Tất cả Bồ tát không khởi dục tưởng, uế tưởng và hại tưởng. Vì muốn làm lợi ích cho chúng sanh hữu tình mà nguyện sanh vào đường ác, đến đi tùy ý”*<sup>4</sup>. Trên cơ sở này, khái niệm Bồ tát dần phát triển thành Bồ đề tâm, Bồ tát hạnh, Bồ tát đạo... và thường xuất hiện trong hầu hết các Kinh điển Đại thừa như Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Lăng Nghiêm, Bát Nhã... và điển hình nhất ở đây là Kinh Viên Giác.

4 「一切菩薩不起欲想恚想害想。菩薩為欲饒益有情。願生惡趣隨意能往」

Khái niệm **Bồ tát** (sa. *Bodhisattva*, zh. 菩薩) gồm có hai phần, trong đó: “Bodhi” nghĩa là Giác và “sattva” nghĩa là Chúng sanh hoặc là Tự thể. Do đó, Bồ tát nghĩa là những cá nhân có thể đạt được giác ngộ và giúp đỡ người khác cùng được giác ngộ; nói cách khác là Hữu tình giác (有情覺) và Giác hữu tình (覺有情).

Về mặt bản chất, Bồ tát gồm hai phần là *Bồ đề tâm* (Bodhicitta) và *Bồ đề nguyện* (Pranidhanabala); Bồ đề tâm tức là từ bi và trí tuệ; Bồ đề nguyện nghĩa là đại nguyện mong muốn cứu độ chúng sanh. Từ Bồ đề tâm và Bồ đề nguyện này mà Bồ tát triển chuyển thực hành các việc làm, công hạnh cụ thể của mình – tức Bồ tát hạnh – thông qua Lục Ba la mật<sup>5</sup> (sa. *Paramita*, zh. 波羅蜜). Khi đã có đủ Bồ đề tâm, Bồ đề nguyện và Bồ tát hạnh thì Bồ tát mới bắt đầu nhập thế, thực hiện cuộc đến – đi tự tại của mình trên con đường tự giác và giác tha viên mãn, con đường đó gọi là Bồ tát đạo. Và, Bồ tát đạo được xem là nền tảng căn bản để tiến lên Phật quả.

5 Kinh Hoa Nghiêm (*Avatamsaka Sūtra*) nêu lên 10 Ba la mật (Thập Ba la mật). Tức ngoài 6 Ba la mật như Bồ thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ ra thì có thêm: Phương tiện thiện xảo, Nguyện, Lực và Kiến thức.

Nhân hạnh của Bồ tát ở trong Kinh Viên Giác thể hiện rõ nhất qua chương Phổ Nhãn Bồ Tát thứ ba, chương Bồ Tát Di Lặc thứ năm, chương Phổ Giác Bồ Tát thứ mười... thông qua việc chư Bồ tát khảo thỉnh Phật khai thị về những thắc mắc như: Thứ lớp tu hành của Bồ tát (Tu hành thế nào? Tư duy làm sao? Những chúng sanh chưa ngộ, dùng phương tiện gì để khiến được khai ngộ?, Tu đạo Bồ đề của Phật có bao nhiêu cấp độ khác biệt? Trở vào trần lao thì thiết lập bao nhiêu thứ phương tiện giáo hóa để cứu độ chúng sanh?, hay Phát tâm thế nào để không rơi vào tà kiến? ...)

Đức Phật dạy, Bồ tát muốn cầu Viên giác thanh tịnh (tự giác) phải nên chánh niệm, xa lìa các huyễn, y theo Chỉ-Quán mà tu hành, kiên trì cấm giới, trụ nơi vô trụ, lìa các sự chướng, trừ các sự chấp, đoạn tận tham ái, phải phát nguyện rằng: *“Con nguyện ngày nay trụ trong Viên giác Phật, nguyện được thân cận bậc thiện tri thức, chứ không gặp ngoại đạo và hàng Nhị thừa”* (Chương 5)... Thị hiện ở thế gian thực hành hạnh lợi sanh (giác tha) phải lấy từ bi làm gốc, mượn tham dục vào trong sanh tử để giúp chúng sanh lìa bỏ ái dục, tuy hiện thân nơi cõi

cát bụi trần lao nhưng tâm hằng thanh tịnh, vì tâm đại bi thương xót chúng sanh mà nhẫn nại đồng sự nhiếp, phương tiện hiện các hình tướng dù thuận hay nghịch để cứu độ, thị hiện lỗi lầm để tán thán phạm hạnh, không dẫn dắt chúng sanh vào chỗ không có luật nghi, phải nên phát tâm như thế này: *“Tất cả chúng sanh cùng tận khắp hư không, con đều khiến thể nhập vào Viên giác cứu cánh, ở trong Viên giác không chấp có người giác ngộ, đoạn trừ các tướng Ngã và Nhân”* (Chương 10)...

Theo tinh thần Viên giác, Bồ tát phải dùng Vô trụ tâm, ở nơi Vô trụ xứ, không thiên chấp nhị biên kể cả trung đạo thì mới có thể cứu cánh giúp đỡ chúng sanh, phải đoạn lìa bốn tướng thủ chấp thì đó mới là nhân hạnh chân thật. Tông chỉ này rất giống với tông chỉ được đức Phật dạy trong Kinh Kim Cang: *“Bất ưng trụ sắc sinh tâm, bất ưng trụ thanh-hương-vị-xúc-pháp sinh tâm. Ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”*<sup>6</sup>.

Nếu Bồ tát tu tập và giáo hóa chúng sanh mà còn thấy có ta độ - người được độ và pháp dùng

---

6 Zh. 不應住色生心，不應住聲香味觸法生心，應無所住而生其心 / Sa. Nakvacī tpratisthitam cittam utpādayitavyam



để độ thì đó là độ “Ngã - Nhân - Chúng sanh và Thọ giả”, chẳng phải là độ chúng sanh. Nếu còn các chấp trước nhị biên mà cho là đang độ sanh thì chính là đang nuôi dưỡng thêm những chấp ngã và phiền não vọng tưởng trong mình. Đây không những là tinh thần Bồ tát đạo trong Kinh Viên Giác mà còn là tinh thần chung cho những ai đang đi trên lộ trình này hướng tới Phật quả; như trong Kinh Bát Thiên Tụng Bát Nhã (Aṣṭasāhasrikā prajñāparamitā sūtra) có chép: *“Tâm Như Lai không trụ bất kỳ đâu, không trụ trên các pháp hữu vi lẫn vô vi và cũng không rời khỏi sở trụ”*<sup>7</sup>, hay như tinh thần của Trung Quán Luận (Mūlamadhyamakakārikā): *Hết thấy các pháp đều sinh ra từ gốc vô trụ...*

Từ nơi Vô trụ này mà Bồ tát học hết thấy thiện pháp, cầu đạo với hết thấy thiện tri thức, nuôi dưỡng *Giới-Định-Tuệ*, nhờ đó mà được trí giác chiếu soi. Khi đã có đầy đủ trí tuệ, Bồ tát phát khởi bi nguyện vào trong sanh tử để làm gương mẫu cho hết thấy chúng sanh, mượn nhân tham ái để vào cõi ái, vào cõi ái để độ

---

7 Nguyên văn: “Apratisttāmaso hi tathāgato rhan samyaksambuddhad. Sa naiva samskrīte dhātāu sthīto asamskrīte dhātāu sthīto na ca tathāvyutthitah”.

chúng sanh ái và, độ tham ái cũng chính là độ sinh tử luân hồi. *Bi-Trí-Nguyện* là ba nền tảng của Bồ tát đạo, hay nói theo Kinh Duy Ma Cật (Vimalakīrti) chính là “Trực tâm”, “Thâm tâm” và “Bồ đề tâm”.

Thiền Luận của Daisetz Teitaro Suzuki nói: *“Nơi nào có tâm Bồ đề được phát khởi, nơi đó là quốc độ của Bồ tát, vì tâm Bồ đề là quyến thuộc của Bồ tát. Nơi nào có Thâm tâm, nơi đó là quốc độ của Bồ tát, vì đó là nơi xuất sinh các thiện tri thức. Nơi nào có phát đại nguyện, nơi đó là quốc độ của Bồ tát vì đó là nơi thi hành công hạnh”* và, *“Tâm từ bi (Mahākaruṇā) là tinh thể của Tam muội (Samādhi)... là phương tiện (Upāya) tự hiện thân cùng khắp vũ trụ...”*.

Do đó, *Bi-Trí-Nguyện* là dẫn xuất của Phương tiện, nung cất nên Phương tiện; Phương tiện hiện ứng ra bên ngoài chính là phát xuất từ nội hàm bi-trí bên trong. Nếu không được trưởng dưỡng từ Trí và Bi bên trong thì đó không được gọi là phương tiện, đó là tà hạnh của tà ma ngoại đạo. Đây là điểm cần phải phân biệt rõ ràng.

Và, Đức Phật dạy, một Bồ tát vào đời độ sanh phải nên phát nguyện *“Nguyện tất cả*

*chúng sanh cùng tận khắp hư không, con đều khiến thể nhập vào Viên giác cứu cánh”, tâm nguyện này là mẹ dưỡng nuôi của mọi Bát nhã và Thiền định, là mảnh đất tâm trồng nên bi-trí, là cội rễ của tám vạn bốn ngàn pháp môn phương tiện và là pháp ấn của một Bồ tát Viên Giác.*

Tuy là pháp môn Nhất thừa Viên đốn dành cho những bậc có căn tánh thượng thừa cũng như cảnh giới Viên giác thậm thâm vi diệu chỉ Phật cùng Phật mới tận giải rốt ráo, nhưng vì lòng đại bi thương xót tất cả chúng sanh mặt thế sau này mà chư Bồ tát trong pháp hội đã khai thỉnh Phật mở ra cánh cửa phương tiện thống nhiếp mọi căn cơ, để chúng sanh trung-hạ cũng có thể nương theo đây mà tu tập. Qua đây có thể thấy, các Ngài đã và đang độ sanh trong từng sát na qua nhiều phương cách khác nhau từ trực tiếp đến gián tiếp, nên trong Chương thứ mười, Đức Phật đã tán thán rằng:

*“Lành thay! Lành thay! Thiện nam tử! Các ông có thể thưa hỏi Như Lai về những phương pháp tu hành như vậy, có thể trao cho tất cả chúng sanh đời mạt pháp con mắt đạo vô úy, khiến cho chúng sanh được thành Thánh đạo”.*

Đó là đệ nhất bố thí trong các loại thí, đại thượng hạnh trong các đại hạnh.

Mười hai vị Bồ tát xuyên suốt toàn bộ Kinh văn chính là hiện thân cho mỗi đức hạnh cần có ở một vị Bồ tát, mỗi danh hiệu tương ứng với mỗi phẩm cách mà những người đang đi trên lộ trình Bồ tát đạo như chúng ta phải trau dồi.

Và đó không gì khác, chính là sự nỗ lực cần tu, lấy việc nuôi dưỡng bi-trí làm Nhân; tùy thời lợi tha, phát nguyện cứu giúp là Hạnh. Đây chính là nhân hạnh của Bồ tát trong Kinh Viên Giác.

## VI. Phương Pháp Hành Trì

Trên nền tảng của Đại bi tâm, Đức Phật đã tùy theo căn cơ của tất cả chúng sanh mà khai mở các phương tiện thiện xảo qua các phương pháp tu tập rất cụ thể và thù ứng. Nếu đi sâu vào từng chi tiết một thì cần phải trình bày rất nhiều, do vậy, chỉ xin tóm lược một số điểm trọng yếu như sau:

- 1- Y theo Viên giác tu hành để đoạn trừ vô minh một cách vĩnh viễn.
- 2- Phải tri nhận mọi hiện tượng huyễn hóa cũng như thanh tịnh, Niết bàn... đều xuất sanh từ tâm Viên giác mẫu nhiệm của Như Lai chẳng khác gì hoa đốm giữa hư không.
- 3- Không nên nhìn nhận vô minh trên phương diện bản thể học mà coi nó như

một thực thể tự tồn tại, vì bản chất của vô minh cũng chỉ là huyền hóa.

- 4- Cần nhận thức mọi hiện tượng đều chỉ huyền hóa như chính nó đang là bao gồm cả thân thể, tâm thức và muôn hữu vũ trụ.
- 5- Dùng huyền để tu các pháp huyền, khi các huyền đã diệt thì tánh viên giác hiển bày, giống như dùng hai khúc gỗ (ví cho huyền) cọ sát nhau để lấy lửa, lửa cháy gỗ tiêu, tro bay khói diệt.
- 6- Khi đã biết nó là huyền thì liền xa lìa (Tri huyền tức ly).
- 7- Khi đã xa lìa huyền thì liền thức giác (Ly huyền tức giác) mà không cần bất cứ phương tiện nào.
- 8- Không được chấp thủ ngay cả cái được gọi là viễn ly dù đó chỉ là một ý niệm rất nhỏ. Không chỉ xa lìa mọi huyền hóa mà còn lìa xa tâm hư huyền, lìa xa cái được gọi là lìa xa, bản thân của sự lìa xa và không còn bất cứ điều gì được cho là lìa xa... vì “tri huyền tức ly, ly huyền tức giác”.

- 9- Phải đoạn trừ hai chướng: Lý chướng (理障) và Sự chướng (事障). Lý chướng có ý nghĩa giống như Sở tri chướng (所知障) làm trở ngại cho chánh tri kiến. Sự chướng có ý nghĩa giống như Phiền não chướng (煩惱障). Theo Duy Thức Học và Trung Quán Phái thì Sở tri chướng (jñeyāvarṇa, 所知障) là vô minh hoặc vô tri. Quy Mật Luận Chứng Phái (歸謬論證派) của Trung Quán học phái cho rằng Phiền não chướng (煩惱障) bao gồm ngã chấp và pháp chấp và nội dung của Sở tri chướng được nhận thức là sự biểu hiện. Tuy nhiên, Tự Tục Luận Chứng Phái (自續論證派) cho rằng Phiền não chướng chỉ có ngã chấp, còn Sở tri chướng thì mới thuộc về pháp chấp.
- 10-Phải triệt để buông bỏ sự chấp thủ vào bốn tướng Ngã, Nhân, Chúng sanh và Thọ mạng. Bốn tướng này sở dĩ có mặt là do vô minh, khi ngã tướng đã đoạn trừ thì ba tướng kia sẽ không có cơ sở để xuất hiện.
- 11-Phải chấm dứt toàn bộ hai trạng thái của Ghét và Thương.

12-Phải đoạn tận bốn loại phiền bệnh: Tác, Nhậm, Chỉ và Diệt.

13-Phải thành tâm sám hối để tịnh hóa thân tâm.

14-Phải thanh tịnh an cư và tinh tấn thực hành ba pháp môn Chỉ, Quán và Thiền-na.

15-Trong ba pháp môn Chỉ, Quán và Thiền-na gồm có 25 phương pháp, hành giả có thể tùy duyên chọn một hoặc phối hợp hai hoặc ba pháp trong hai mươi lăm phương pháp ấy để tinh tấn hành trì.

16-Nếu hành trì một trong 25 phương pháp này mà không đạt được kết quả thì phải chọn phương pháp khác.

Trong Chương *Bồ Tát Biện Âm*, Đức Phật đã dạy về 25 Luân (phương pháp hành trì) như sau:

“Thiện nam tử! Viên giác thanh tịnh của tất cả Như Lai vốn không có sự tu tập và người tu tập, tất cả Bồ Tát và chúng sanh đời mạt pháp, lúc chưa giác ngộ, y nơi huyễn lực mà tu tập, nên khi ấy mới có hai mươi lăm loại định luân thanh tịnh.



- 1- Nếu những Bồ Tát chỉ giữ cực tịnh<sup>1</sup>, do tịnh lực mà dứt hẳn phiền não, thành tựu rốt ráo, chẳng rời chỗ ngồi mà nhập Niết Bàn ngay, Bồ Tát này gọi là chuyên tu Samatha (tức tu Chỉ)
- 2- Nếu những Bồ Tát chỉ chuyên tu quán như huyễn, nhờ thần lực Phật, biến hóa, biểu hiện mọi thứ tác dụng trên thế giới, thực hành đầy đủ diệu hạnh thanh tịnh của Bồ Tát, đối với pháp Đà la ni<sup>2</sup> chẳng mất tịch niệm và các tịnh huệ; Bồ Tát này gọi là chuyên tu Samapatti (tức tu Quán).
- 3- Nếu những Bồ Tát chỉ chuyên diệt trừ các huyễn, chẳng thủ chấp vào tác dụng, tự đoạn tận phiền não, phiền não đoạn sạch liền chứng thật tướng, Bồ Tát này gọi là chuyên tu Thiền na.
- 4- Nếu những Bồ Tát trước giữ cực tịnh, dùng tâm tịnh tuệ chiếu soi các huyễn, ở ngay trong đó khởi hạnh Bồ Tát, Bồ Tát này gọi là trước tu Samatha (Chỉ),

---

1 極靜: Hoàn toàn tịch lặng, thanh tịnh

2 陀羅尼 (dharani): Tổng trì là tuệ lực có thể ghi nhớ và gìn giữ vô lượng vô số Phật pháp, không hề quên mất

sau tu Samapatti (Quán)<sup>3</sup>

- 5- Nếu những Bồ Tát dùng tịnh tuệ chứng được tánh cực tịnh, liền đoạn phiền não, vĩnh viễn xa lìa sanh tử, Bồ Tát này gọi là trước tu Samatha, sau tu Thiền na.
- 6- Nếu những Bồ Tát dùng tuệ tịch tĩnh, lại hiện sức huyển, biến hóa mọi thứ để độ thoát chúng sanh, sau đó đoạn trừ phiền não mà nhập tịch diệt, Bồ Tát này gọi là trước tu Samatha, giữa tu Samapatti, sau tu Thiền na.
- 7- Nếu những Bồ Tát dùng sức cực tịnh đoạn trừ phiền não xong, sau mới phát khởi diệu hạnh thanh tịnh của Bồ Tát để độ các chúng sanh, Bồ Tát này gọi là trước tu Samatha, giữa tu Thiền na, sau tu Samapatti.
- 8- Nếu những Bồ Tát dùng sức cực tịnh, tâm dứt hết phiền não, lại cứu độ chúng sanh, kiến lập thế giới, Bồ Tát này gọi là trước tu Samatha, sau đồng lúc tu Samapatti và Thiền na.

---

3 Tam Ma Bát Đề: tu quán

- 9- Nếu những Bồ Tát dùng sức cực tịnh giúp phát huy mọi thứ biến hóa, sau mới dứt trừ phiền não, Bồ Tát này gọi là trước đồng lúc tu Samatha và Samapatti, sau tu Thiền na.
- 10- Nếu những Bồ Tát dùng sức cực tịnh giúp đạt đến tịch diệt, sau lại khởi lên tác dụng biến hóa thế giới, Bồ Tát này gọi là đồng lúc tu Samatha (chỉ) và Thiền na, sau tu Samapatti (quán).
- 11- Nếu những Bồ Tát dùng sức biến hóa tùy thuận các chủng loại mà đạt cực tịnh, Bồ Tát này gọi là trước tu Samapatti (quán), sau tu Samatha (chỉ).
- 12- Nếu những Bồ Tát dùng sức biến hóa các loại cảnh giới mà đạt tịch diệt, Bồ Tát này gọi là trước tu Samapatti sau tu Thiền na.
- 13- Nếu những Bồ Tát dùng sức biến hóa mà làm Phật sự, an trụ tịch tĩnh mà đoạn phiền não, Bồ Tát này gọi là trước tu Samapatti, giữa tu Samatha, sau tu Thiền na.

14-Nếu những Bồ Tát dùng sức biến hóa tác dụng vô ngại, đoạn phiền não rồi, an trụ cực tịnh, Bồ Tát này gọi là trước tu Samapatti, giữa tu Thiền na, sau tu Samatha.

15-Nếu những Bồ Tát dùng sức biến hóa và các tác dụng phương tiện rồi tùy thuận đầy đủ với hai loại cực tịnh và tịch diệt, Bồ Tát này gọi là trước tu Samapatti, sau cùng lúc tu Samatha và Thiền na.

16-Nếu những Bồ Tát dùng sức biến hóa và khởi lên các loại tác dụng để giúp đạt đến cực tịnh, sau đó đoạn trừ phiền não, Bồ Tát này gọi là đồng lúc tu Samapatti và Samatha, sau tu Thiền na.

17-Nếu những Bồ Tát dùng sức biến hóa trợ giúp cho tịch diệt, sau an trụ trong thanh tịnh, tĩnh lự vô tác, Bồ Tát này gọi là cùng lúc tu Samapatti và Thiền na, sau tu Samatha.

18-Nếu những Bồ Tát dùng sức tịch diệt mà khởi cực tịnh, an trụ trong thanh tịnh, Bồ tát này gọi là trước tu Thiền na, sau tu Samatha.

- 19-Nếu những Bồ Tát dùng sức tịch diệt mà phát khởi tác dụng, công dụng tùy thuận nơi tất cả cảnh nhưng đều tịch tĩnh, Bồ Tát này gọi là trước tu Thiền na, sau tu Samapatti.
- 20-Nếu những Bồ Tát dùng sức tịch diệt, an trụ các loại tự tánh trong tịnh lực mà khởi lên mọi biến hóa, Bồ Tát này gọi là trước tu Thiền na, giữa tu Samatha, sau tu Samapatti.
- 21-Nếu những Bồ Tát dùng năng lực tịch diệt, nơi tự tánh vô tác mà khởi lên tác dụng cảnh giới thanh tịnh rồi quay về tịnh lực, Bồ Tát này gọi là trước tu Thiền na, giữa tu Samapatti, sau tu Samatha.
- 22-Nếu những Bồ Tát dùng sức tịch diệt, khiến mọi sự thanh tịnh rồi trụ nơi tịnh lực để khởi lên các biến hóa, Bồ Tát này gọi là trước tu Thiền na, sau đồng lúc tu Samatha và Samapatti.
- 23-Nếu những Bồ Tát dùng sức tịch diệt giúp cho cực tịnh rồi khởi lên mọi biến hóa, Bồ Tát này gọi là trước đồng lúc tu Thiền na và Samatha, sau tu Samapatti.

24-Nếu những Bồ Tát dùng sức tịch diệt để trợ giúp cho sự biến hóa rồi khởi lên trạng thái thanh tịnh, trí huệ sáng suốt, Bồ tát này gọi là trước đồng lúc tu Thiền na và Samapatti, sau tu Samatha.

25-Nếu những Bồ Tát dùng trí tuệ viên giác để hòa hợp trọn vẹn với tất cả, đối với mọi tánh và tướng đều không xa rời tánh giác, Bồ Tát này gọi là tu tập viên mãn ba pháp (chỉ, quán và thiền na), tùy thuận với tự tánh (Viên giác) thanh tịnh.

Thiện nam tử! Như vậy gọi là hai mươi lăm pháp tu của Bồ Tát mà tất cả Bồ Tát đều phải như thế tu hành. Nếu các Bồ Tát và chúng sanh đời mạt pháp y theo hai mươi lăm pháp tu ấy (tu hành) thì phải giữ gìn phạm hạnh, tư duy tịch tĩnh, trải qua hai mươi một ngày thành tâm sám hối. Đánh dấu rõ ràng vào từng mỗi một trong số hai mươi lăm bánh xe ấy<sup>4</sup> và chí tâm nguyện cầu, rồi thuận tay chọn lấy một pháp tu, y theo sự khai thị (trong pháp tu) đã chọn, liền biết (căn cơ của mình) là đốn hay tiệm. Nếu chỉ có một niệm nghi ngờ hối hận thì không thể thành tựu.”

---

4 輪 - Luân: Vòng, bánh xe, nghĩa bóng là pháp tu

## VII. Quả Vị Tu Chứng

Mười phương pháp giới không thể tách rời một tâm và một tâm không thể tách rời Viên giác tánh. Tâm viên giác của Như Lai không còn mảy may chấp thủ dù đó là Bồ Đề hay Niết Bàn, cũng không có sự thủ chấp dù đó là Phật quả hay phi Phật quả vì tự tánh của viên giác là phi tánh. Viên giác của Như Lai siêu việt sanh-diệt, đến-đi, tịnh-uế, yêu-ghét, mê-ngộ, khổ-lạc... Tuy nhiên, do chúng sinh vô minh nên khởi lên nhiều thứ vọng chấp vì thế Đức Thế Tôn đã từ bi chỉ dạy khiến xa lìa mọi ảo tưởng, tà kiến...

Theo lời Phật dạy trong Kinh Viên Giác thì, cách cơ bản nhất để chúng sinh chấm dứt trạng thái đau khổ và đạt được giác ngộ hoàn toàn là loại bỏ vô minh, tức là nhận ra rằng mọi hiện tượng không phải là một thực thể vĩnh hằng mà

chỉ là một ảo ảnh thoáng qua, do đó không nên bám víu vào bất cứ thứ gì.

Bất cứ chúng sanh nào cũng có khả năng loại bỏ vô minh và đạt được sự giác ngộ viên mãn một cách nhanh chóng vì tất cả chúng sanh đều có đủ viên giác tánh.

Đối với những chúng sanh độn căn, tâm trí thấp kém khả năng kiểm soát suy nghĩ và cảm xúc chưa đủ mạnh thì cần phải tinh cần thực hành từng bước một theo ba phương pháp thiền đó là: *Chỉ* (samatha), *Quán* (samāpatti) và *Thiền-na* (dhyāna).

*Đối với thiền Chỉ* (Samatha) thì phải đình chỉ mọi vọng tưởng, giữ tâm tuyệt đối tĩnh lặng. Tĩnh lặng từ bản thân và mở rộng khắp toàn mười phương thế giới. Sự tĩnh lặng tuyệt đối sẽ đạt đến giác ngộ.

*Đối với thiền Quán* (Samāpatti) thì cần phải chấm dứt hoàn toàn cảm giác và nhận thức. Phương pháp này là phương pháp dùng huyền để tu huyền do vậy phải nhận thức đầy đủ rằng tất cả các căn và đối tượng đều dựa trên sự chuyển hóa huyền hóa, không nên chấp thủ vào các huyền ảo mà chỉ nên tập trung tâm thức vào tánh viên giác.



*Đối với Thiền-na* (Dhyāna) một biểu thị cho sự tập trung thiền định. Đây là một phương pháp tu tập để giác ngộ bao gồm việc tập trung tâm trí vào một đối tượng để chấm dứt mọi vọng niệm. Để thực hành phương pháp này, hành giả nên thực tập quán sát hơi thở. Cần phải phân biệt rõ ràng số lượng hơi thở của mình và nhận thức đầy đủ về sự sinh, trụ và diệt của mọi ý nghĩ.

Bằng những phương pháp tu tập này, sẽ đạt được giác ngộ hoàn hảo khi hành giả không còn phân biệt bất cứ điều gì dù trên mặt nhận thức hay cảm xúc mà nhận thức mọi hiện hữu một cách chân xác như chúng đang là trên nền tảng của sự bình đẳng bất nhị.

Kinh Viên Giác dung thông đối với mọi căn cơ, dù đại hay tiểu, tiệm hay đốn, lợi căn hay钝 căn đều có thể y theo Kinh Viên Giác để tu tập và kết quả đều có thể ngộ nhập tánh Viên Giác thanh tịnh.

## VIII. Triết Học Viên Giác Trước Xu Hướng Ái Kỳ Của Thời Hiện Đại

Như chúng ta đã biết, song song với sự phát triển như vũ bão của xã hội là sự xuất hiện ngày càng nhiều hàng loạt các tiện nghi từ vật chất đến tinh thần dung dưỡng cho đời sống của con người. Những phát minh công nghệ ngày một chiếm lĩnh vị thế, sự xuất hiện của các trào lưu tư tưởng cho rằng con người là trung tâm của vũ trụ ngày một phổ biến và được tuyên dương... vô hình chung đã tạo thành làn sóng lệch lạc trong tư duy, dẫn đến căn bệnh trầm kha của nhân loại ngày nay – Bệnh ái kỷ (yêu cái Tôi).

Đồng ý rằng, công nghệ tiên tiến cũng như tư tưởng cởi mở là những dấu hiệu cho thấy sự trưởng thành và tiến bộ từng ngày của nhân loại. Tuy nhiên, nếu thiếu trí tuệ trong việc tiếp

nhận và cân bằng chúng, chúng ta sẽ dần đi vào vũng lầy của tà kiến, dẫn đến việc yêu bản thân thái quá, cuồng si trong việc đề cao cái Tôi cá nhân. Và, một khi cái Tôi cá nhân không được kiểm soát, chúng ta sẽ dễ dàng mắc vào cái bẫy của ích kỷ, kiêu ngạo và vô cảm... đây là vấn đề đáng báo động của xã hội hiện đại ngày nay.

Trở lại với triết học tánh Không và triết lý bất nhị trong Kinh Viên Giác, Đức Phật dạy, muôn pháp ở thế gian từ Ngã - Nhân - Chúng sanh đến Thọ mạng (thọ giả) đều là Vô tự tính, không có thực thể và không trường cửu bất diệt. Chúng do giả hợp mà thành, từ vô minh vọng động mà khởi tạo, nếu không thấy rõ thực tướng đó mà bám chấp vào chúng thì chẳng khác nào dạo chơi trong mộng: vui-buồn, được-mất, khen-chê... cuối cùng cũng chỉ là hư vô.

Tuy nhiên, Phật dạy “Không” nhưng không có nghĩa là phủ sạch tất cả. Chớ đồng nhất “Không tánh” với chủ nghĩa Hư vô (Latin: Nihil, English: Nihilism). Mắt thấy tất cả sắc, tai nghe tất cả tiếng... nhưng tâm không trụ trước, thấy có thân này từ năm uẩn - bốn đại tạo thành, nhờ có nó mà ta có thể hành hết thủy thiện nghiệp, tu hết thủy công đức; do đó, chăm sóc và trân

trọng nó nhưng không chấp vào nó, tức khác ái ngã vị kỷ. Không chấp có cũng chẳng chấp Không, không buông bỏ nhưng cũng chẳng nắm giữ, Xả hết thấy ác pháp nhưng không có bất kỳ thiện pháp nào mà không thực hiện, xả nhưng bất xả, chẳng thấy có sự khác biệt giữa ta - người và chúng sanh, thấy mình trong mọi người và ngược lại...

Đây chính là triết lý Bất nhị của Kinh Viên Giác. Ở nơi bất nhị này mà ung dung tự tại, vô ngã lợi tha, xả ly thủ chấp mà thành tựu an lạc tuyệt đối, xây dựng một thế giới quan trên căn bản trí tuệ, yêu thương và bình đẳng, từ đó mà hóa giải mọi xung đột do chính cái Tôi ảo hóa tạo ra.

Phật pháp vốn chưa từng lập ngoài pháp thế gian, Phật pháp và thế pháp là lằng kính phản ảnh lẫn nhau, từ trong Phật pháp ta thấy thế pháp và ngược lại. Từ lằng kính Vô ngã trong Viên Giác ta thấy pháp Hữu ngã ở thế gian. Chúng sanh từ căn nguyên mấu chốt này mà sinh ra biết bao kiến giải sai lầm dẫn đến hệ lụy muôn vàn khổ đau; từ thấy Hữu ngã mà sinh ra ái Ngã (ái kỷ), từ ái Ngã mà có phân biệt hơn thua, có tranh giành lợi hại, có vướng

mắc xung đột, có vô cảm ích kỷ cho đến lệch lạc vô đạo đức; đặt cái Tôi đó ở vị trí và quyền lực cao nhất và khiến mọi thứ phải thuận phục xung quanh cái Tôi đó, nếu không được như ý thì phiền não lập tức nổi dậy, nghiệp và sanh tử cũng từ đây mà phát sinh.

Ngược lại với Hữu ngã hay ái kỷ đau khổ, luân hồi là Vô ngã niết bàn, an lạc; nơi nào có Vô ngã nơi đó là Niết bàn, Tịnh độ. Nếu từ đây mà nhìn nhận, đem trí Viên giác chiếu soi trong cuộc sống hàng ngày ở thế gian thì chính là thân phàm phu mà cư trú trong Tịnh cảnh, nơi mạng căn hữu hạn của chúng sanh mà thể nhập thọ lượng vô hạn của Niết bàn.

Triết học trong Viên Giác chính là triết thuyết tánh Không và triết lý bất nhị, chúng tuy hai nhưng lại là một, với người thượng căn - thượng trí thì đó là cửa ngõ để vào nhà Nhất thừa, với người căn tánh thấp hơn thì đó là giá trị sống, là nhân sinh quan hướng tới cuộc sống hạnh phúc bình phàm.

Xã hội văn minh và phát triển, chúng ta như có thêm cánh tay phải đắc lực cho việc đơn giản hóa cuộc sống, nâng cao tiện nghi vật chất, nếu

biết tận dụng chúng đúng cách, thêm vào đó là tư duy quán chiếu và thiền tập, đoạn lìa mọi chấp trước cả về Ngã (Ta) lẫn Ngã sở (cái của Ta) thì đó mới thật sự là tiện nghi viên mãn cả về vật chất lẫn tinh thần.

Và, giá trị của Kinh Viên Giác chính là nuôi dưỡng một đời sống tinh thần khỏe mạnh, trí tuệ, nâng cao nhận thức và hướng tới sự thức tỉnh sau giấc ngủ dài vô minh của con người.

## IX. Kết Luận

Kinh Viên Giác này đã khẳng định rõ là tánh Viên Giác thanh tịnh luôn luôn hằng vĩnh, vô tận và bất nhị. Viên Giác được hiểu là Pháp thân (dharmadhātu). Đối với những chúng sinh bình thường thì khi đạt được giác ngộ thì sự giác ngộ hoàn hảo ấy phụ thuộc vào sự nhận thức trực tiếp về sự không khác biệt của thân thể, trí tuệ và cảnh giới.

Các khái niệm được thiết lập bởi các kiến giải phân biệt trên nền tảng của triết lý nhị nguyên đều chỉ là những giả định sai lầm về thực thể siêu việt. Khơi dậy nhận thức thực chứng, hiển lộ trọn vẹn tính Viên Giác thanh tịnh là bản chất Phật bên trong, là cảnh giới của pháp thân, cảnh giới của sự chứng ngộ trí tuệ bên trong và là tính bất nhị của Bồ đề tâm tối thượng.

Kinh Viên Giác là một bộ kinh thuộc “Nhất thừa Viên giáo”, dạy về giáo lý viên mãn xuất phát từ các lời thỉnh cầu của mười hai vị Bồ Tát và sự từ bi khai thị của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Kinh đã dạy về việc thực hành giới, định tuệ từ cao đến thấp, từ đơn giản đến sâu xa. Trình tự bao gồm nội dung ba phương pháp tu tập **Chỉ** (samatha), **Quán** (samāpatti) và **Thiền-na** (*jhāna*) để minh tâm kiến tánh, liễu giải vô minh, vì thế mà phiền não, niết bàn, đốn, tiệm, thiện hữu tri thức, luân hồi sanh tử, ngã, nhân, chúng sanh, thọ mạng, lý chướng, sự chướng, tri, giác, ly, chứng... đều rũ sạch, đoạn trừ toàn bộ vô minh kiến chấp, chứng nhập tính Viên Giác thanh tịnh tuyệt đối.

Khi trong tâm không còn những khái niệm phân biệt hư huyền nữa thì trí giác sẽ tự nhiên xuất hiện, đó chính là tính viên giác cũng được hiểu là tính không hoàn toàn thanh tịnh bất nhị và bất động.

Kinh Viên Giác là một trong những bộ kinh quan trọng của Phật giáo Đại thừa dành cho những hàng thượng căn, trung căn lẫn hạ căn, bao gồm các phương tiện tu tập từ từ và nhanh



chóng tức Đốn và Tiệm. Mười hai vị Bồ Tát thay mặt cho chúng hội và tất cả chúng sanh đời mạt pháp nêu lên một số câu hỏi rất sâu sắc và thỉnh cầu Đức Phật khai ngộ cho họ về tất cả những chướng ngại mà chúng sanh gặp phải trong quá trình tu tập cũng như những phương pháp tu tập để tiêu trừ chướng ngại, không rơi vào tà kiến, điên đảo, vọng tưởng và có được tuệ giác viên mãn, giải thoát vòng luân hồi sinh tử khổ đau.

Phần cốt lõi của kinh đã tập trung vào hai câu hỏi hết sức quan yếu đó là: ***Thứ nhất**, cảnh giới giác ngộ viên mãn là gì? **Thứ hai**, chúng ta có thể thực hành những loại phương pháp nào để đạt được cảnh giới giác ngộ viên mãn ấy?*

***Cảnh giới giác ngộ viên mãn*** theo kinh văn đó là năng lực thanh tịnh hoàn hảo của tâm trí. Với tuệ giác siêu việt và trọn vẹn thì muôn hữu vũ trụ đều bình đẳng bất nhị nên không tạo ra bất kỳ cảm giác ham muốn, yêu ghét nào.

Tuy nhiên vì chúng sinh vô minh nên không thể nhận thức được nguyên lý duyên khởi của toàn bộ thế giới nên cho rằng mọi thứ trên thế giới là những thực thể tồn tại vì thế mà dùng lý trí để phân tích các thực thể theo vọng tưởng tà kiến, đồng thời tìm cách tìm hiểu chúng xuyên

qua lăng kính vô minh từ đó tạo ra vọng tưởng thủ chấp... đó là nguyên nhân khiến tâm trí chúng sinh bị trôi buộc và tự biến mình thành nạn nhân của đau khổ.

Bố cục của Kinh Viên Giác rất chặt chẽ nhưng không ngoài hai yếu tố quan yếu đó là giáo nghĩa thâm thâm vi diệu và phương pháp hành trì cụ thể để đạt được sự chứng ngộ viên mãn. Ở mặt chân đế thì giáo nghĩa bất nhị tính không vốn là những giáo nghĩa siêu việt mà chỉ đối với những ai đã thể nhập chân lý mới có thể liễu giải một cách trọn vẹn và đây cũng là những giáo nghĩa cốt tủy của Phật giáo Đại thừa và, với những phương pháp hành trì thì Đức Phật đã khai thị trực tiếp về các loại thiền định và các vấn đề liên quan khác, chẳng hạn như cách thức an cư, sám hối, phương thức chọn một vị thầy và cách duy trì một mối quan hệ đúng đắn với một bậc thiện hữu tri thức v.v...

Kinh Viên Giác dạy rõ về ý nghĩa của các chướng ngại cũng như các phương pháp thực hành để đoạn trừ chúng. Đức Phật dạy hai chướng ngại chủ yếu mà chúng ta thường đối diện trong lúc tu tập đó là *Lý chướng* và *Sự*

**chương** (理, 事二障)<sup>1</sup>, bên cạnh còn có **bốn tướng** mà chúng ta thường chấp thủ đó là *Ngã tướng*, *Nhân tướng*, *Chúng sanh tướng* và *Thọ mạng tướng*, (我, 人, 眾生, 壽命四相); ngoài ra còn có **hai trạng thái ghét và yêu** (憎、愛二境); **bốn loại thiền bệnh** đó là *Tác* (作), *Nhậm* (任), *Chỉ* (止) và *Diệt* (滅))<sup>2</sup>. Để đoạn trừ hai chương, sự chấp thủ vào bốn tướng, hai trạng thái yêu ghét và bốn loại thiền bệnh, Đức Phật đã dạy rõ về các phương tiện tu tập trong đó có **ba pháp tu căn bản**: *Chỉ* (Samatha), *Quán* (Samāpatti) và *Thiền-na* (Jhāna). Trong ba

- 
1. Lý chương (理障) ý nghĩa giống như Sở tri chương (所知障), làm trở ngại cho chánh tri kiến. Sự chương (事障) ý nghĩa giống như Phiền não chương (煩惱障).
  2. 1. Bệnh tác: Là bệnh cho rằng thực hiện nhiều công hạnh hay dụng công nhiều thì được chứng ngộ.  
2. Bệnh nhậm: Là bệnh cho rằng vì vốn tự có sẵn tính Viên giác nên mặc tình không cần dụng công tu tập gì cả mà vẫn ngộ nhập Viên giác tánh.
  3. Bệnh chỉ: Là loại “bệnh” cho rằng loại bỏ suy nghĩ, chấm dứt mọi loại tư duy thì có thể đạt được giác ngộ viên mãn. Đây là một quan niệm sai lầm. Vì giác ngộ viên mãn không thể đạt được bằng cách dừng lại mọi ý nghĩ mà là đoạn tận vô minh ngã kiến....
  4. Bệnh diệt: Là bệnh cho rằng diệt hết phiền não mọi sự không có gì nên rơi vào cái chấp ngoan không chưa phải là sự chứng ngộ rốt ráo...

pháp môn căn bản này được chia thành **25 định Luân** tức là 25 phương pháp thực hành để tịnh hóa thân tâm, đoạn trừ mọi vô minh và đạt được sự giác ngộ viên mãn.

Với những chúng sanh phàm phu, do nghiệp chướng sâu nặng đã tạo tác từ quá khứ nên việc tu hành khó thành tựu được, vì thế Đức Phật đã bi mẫn dạy rằng, tất cả chúng sanh ở thời mạt pháp muốn tu tập giáo pháp Đại thừa trước tiên cần phải thành tâm sám hối để tịnh hóa thân tâm, rồi sau đó mới tinh cần thực hành ba pháp môn đã được Đức Phật khai thị như thế thì sẽ chứng nhập tính Viên giác.

Đức Phật cũng đã khẳng định rằng, không có bất cứ giới hạn nào cho việc chứng nhập Viên giác tính và cũng không có bất cứ giới hạn nào cho biển học và biển hành của bất kỳ hành giả nào.

Tư tưởng chủ đạo cho thấy tất cả chúng sinh đều có tâm giác ngộ viên mãn tức *Viên giác tánh* nhưng chỉ vì bị lừa dối bởi vô minh tham ái, thủ chấp, vọng tưởng v.v... nên bị luân hồi khổ đau trong sáu cõi. Vì thế nếu tịnh hóa được bản tâm, loại bỏ mọi si mê tham dục thì có thể giải thoát mọi lậu hoặc khổ đau.

## X. Phương Pháp Luận Giảng Kinh (Phụ Lục)

Phương pháp luận giải kinh điển trong Phật giáo thì gồm có rất nhiều, tuy nhiên trải qua quá trình đào thải của lịch sử, cho đến nay chỉ còn lại hai phương pháp thuộc tông Thiên Thai và tông Hiền Thủ là được các vị giảng sư sử dụng nhiều nhất và phổ biến nhất. Thiết nghĩ, bất kể vị pháp sư thuộc tông phái nào, giảng giải kinh gì thì cũng cần nên biết đến hai phương pháp này để có thể giảng giải kinh điển một cách có hệ thống, đúng theo trình tự, thứ lớp và khiến cho người nghe, người đọc dễ dàng tiếp nhận chánh pháp một cách thấu đáo, rõ ràng và không sai lệch.

Hai phương pháp giảng kinh vừa đề cập đến chính là: *Ngũ Trùng Huyền Nghĩa* (五重玄義) của Tổ Trí Khải (智顗) thuộc tông Thiên Thai

(天台) và *Khai Khải Thập Môn* (開啟十門): của tông Hiền Thủ Hoa Nghiêm (賢首華嚴).

### 1. Ngũ Trùng Huyền Nghĩa (五重玄義):

Do đại sư Trí Khải (智顗) của tông Thiên Thai (天台宗) thiết lập 五重玄義 bao gồm năm điều thứ tự để giảng giải một bộ kinh như sau:

- 1- *Thích kinh danh* (釋經名): Giải thích ý nghĩa về tên gọi của bộ kinh.
- 2- *Biện kinh thể* (辯經體): Giải thích rõ thể tánh của bộ kinh.
- 3- *Minh kinh tông* (明經宗): Nói rõ về tông chỉ của bộ kinh.
- 4- *Luận kinh dụng* (論經用): Nói rõ về công dụng, lợi ích mà bộ kinh mang lại.
- 5- *Phán giáo tướng* (判教相): Nói rõ giáo tướng của kinh, để định lập vị trí giá trị của bộ kinh. Xác lập lời dạy của bộ kinh.

Ngoài Ngũ Trùng Huyền Nghĩa, Đại sư Trí Khải (智顗) còn gọi là Đại sư Trí giả (智者大師) cũng đã sử dụng *Thất Phiên Cộng Giải* (七番共解) để phối hợp cho phương pháp luận giải Kinh điển của mình. Thất Phiên gồm có:

- 1- **Phiêu chương** (標章): Tức nêu danh rõ ràng năm chương Thích danh, Biện thể, Minh tông, Luận dụng, Phán giáo.
- 2- **Dẫn chứng** (引證): Nói rõ vận dụng của năm chương, trích dẫn kinh văn, lời Phật dạy để làm chứng cứ, không được tùy ý thêm bớt.
- 3- **Sanh khởi** (生起): Nói rõ thứ tự của năm chương, từ thô đến tế.
- 4- **Khai hợp** (開合): Chỉ sự khai triển và hợp nhất của năm chương.
- 5- **Liệu giản** (料簡): Tiến hành chọn lọc giải đáp những điểm còn hoài nghi, đạo lý chưa hiểu trong kinh.
- 6- **Quán tâm** (觀心): Thực tế tu hành thể chứng quán tâm, chứ chẳng phải dừng ở nghe hiểu mà thôi.
- 7- **Hội nghi** (會疑): Giải thích các điểm nghi ngờ, có vẻ như thiếu sự nhất quán ở trong chính bộ kinh hoặc so với những bộ kinh khác.

Trên đây là phương pháp giảng kinh theo Ngũ Trùng Huyền Nghĩa, Thất Phan Cọng Nghĩa của đại sư Trí Khải tông Thiên Thai. Kế

tiếp xin giới thiệu cách giảng kinh thứ hai của tông Hiền Thủ Hoa Nghiêm đó là Thập Môn Khai Khải.

## 2. Khai Khải Thập Môn (開啟十門):

Do đại sư Pháp Tạng (法藏) của tông Hiền Thủ (賢首) biên soạn.

Khai khải Thập môn (開啟十門) tức là từ mười cách thức để phân biệt giảng giải toàn bộ ý nghĩa trọng yếu của một bộ kinh. Mười cách thức này bao gồm có:

- 1- **Tổng thích danh đề** (總釋名題): Giải thích tổng quát tên của kinh.
- 2- **Giáo khởi nhân duyên** (教起因緣): Nói rõ nhân duyên phát khởi giáo nghĩa.
- 3- **Tạng thừa nhiếp thuộc** (藏乘攝屬): Nêu rõ kinh thuộc vào tạng nào, thừa nào.
- 4- **Thể tánh thâm viễn** (體性深遠): Khảo sát thể tánh thâm sâu của bộ kinh.
- 5- **Năng thuyên giáo thể** (能詮教體): Trình bày giải thích rõ thể tánh của giáo pháp.
- 6- **Sở bị cơ nghi** (所被機宜): Khế hợp căn cơ của mỗi chúng sanh với giáo pháp trong kinh.



- 7- **Tông thú phân biệt** (宗趣分別): Tông chỉ và đường hướng của kinh.
- 8- **Lực dụng thù thắng** (力用殊勝): Nêu rõ công dụng thù thắng của bộ kinh.
- 9- **Truyền dịch lưu thông** (傳譯流通): Nói rõ lịch sử truyền bá, phiên dịch và lưu hành của bộ kinh.
- 10- **Giải thích kinh văn** (講解經文): Giải thích ý nghĩa quan trọng từng phần trong bộ kinh.

Như trên là nội dung Thập Môn Khai Khải của tông Hiền Thủ, giải thích rõ ràng trình tự thuyết giảng của một bộ kinh.

Như vậy, chúng ta đã tìm hiểu rõ được hai cách để giảng giải và nắm vững nội dung, tông chỉ của một bộ kinh.

Cần nhận thức rõ rằng, mỗi một phương pháp đều có mục đích, xu hướng giảng giải khác nhau nhằm khiến cho người đọc tiếp cận bộ kinh một cách chân thật và dễ dàng lĩnh hội được những yếu chỉ mà bộ kinh hướng tới cứu cánh tối hậu.



## Tài Liệu Tham Khảo

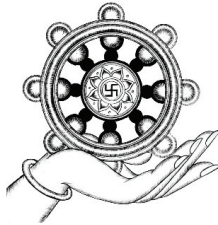
- Kinh Đại Thừa Bản Sanh Tâm Địa Quán
- Văn Thù Bồ Tát Pháp Kinh
- Phổ Hiền Bồ Tát Pháp Kinh
- Kinh Lăng Nghiêm
- Kinh Kim Cang
- Kinh Pháp Hoa
- Đại Kinh *Mālunkyāputta* (Trung A Hàm, *Majjhima Nikāya*)
- Kinh Hoa Nghiêm
- Kinh Đại Bảo Tích
- Kinh Tứ Thập Nhị Chương
- Kinh Pháp Bảo Đàn
- Kinh Duy Ma Cật
- Kinh Bát Thiên Tụng Bát Nhã
- Viên Giác Đại Sớ, Lược Sớ Chú Kinh Đại Phương Quảng Viên Giác Tu Đa La Liễu Nghĩa (Sa môn Tông Mật)

- Thành Duy Thức Luận Liễn Nghĩa Đăng (Sa môn Tuệ Chiểu)
- Khai Nguyên Thích Giáo Lục (Sa môn Trí Thắng)
- Dị Bộ Tông Luận
- Thiền Luận (Daisetz Teitaro Suzuki)

Phần Hai

# KINH VIÊN GIÁC

Việt Dịch



Ngài **Buddhatrāta – Phật-đà-đa-la** (佛陀多羅)  
dịch Kinh Viên Giác từ tiếng Sanskrit sang chữ Hán.

**Tỳ kheo Thích Viên Lý**  
dịch Kinh Viên Giác chữ Hán sang chữ Việt.



## Chương I

# Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi

Tôi nghe như vậy: Một thời, đức Phật nhập vào đại định<sup>1</sup> là kho tàng ánh sáng vĩ đại của thần thông, nơi tất cả Như Lai đều trụ trong ánh sáng uy nghiêm<sup>2</sup>, là nền tảng của sự giác ngộ thanh tịnh của tất cả chúng sanh, thân và tâm vắng lặng, quá khứ, hiện tại và vị lai về bản chất đều bình đẳng<sup>3</sup>

---

1 三昧正受 (Tam muội chánh thọ) có nghĩa là đại định.

Tam muội còn có nghĩa là chánh thọ, giải thoát v.v...

2 光嚴住持 (Quang minh trụ trì)

3 平等本際 (Bình đẳng bản tế)

**viên mãn khắp mười phương, tùy thuận với bất nhị, ở trong cảnh giới bất nhị, hiện bày ra các cõi tịnh. (Đức Phật) cùng với một trăm ngàn vị Đại Bồ Tát câu hội. Đứng đầu trong số quý ngài là Bồ tát Văn Thù Sư Lợi, Bồ tát Phổ Hiền, Bồ tát Phổ Nhãn, Bồ tát Di Lặc, Bồ tát Kim Cang Tạng, Bồ tát Thanh Tịnh Huệ, Bồ tát Oai Đức Tự Tại, Bồ tát Biện Âm, Bồ tát Tịnh Chư Nghiệp Chướng, Bồ tát Phổ Giác, Bồ tát Viên Giác, Bồ tát Hiền Thiện Thủ và các quyến thuộc đều nhập vào chánh định, đồng an trụ trong pháp hội bình đẳng của đức Như Lai.**



Bấy giờ Bồ tát Văn Thù Sư Lợi ở trong đại chúng, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ dưới chân Phật, đi nhiễu bên phải ba vòng, quỳ gối chấp tay bạch cùng Đức Phật rằng: “Đức Thế Tôn đại bi! Xin vì đại chúng đến dự pháp hội này mà chỉ dạy về việc thực hành pháp ở giai đoạn nhân duyên thanh tịnh nguyên sơ của Như Lai và, những vị Bồ Tát ở trong Đại thừa (phải phát tâm như thế nào để) được thanh tịnh, xa lìa các thứ bệnh và khiến cho chúng sanh trong đời mạt pháp tìm cầu pháp Đại thừa không rơi vào tà kiến.” Bạch như thế xong, năm vóc

**gieo xuống đất, lặp lại ba lần lời thỉnh cầu như vậy.**

**Lúc bấy giờ, Đức Phật bảo Bồ tát Văn Thù Sư Lợi rằng: “Lành thay! Lành thay! Thiện nam tử, các ông có thể vì các vị Bồ Tát mà thưa hỏi về nhân địa pháp hành<sup>4</sup> của Như Lai và vì tất cả chúng sanh trong đời mạt pháp cầu pháp Đại thừa được trì trụ nơi chánh pháp<sup>5</sup> không bị đọa vào tà kiến, Ông nay lắng nghe, ta sẽ vì ông mà nói. Lúc ấy, Bồ tát Văn Thù Sư Lợi hoan hỷ vâng theo lời dạy, cùng các đại chúng im lặng lắng nghe.**

---

4 如來因地法行: Phương pháp hành trì căn bản sơ khởi của Như Lai

5 得正住持 (đắc chánh trụ trì)

**Thiện nam tử! Đức Pháp Vương vô thượng có pháp môn Đại Đà La Ni tên là Viên Giác, tuôn phát ra tất cả thanh tịnh, chơn như, Bồ đề, Niết bàn và Ba la mật để truyền dạy cho Bồ Tát. Bản khởi nhân địa của tất cả Như Lai<sup>6</sup>, đều y vào sự chiếu sáng hoàn hảo của giác tướng thanh tịnh, vĩnh viễn đoạn trừ vô minh mới chứng thành Phật đạo.**

**Thiện nam tử! Thế nào là vô minh? Là nhiều thứ điên đảo từ**

---

6 “一切如來本起因地”. Bản dịch tiếng Anh: “Please expound to the multitude who have come to this assembly the Tathagata’s Dharma practice of the original-arising purity of the causal ground”. “Xin hãy thuyết giảng cho đại chúng đến hội này pháp hành của Như Lai về tính thanh tịnh nguyên thủy của nhân địa”.

vô thi đến nay của tất cả chúng sanh, giống như người mê, nhầm lẫn bốn phương hướng, sai lầm cho rằng bốn đại là thân tướng của mình, duyên theo bóng dáng của sáu trần mà cho là tâm tướng của mình; ví như kẻ bị bệnh mắt thấy giữa hư không có hoa và mặt trăng thứ hai. Thiện nam tử! Hư không thật chẳng có hoa, nhưng người bị bệnh mắt bám vào nhận thức sai lầm của mình<sup>7</sup>. Do vì vọng chấp, nên chẳng những mê lầm về tự tánh của hư không, mà cũng còn sai lầm cho rằng chỗ sinh ra hoa đốm là thật có, do sự mê muội

7 妄執 (vọng chấp)

**này mà có luân chuyển sanh tử, nên gọi là vô minh.**

**Thiện nam tử! Vô minh này chẳng phải thật hữu thể, giống như người trong giấc chiêm bao, trong chiêm bao thấy thật có, khi tỉnh dậy thì hiểu rõ là chẳng có gì cả; giống như hoa đốm biến mất nơi hư không, chẳng thể nói rằng có vị trí nhất định mà chúng đã biến mất. Tại sao? Vì chẳng có nơi phát sanh ra chúng. Tất cả chúng sanh ở trong vô sanh, vọng thấy sanh diệt, cho nên nói là sanh tử luân hồi.**

**Thiện nam tử! Người tu tập nhân địa viên giác Như Lai nhận**

biết hoa đốm giữa hư không (là không có thật), liền hiểu không có luân hồi, cũng không có thân và tâm lãnh chịu sự sanh tử. Chẳng phải do tạo tác nên mới không mà bản tánh vốn không. Tánh tri giác kia giống như hư không, biết hình dạng hoa đốm giữa hư không tức là hư không, tuy nhiên cũng không thể nói là không có tánh tri giác. Có và không đều loại trừ, như thế gọi là tùy thuận viên giác thanh tịnh. Vì sao vậy? Vì tánh hư không thường hằng bất động, trong Như Lai Tạng không có khởi diệt, không có tri kiến, như tánh pháp giới rốt ráo viên mãn

khắp mười phương; như thế gọi là nhân địa pháp hành<sup>8</sup>. Bồ Tát ở trong Đại thừa phát tâm thanh tịnh và chúng sanh đời mạt pháp y như thế mà tu hành thì không đọa vào tà kiến.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn muốn tóm tắt lại nghĩa này mà nói kệ rằng:

Văn Thù ông nên biết,  
Tất cả các Như Lai,  
Từ nơi bản nhân địa,  
Đều dùng trí tuệ giác,  
Tỏ ngộ nơi vô minh.  
Biết kia như không hoa,

---

8 因地法行 - the Dharma practice [of the Tathagata] of the causal ground

**Thì tránh khỏi lưu chuyển,  
Lại như người trong mộng,  
Khi tỉnh chẳng có gì.  
Tánh giác như hư không,  
Bình đẳng không động chuyển,  
Giác biến khắp mười phương.  
Liên được thành Phật đạo.  
Không chỗ các huyễn diệt  
Thành đạo cũng không thành,  
Bản tánh vốn viên mãn.  
Bồ Tát ở trong đó,  
Hay phát tâm Bồ đề  
Các chúng sanh đời sau,  
Tu vậy khỏi tà kiến.**



## Chương II

# Bồ Tát Phổ Hiền

Lúc đó Bồ tát Phổ Hiền ở trong đại chúng, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ dưới chân Phật, đi nhiều phía bên phải ba vòng, quỳ gối chắp tay bạch với Đức Phật rằng: “Đức Thế Tôn đại bi! Cúi xin vì các Bồ Tát trong pháp hội này và vì tất cả chúng sanh tu tập pháp Đại thừa trong đời mạt pháp mà chỉ dạy phải tu tập như thế nào khi nghe cảnh giới Viên giác thanh tịnh

**này? Bạch đức Thế Tôn! Nếu chúng sanh đó, biết pháp như huyễn, thân và tâm cũng huyễn, thì làm sao dùng huyễn để tu nơi huyễn? Nếu các tánh huyễn, tất cả đều diệt hết, thì không có tâm, vậy ai là người tu hành? Tại sao lại nói tu hành như huyễn? Nếu các chúng sanh vốn không cần tu tập, ở trong sanh tử luôn sống trong ảo tưởng huyễn hóa, chưa từng hiểu rõ cảnh giới như huyễn thì làm sao giải thoát tâm vọng tưởng? Vì tất cả chúng sanh đời mạt pháp, nguyện xin chỉ dạy thứ lớp phương tiện tu tập như thế nào, khiến cho các chúng sanh vĩnh viễn xa lìa các**

huyền?” Thừa như thế xong, năm vóc gieo xuống đất, lặp lại lời thỉnh cầu ba lần.

Khi ấy, Đức Thế Tôn nói với Bồ tát Phổ Hiền rằng: “Lành thay! Lành thay! Thiện nam tử! Các ông đã có thể vì các Bồ Tát và chúng sanh đời mạt pháp, hỏi về thứ lớp phương tiện tu tập tam muội như huyền của Bồ Tát, khiến cho các chúng sanh được lìa các huyền. Ông hãy lắng nghe! Nay vì ông mà nói”. Lúc đó, Bồ tát Phổ Hiền hoan hỷ vâng theo lời dạy, cùng các đại chúng yên lặng lắng nghe.

Thiện nam tử! Các thứ huyền hóa của tất cả chúng sanh, đều

**từ Viên Giác Diệu Tâm của Như Lai sinh ra, giống như hoa đốm từ hư không mà có, hoa đốm huyễn hóa tuy diệt, tánh hư không chẳng hoại. Huyển tâm của chúng sanh cũng theo huyễn mà diệt, các thứ huyễn diệt hết, tâm giác ngộ bất động. Y theo huyễn để nói giác cũng gọi là huyễn, nếu nói có giác thì vẫn còn chưa lìa huyễn, nói không có giác thì cũng như thế. Cho nên, huyễn diệt gọi là bất động.**

**Thiện nam tử! Tất cả Bồ Tát và chúng sanh đời mạt pháp nên xa lìa tất cả cảnh giới huyễn hóa hư vọng, tâm xa lìa cố chấp là tâm như huyễn cũng phải lìa**

**xa, sự xa là huyện cũng phải xa là, xa là cái xa là huyện cũng phải xa là, đạt đến không chỗ xa là tức đoạn trừ các huyện. Ví như cọ xát gỗ để lấy lửa, hai cây gỗ cọ xát vào nhau, lửa phát cháy gỗ biến thành tro, tro bay khói mất dùng huyện tu huyện cũng lại như thế, các huyện tuy diệt hết nhưng chẳng rơi vào đoạn diệt. Thiện nam tử! Biết huyện tức ly, chẳng lập phương tiện; là huyện tức giác, cũng không có thứ lớp. Tất cả Bồ Tát và chúng sanh đời mạt pháp y như vậy mà tu hành, như thế mới có thể vĩnh viễn xa là các huyện.**

**Lúc ấy, Đức Thế Tôn muốn giảng lại nghĩa này mà nói kệ rằng:**

**Phổ Hiền ông nên biết,  
Tất cả các chúng sanh,  
Vô thi huyễn vô minh,  
Đều từ các Như Lai,  
Tâm Viên giác kiến lập.  
Như hoa trong hư không,  
Y không mà có tướng,  
Hoa đốm nếu diệt rồi,  
Hư không vốn bất động.  
Huyễn từ mọi giác sanh,  
Huyễn diệt giác viên mãn,  
Vì tâm giác bất động.  
Nếu các Bồ Tát kia,**

**Và chúng sanh đời cuối<sup>1</sup>  
Thường nên xa lìa huyễn,  
Các huyễn thấy đều là.  
Như trong cây sanh lửa,  
Cây hết lửa cũng diệt,  
Giác thì không thứ lớp,  
Phương tiện cũng như vậy.**

---

1 末世 (Mạt thế)

## **Chương III**

# **Bồ Tát Phổ Nhãn**

**Khi ấy Bồ tát Phổ Nhãn ở trong đại chúng, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ dưới chân Đức Phật, đi nhiễu bên phải ba vòng, quỳ gối chấp tay, bạch Đức Phật rằng: “Đức Thế Tôn đại bi! Nguyện vì các Bồ Tát trong pháp hội này và tất cả chúng sanh đời mạt pháp, giảng dạy về thứ lớp tu hành của Bồ Tát cần phải tư duy như thế nào? Trì trụ như thế nào? Những chúng sanh chưa ngộ,**



dùng phương tiện gì để khiến được khai ngộ? Bạch đức Thế Tôn! Nếu chúng sanh ấy không có chánh phương tiện và chánh tư duy, nghe Đức Phật thuyết giảng (Như huyễn) tam muội này tâm sanh mê muội, không thể ngộ nhập Viên Giác. Nguyên xin đức Thế Tôn mở lòng từ bi, vì chúng con và chúng sanh đời mạt pháp mà giả thuyết phương tiện. Bạch như thế xong, năm vóc gieo xuống đất và lập lại lời thỉnh cầu ba lần.

Bấy giờ Đức Phật bảo Bồ tát Phổ Nhãn rằng: “Lành thay! Lành thay! Thiện nam tử! Các ông có thể vì các Bồ Tát và chúng

sanh đời mặt pháp, hỏi Như Lai về thứ lớp tu hành, tư duy, trì trụ, cho đến giả thuyết các thứ phương tiện, ông nay lắng nghe! Vì ông ta sẽ nói. Lúc ấy, Bồ tát Phổ Nhãn hoan hỷ vâng theo lời Phật dạy cùng đại chúng im lặng lắng nghe.

Thiện nam tử! Những Bồ Tát sơ học và chúng sanh đời mặt pháp, muốn cầu tâm Viên Giác thanh tịnh của Như Lai, phải nên chánh niệm, xa lìa các huyễn, trước tiên y theo hạnh Samatha của Như Lai, kiên trì cấm giới, an trú giữa đồ chúng<sup>1</sup>,

---

1 安處徒眾 (An xứ đồ chúng). Bản dịch tiếng Anh:  
They should reside peacefully among an assembly of practitioners

tĩnh tọa trong tịnh thất, thường nhớ nghĩ rằng: “Thân hiện tại này của ta là do bốn đại hòa hợp, những thứ tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, tủy, não, chất bản đều thuộc về đất. Nước bọt, nước mũi, máu, mủ, mồ hôi, đờm, dãi, cặn, nước mắt, tinh dịch, nước tiểu và phân đều thuộc về nước. Hơi ấm thuộc về lửa, sự chuyển động thuộc về gió. Khi bốn đại mỗi thứ tách lìa nhau, thì thân hư vọng này nay đang ở đâu?” Nên liền biết thân này rốt ráo chẳng có tự thể, do hòa hợp mà thành tướng, nhưng thực chất thì đồng như huyền hóa. Do bốn yếu tố này tạm thời

kết hợp nên có sáu căn giả tạo, qua sự tương hợp bên trong và bên ngoài của Lục căn và Tứ đại, nên phát sinh ảo tưởng về sự tồn tại của năng lượng có điều kiện.<sup>2</sup> Trong khối kết hợp này, dường như có những dấu hiệu của năng lượng bị điều kiện hóa<sup>3</sup> nên tạm gọi là tâm. Thiện nam tử! Tâm hư vọng này không thể tồn tại nếu không có sáu trần. Khi tứ đại phân tán, sáu trần không thể tìm thấy. Một khi các đối tượng của các giác quan<sup>4</sup> tan biến, cuối cùng chẳng có tâm năng duyên nào có thể thấy được.

---

2 緣氣 (duyên khí)

3 緣相 (duyên tướng)

4 Duyên trần

**Thiện nam tử! Huyền thân của chúng sanh đã diệt thì huyền tâm cũng diệt, huyền tâm đã diệt thì huyền trần cũng diệt, huyền trần đã diệt thì sự diệt huyền cũng diệt, huyền diệt đã diệt thì cái chẳng phải huyền là bất diệt; giống như lau gương, bụi sạch thì gương sáng. Thiện nam tử! Phải biết thân tâm đều là huyền hóa như chớp<sup>5</sup>, tướng như bản diệt huyễn thì mười phương thanh tịnh. Thiện nam tử! Ví như bảo châu Ma ni thanh tịnh, tùy theo mỗi phương mà phản chiếu, hiện bày năm sắc, nhưng những người si mê thấy ngọc Ma ni thật có năm sắc. Thiện nam tử! Giống như**

---

5 幻垢 (Huyền cấu)

**tánh Viên Giác thanh tịnh biểu hiện nơi thân và tâm, tùy theo mỗi chủng loại mà tương ứng, nhưng người ngu si cho rằng Viên Giác thanh tịnh là thật có tự tướng của thân và tâm, do đó đối với huyền hóa không thể xa lìa. Cho nên ta nói thân tâm đều là huyền hóa và ô nhiễm, những ai lìa khỏi huyền cấu gọi là Bồ Tát. Cấu huyền dứt sạch, pháp đối trị phá trừ thì liền không có pháp đối trị cấu huyền và người đối trị huyền cấu.**

**Thiện nam tử! Bồ Tát này và chúng sanh đời mạt pháp, chứng đắc các thứ huyền hóa nên diệt hết ảnh tượng. Lúc ấy liền chứng đắc, mọi phương**

đều thanh tịnh, bản giác hiển phát cùng khắp hư không vô biên. Do bản giác viên minh nên hiển hiện chơn tâm thanh tịnh, vì tâm thanh tịnh nên các đối tượng của cái thấy thanh tịnh. Vì cái thấy thanh tịnh nên nhãn căn thanh tịnh, căn thanh tịnh nên nhãn thức thanh tịnh, thức thanh tịnh nên văn trần thanh tịnh, văn thanh tịnh nên nhĩ căn thanh tịnh, nhĩ căn thanh tịnh nên nhĩ thức thanh tịnh, thức thanh tịnh nên giác trần thanh tịnh, như thế cho đến mũi, lưỡi, thân, ý đều cũng đều thanh tịnh. Thiệt nam tử! Căn thanh tịnh nên sắc trần thanh tịnh, sắc

**trần thanh tịnh, vì thế thanh  
trần thanh tịnh, hương, vị, xúc,  
pháp cũng đều thanh tịnh.**

**Thiện nam tử! Do sáu trần  
thanh tịnh nên địa đại thanh  
tịnh, địa đại thanh tịnh nên  
thủy đại thanh tịnh, vì thế hỏa  
đại, phong đại cũng thanh tịnh.  
Thiện nam tử! Bốn đại thanh  
tịnh nên mười hai xứ, mười tám  
giới, hai mươi lăm cõi thanh  
tịnh. Những thứ ấy đã thanh  
tịnh nên mười lục, bốn vô sở úy,  
bốn vô ngại trí, mười tám pháp  
bất cộng của Phật, ba mươi bảy  
phẩm trợ đạo thanh tịnh, như  
thế cho đến tám vạn bốn ngàn  
môn Đà la ni, tất cả đều thanh**



**tịnh. Thiện nam tử! Do tánh của hết thấy thật tướng thanh tịnh, nên một thân thanh tịnh, một thân thanh tịnh nên nhiều thân thanh tịnh, nhiều thân đã thanh tịnh như thế cho đến khắp cả mười phương, tánh Viên Giác của chúng sanh cũng đều thanh tịnh. Thiện nam tử! Một thế giới thanh tịnh nên nhiều thế giới thanh tịnh, vì nhiều thế giới đã thanh tịnh như thế cho đến toàn thể cõi hư không, tròn khắp ba đời, tất cả đều bình đẳng, thanh tịnh bất động.**

**Thiện nam tử! Do hư không bình đẳng bất động, nên biết giác tánh bình đẳng bất động;**

vì tứ đại bình đẳng bất động, nên biết giác tánh bình đẳng bất động; như thế cho đến tám vạn bốn ngàn môn Đà la ni bình đẳng bất động, nên biết giác tánh bình đẳng bất động. Thiện nam tử! Giác tánh cùng khắp, thanh tịnh bất động, tròn đầy không có bờ mé, nên biết sáu căn cùng khắp pháp giới. Vì căn cùng khắp, nên biết sáu trần cùng khắp pháp giới. Vì trần cùng khắp nên biết bốn đại cùng khắp pháp giới; như thế cho đến Đà la ni môn thấy đều cùng khắp pháp giới. Thiện nam tử! Do tánh diệu giác cùng khắp, nên tánh căn, tánh trần chẳng hủy

hoại, chẳng tạp nhiễm. Vì căn, trần chẳng hủy hoại, như thế cho đến môn Đà la ni chẳng hủy hoại, chẳng tạp nhiễm, như ánh sáng của trăm ngàn ngọn đèn đồng chiếu trong một phòng, ánh sáng đó cùng khắp chẳng hủy hoại, chẳng tạp nhiễm.

Thiện nam tử! Vì bản giác thành tựu nên biết Bồ Tát không bị pháp trói buộc, không cầu pháp giải thoát, không nhàm chán sanh tử, không yêu thích Niết Bàn, không kính trì giới, không ghét phá giới, chẳng trọng người tu tập lâu, chẳng khinh hàng sơ học. Tại vì sao? Vì tất cả đều có tánh Giác, thí

**như mắt sáng thấy rõ cảnh tượng phía trước, ánh sáng đó viên mãn, không có ghét yêu. Tại vì sao? Vì thể của ánh sáng bất nhị, không có ghét yêu.**

**Thiện nam tử! Bồ Tát này và chúng sanh đời mạt pháp, tu tập tâm như vậy đều được thành tựu, nên ở đây không tu cũng không thành tựu. Viên Giác chiếu khắp tịch diệt bất nhị, ở trong trăm ngàn vạn ức A tăng kỳ không thể nói, hằng hà sa thế giới của chư Phật, thí như hoa đốm giữa hư không, sanh diệt điên đảo, bất tức, bất ly, không buộc, không mở; thế mới biết chúng sanh vốn dĩ thành Phật,**

sanh tử, Niết bàn giống như giấc mộng. Thiện nam tử! Vì như nằm mộng, nên biết sanh tử và Niết bàn không khởi, không diệt, không đến, không đi, những cái được chứng là không được, không mất, không thủ, không xả, những năng chứng đó vô trụ, vô chỉ, vô tác, vô diệt, ở trong nơi pháp chứng như vậy không năng, không sở, hết thảy không pháp chứng và không người chứng, tất cả pháp tánh đều bình đẳng không hư hoại. Thiện nam tử! Những Bồ Tát đó tu hành như vậy, theo thứ lớp như vậy, tư duy như vậy, trì trụ như vậy, phương tiện như vậy,

**khai ngộ như vậy, cầu pháp như vậy cũng không mê muội.**

**Lúc ấy, Đức Thế Tôn muốn giảng lại nghĩa này mà nói kệ rằng:**

**Phổ Nhãn ông nên biết,  
Tất cả các chúng sanh,  
Thân tâm đều như huyễn,  
Thân tướng thuộc tứ đại,  
Tâm tánh quy sáu trần.  
Tứ đại thể mỗi là,  
Ai là kẻ hòa hợp?  
Thứ lớp tu như thế,  
Hết thấy đều thanh tịnh.  
Không động, khắp pháp giới,  
Không tác, chỉ, nhậm, diệt,**

**Cũng không người được chứng.  
Tất cả thế giới Phật,  
Giống như hoa trong không,  
Ba đời đều bình đẳng,  
Rốt ráo không đến đi.  
Bồ Tát mới phát tâm,  
Và chúng sanh đời sau,  
Muốn cầu vào Phật đạo,  
Nên tu tập như vậy.**

## Chương IV

# Bồ Tát Kim Cang Tạng

Khi ấy Bồ tát Kim Cang Tạng ở trong đại chúng từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ dưới chân Đức Phật, đi nhiễu bên phải ba vòng, quỳ gối chấp tay bạch Đức Phật rằng: “Đức Thế Tôn đại bi! Khéo vì tất cả chúng Bồ Tát tuyên dương thứ lớp phương tiện nhân địa pháp hành<sup>1</sup> Viên giác thanh tịnh Đại

---

1 因地法行 (nhân địa pháp hành) Bản dịch tiếng Anh: “The Dharma practice of the causal ground”: Nguyên nhân nền tảng của pháp hành (thực hành giáo pháp).



**Đà-la-ni của Như Lai và khai phát mê muội cho chúng sanh; Pháp chúng trong hội nhờ lòng từ bi chỉ dạy của Đức Phật mà huyền hóa che đậy được sáng tỏ, mắt tuệ thanh tịnh. Bạch Đức Thế Tôn! Nếu các chúng sanh vốn đã thành Phật, vì sao lại có tất cả vô minh? Nếu các thứ vô minh vốn có sẵn trong chúng sanh, do nhân duyên gì Đức Như Lai lại nói vốn đã thành Phật? Mười phương chúng sanh vốn đã thành Phật đạo, sau đó khởi lên vô minh vậy khi nào thì tất cả Như Lai lại khởi sinh tất cả phiền não? Cúi mong không bỏ tâm đại từ bi vô giới hạn vì**

**các vị Bồ Tát mở bày kho tàng bí mật và vì tất cả chúng sanh đời mạt pháp được nghe pháp môn Đà-la-ni - kinh liễu nghĩa như vậy mà đoạn trừ vĩnh viễn nghi hối.” Nói lời như thế xong, năm vốc gieo xuống đất, lặp lại lời thỉnh cầu ba lần.**

**Khi ấy, đức Thế Tôn bảo Bồ tát Kim Cang Tạng rằng: “Lành thay! Lành thay! Thiện nam tử! Các ông có thể vì chư Bồ Tát và chúng sanh đời mạt pháp, thưa hỏi Như Lai về phương tiện cứu cánh bí mật thâm sâu, là Đại thừa liễu nghĩa tối thượng, dạy cho các hàng Bồ Tát, có thể khiến cho mười phương Bồ Tát**

tu học và tất cả chúng sanh đời  
mạt pháp, được lòng tin kiên  
định, đoạn trừ vĩnh viễn nghi  
hối. Ông nay lắng nghe! Ta sẽ  
vì ông nói”. Khi ấy, Bồ tát Kim  
Cang Tạng hoan hỷ vâng lời  
Phật dạy, cùng Đại chúng yên  
lặng lắng nghe.

Thiện nam tử! Tất cả thế giới  
thủ - chung, sinh - diệt, trước -  
sau, có - không, tụ - tán, khởi -  
dừng, niệm niệm liên tục, tuần  
hoàn qua lại, mọi thứ lấy bỏ đều  
là luân hồi. Chưa ra khỏi luân  
hồi mà phân tích về Viên giác,  
thì tánh Viên giác kia tức đồng  
với lưu chuyển, nếu thoát khỏi  
luân hồi, thì không có lý đó.

Ví như mắt động nên thấy mặt nước dao động, lại như mắt trở bất động<sup>2</sup> thấy vòng lửa quay, mây bay mà thấy trăng di động, thuyền trôi nhưng thấy bờ di chuyển cũng lại như thế. Thiện nam tử! Trước khi các thứ xoay vần chưa chấm dứt, những thứ đó vẫn không có khả năng đứng yên hướng chỉ khi tâm ô nhiễm luân hồi sinh tử chưa được thanh tịnh mà lại ngắm nhìn tánh viên giác của Phật thì làm sao có thể không đảo lộn? Vì vậy mà các ông liên sanh ra ba mỗi nghi ngờ.

---

2 定眼 (định nhãn)

**Thiện nam tử! Ví như vì bệnh mắt nên bị huyễn cảnh che mờ, vọng thấy hoa đốm giữa hư không, bệnh mắt nếu hết, thì không thể nói rằng: “Bệnh mắt này đã diệt, bao giờ thì tất cả bệnh mắt sẽ xuất hiện trở lại?” Vì sao vậy? Vì hai hiện tượng bệnh mắt và hoa đốm chẳng phải là tướng đối đãi. Cũng như khi hoa đốm đã diệt trong hư không, thì không thể nói rằng hư không khi nào sanh lại hoa đốm? Vì sao vậy? Vì hư không vốn không có hoa đốm, chẳng phải sanh hay diệt. Vì thế sinh tử và Niết bàn giống nhau, không khởi cũng không diệt. Diệu giác**

**chiếu soi viên mãn là nơi hoa  
đốm và mắt bệnh. Thiện nam  
tử! Nên biết hư không chẳng  
phải tạm có cũng chẳng phải  
tạm không, hướng hồ tánh viên  
giác Như Lai tùy thuận là bản  
tánh bình đẳng như hư không.**

**Thiện nam tử! Như lọc quặng  
vàng, vàng có chẳng phải do lọc;  
khi đã thành vàng thì không còn  
trở lại thành khoáng quặng nữa.  
Trải qua thời gian không cùng  
tận, tánh vàng không hư hoại.  
Không nên nói rằng (vàng) vốn  
chẳng thành tựu, sự giác ngộ  
viên mãn của Như Lai cũng lại  
như thế. Thiện nam tử! Tâm vi  
diệu Viên giác của tất cả Như**

**Lai vốn không có Bồ đề và Niết bàn, cũng không có thành Phật và chẳng thành Phật, không có vọng luân hồi và chẳng phải luân hồi.**

**Thiện nam tử! Phàm cảnh giới viên mãn của Thanh văn, thân tâm và ngôn ngữ đều đoạn diệt, vẫn không thể đạt đến được niết bàn thân chứng, huống hồ là có thể dùng tâm tư duy mà đo lường cảnh giới viên giác của Như Lai. Như lấy lửa đom đóm mà đốt núi Tu di, không bao giờ có thể được. Dùng tâm luân hồi, khởi sinh kiến giải luân hồi để nhập vào biển đại tịch diệt của Như Lai, thì trọn không thể đến**

**được. Vì thế ta nói tất cả Bồ Tát và chúng sanh đời mạt pháp, trước hết phải đoạn trừ căn bản luân hồi từ vô thủy. Thiện nam tử! Những suy nghĩ dấy lên đều khởi đi từ tâm thức, là vọng tưởng nương theo sáu trần, chẳng phải là tâm thể chân thật, giống như hoa đốm giữa hư không. Dùng tư duy này mà bàn luận cảnh giới Phật, giống như hoa đốm hư không kết thành Không quả, vọng tưởng xoay vần, không có lẽ này. Thiện nam tử! Tâm hư vọng nổi trôi, nhiều tà kiến gian xảo, không thể thành tựu các phương tiện của Viên giác. Phân biệt như vậy, chẳng phải là câu hỏi chân chánh.**



**Lúc ấy, Thế Tôn muốn giảng  
lại nghĩa này mà nói kệ rằng:**

**Kim Cang Tạng nên biết,  
Như Lai tánh tịch diệt,  
Chưa từng có trước sau.  
Nếu dùng tâm luân hồi,  
Suy nghĩ tức xoay vần.  
Chỉ đến bờ luân hồi,  
Không thể vào biển Phật.  
Ví như lọc quặng vàng,  
Vàng chẳng lọc nên được  
Do vàng vốn sẵn có,  
Sau dùng lọc thành tựu,  
Khi thành thể vàng thật,  
Không trở lại làm khoáng.**

**Sanh tử và Niết bàn,  
Phàm phu cùng chư Phật,  
Đồng như tướng không hoa.  
Tư duy còn huyễn hóa,  
Huống là hỏi hư vọng?  
Nếu hay rõ tâm này,  
Sau mới cầu Viên giác.**

## Chương V

# Bồ Tát Di Lặc

Khi ấy Bồ tát Di Lặc ở trong đại chúng từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ dưới chân Đức Phật, đi nhiễu bên phải ba vòng, quỳ gối chấp tay mà bạch Đức Phật rằng: “Đức Thế Tôn đại bi! Rộng vì hàng Bồ Tát mà khai mở kho tàng bí mật, khiến cho các đại chúng giác ngộ sâu xa về luân hồi, phân biệt rõ tà chánh, có thể bố thí cho tất cả chúng sanh đời mạt pháp có được đạo

**nhân vô úy, đối với đại Niết bàn sanh lòng tin vững chắc, không còn tùy theo cảnh giới luân hồi mà khởi sinh tri kiến tuần hoàn. Bạch đức Thế Tôn! Nếu các vị Bồ Tát và chúng sanh đời mạt pháp, muốn dạo chơi trong biển lớn tịch diệt của Như Lai làm sao đoạn trừ được căn bản luân hồi? Đối với các sự luân hồi có bao nhiêu chủng tánh? Tu đạo Bồ đề của Phật có bao nhiêu cấp độ khác biệt? Trở vào trần lao, thì thiết lập bao nhiêu thứ phương tiện giáo hóa để cứu độ các chúng sanh? Ngưỡng mong chẳng bỏ lòng đại bi cứu thế, khiến cho tất cả Bồ Tát và chúng**

sanh đời mạt pháp tu hành, mắt tuệ trang nghiêm trong sáng, tâm cảnh chiếu soi, chứng ngộ viên giác, tri kiến vô thượng của Như Lai. Trình bạch lời như thế xong, năm vốc gieo xuống đất, lặp lại lời thỉnh cầu ba lần.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Bồ tát Di Lặc rằng: “Lành thay! Lành thay! Thiện nam tử! Các ông có thể vì các Bồ Tát và chúng sanh đời mạt pháp thưa hỏi Như Lai giáo nghĩa sâu xa bí mật vi diệu, khiến cho mắt tuệ của các hàng Bồ Tát trong sáng, đồng thời khiến cho tất cả chúng sanh đời mạt pháp đoạn trừ vĩnh viễn sự luân hồi, tâm ngộ được thật

**tướng, đầy đủ pháp vô sanh nhĩ. Các ông lắng nghe! Nay sẽ vì ông nói”. Khi ấy, Bồ tát Di Lặc vâng lời Phật dạy hoan hỷ, cùng chư đại chúng yên lặng lắng nghe.**

**Thiện nam tử! Tất cả chúng sanh từ vô thủy, vì do các loại ái, tham dục nên có luân hồi. Nếu tất cả chúng tánh trong các thế giới như noãn sanh, thai sanh, thấp sanh, hóa sanh, đều do dâm dục mà có tánh mạng, thì nên biết rằng, ái là nguồn gốc của luân hồi. Do có các dục, giúp phát sinh tánh ái, thế nên có thể khiến cho sanh tử tiếp nối. Dục do ái sanh, thân mạng**

vì dục mới có, chúng sanh yêu thích thân mạng, lại còn nương tựa vào cội gốc tham dục; ái dục là nhân, ái nhiễm thân mạng là quả. Do nơi cảnh dục nên khởi lên thuận nghịch, cảnh trái với tâm yêu thích thì sanh chán ghét, đố kỵ, tạo các thứ nghiệp, cho nên lại sanh vào địa ngục, ngạ quỷ. Biết ái dục đáng chán ghét, do bởi nghiệp đạo yêu ghét<sup>1</sup> nên bỏ ác vui thiện, trở lại sanh ở cõi trời, cõi người. Lại vì biết các ái dục đáng chán ghét nên bỏ ái thích xả, trở lại nuôi dưỡng gốc ái, vì thế mà lại sanh vào cõi hữu vi, thiện quả tăng trưởng nhưng

---

1 愛厭業道 (Ái yếm nghiệp đạo)

**cũng đều là luân hồi không thể thành Thánh đạo. Cho nên, chúng sanh muốn thoát sanh tử, khỏi các luân hồi, thì trước tiên phải đoạn tham dục và trừ khát ái.**

**Thiện nam tử! Bồ Tát biến hóa thị hiện ở thế gian chẳng phải lấy ái làm gốc, mà lấy từ bi, mượn các tham dục mà vào trong sanh tử để khiến chúng sanh lìa bỏ ái dục. Nếu tất cả chúng sanh đời mạt pháp có thể xả bỏ các dục và trừ tâm yêu ghét thì vĩnh viễn đoạn trừ sự luân hồi, cần cầu cảnh giới Viên giác của Như Lai, nơi tâm thanh tịnh liền được khai ngộ.**



**Thiện nam tử! Tất cả chúng sanh do cội gốc tham dục, phát huy vô minh, hiện ra năm tánh sai biệt bất đồng. Y theo hai thứ chướng mà hiện ra sâu cạn. Thế nào là hai thứ chướng? Một là lý chướng, chướng ngại chánh tri kiến; hai là sự chướng, tiếp nối sanh tử. Thế nào là năm tánh? Thiện nam tử! Nếu hai chướng này chưa được đoạn diệt gọi là chưa thành Phật; Nếu các chúng sanh vĩnh viễn xả bỏ tham dục, trước đoạn trừ sự chướng, nhưng chưa đoạn diệt lý chướng thì chỉ có thể ngộ nhập Thanh văn, Duyên giác chứ chưa thể hiển trụ cảnh giới Bồ Tát. Thiện nam**

**tử! Nếu hết thấy chúng sanh đòi  
mạt pháp, muốn chèo thuyền  
trên biển lớn Viên giác của Như  
Lai, trước tiên phải phát nguyện  
tinh cần đoạn trừ hai chướng,  
hai chướng đã điều phục tức ngộ  
nhập vào cảnh giới Bồ Tát. Nếu  
sự chướng, lý chướng đã đoạn  
diệt hẳn tức ngộ nhập Viên giác  
vi diệu của Như Lai, viên mãn  
Bồ đề và đại Niết bàn. Thiện  
nam tử! Tất cả chúng sanh  
đều chứng Viên giác, gặp thiện  
tri thức, y theo nhân địa pháp  
hành mà vi ấy thực hành, lúc  
đó tu tập liền có đốn, tiệm. Nếu  
gặp được con đường tu hành vô  
thượng Bồ đề chân chánh của**

**Như Lai, căn cơ không luận là lớn hay nhỏ đều thành Phật quả. Nếu các chúng sanh tuy cầu bạn lành, nhưng gặp người tà kiến, chưa được giác ngộ chân chánh, thì gọi là chủng tánh ngoại đạo, là lỗi lầm của tà sư, chẳng phải lỗi của chúng sanh. Gọi là năm tánh<sup>2</sup> sai biệt của chúng sanh.**

2 **Ngũ chủng tánh** theo Duy Thức tông thì vì các nghiệp sai khác của chúng sanh do vậy mà có năm loại chủng tánh đó là:

**1. Đại thừa chủng tánh** còn gọi là **Bồ Tát chủng tánh**, có đủ ba chủng tử: *a. Kiến đạo chủng* là chủng tử Diệu quan sát trí và Bình Đẳng tánh trí, Mỗi trí đều có đủ chủng tử của Căn bản trí và Hậu đắc trí. *b. Trung phần chủng tử*, cũng là chủng tử của hai trí Căn bản và Hậu đắc. *c. Thượng phẩm chủng tử*, là chủng tử của Phật quả.

**2. Nhị thừa quyết định chủng tánh:** Gồm có hai chủng tử đó là: *Độc giác quyết định chủng* và *Thanh văn quyết định chủng*. Độc giác và Thanh văn đều có ba chủng tử: *Kiến đạo chủng*, *Tu đạo chủng* và *Vô học đạo chủng*.

**3. Bất định chủng tánh:** Là hàng có đủ chủng tánh của ba thừa, tu theo phương pháp tiệm ngộ, vì thế sau khi đi qua các thừa thì vào Đại thừa, và vì không quyết định chọn cảnh giới Vô dư Niết Bàn làm cứu cánh, do vậy gọi là Bất định chủng tánh.

**Thiện nam tử! Bồ Tát chỉ dùng tâm đại bi phương tiện thị hiện vào các thế gian để khai phát cho người chưa chứng ngộ, nhận đến thị hiện các loại hình tướng, cảnh giới thuận nghịch, đồng sự với họ để giáo hóa khiến cho thành Phật, đều y theo nguyện lực thanh tịnh từ vô thủy. Nếu các chúng sanh đời mạt pháp đối với Đại Viên Giác khởi tâm tăng thượng, nên phát đại nguyện thanh tịnh của Bồ Tát, phải phát lời nguyện rằng: “Con nguyện ngày nay trụ trong viên giác**

---

**4. Ngoại đạo chủng tánh:** Là hàng theo ngoại đạo nhưng có chủng tính của Phật pháp vì thế khi gặp bậc thiện hữu tri thức thì quay về với Phật pháp, nhưng nếu đức tin đối với Phật pháp không kiên cố, gặp kẻ tà kiến thì sẽ đi vào mê lộ.

**5. Thế gian chủng tánh:** Là chủng tánh thế gian nhưng vẫn có thể tu học Phật pháp nếu được sự hướng dẫn tốt.

**Phật, nguyện được thân cận bậc thiện tri thức, chứ không gặp ngoại đạo và hàng Nhị thừa”. Theo nguyện tu hành, dần dần đoạn trừ các chướng, chướng hết nguyện viên mãn, liền lên pháp điện thanh tịnh giải thoát, chứng được cảnh giới Đại Viên Giác vi diệu trang nghiêm.**

**Lúc ấy, đức Thế Tôn muốn giảng lại nghĩa này mà nói kệ rằng:**

**Di Lặc ông nên biết:**

**Tất cả các chúng sanh,**

**Không được đại giải thoát,**

**Đều do bởi tham dục,**

**Đọa lạc vào sanh tử.**

**Nếu hay trừ yêu ghét,  
Và tâm tham sân si,  
Chẳng vì tánh sai biệt  
Đều được thành Phật đạo.  
Tiêu diệt hẳn hai chướng  
Cầu thầy được chánh ngộ,  
Thuận theo Bồ đề nguyện  
Y chỉ đại Niết bàn.  
Mười phương chư Bồ Tát,  
Đều vì nguyện đại bi,  
Thị hiện vào sanh tử.  
Hiện tại bậc tu hành,  
Và chúng sanh đời sau,  
Siêng đoạn các ái kiến,  
Quay về đại Viên giác.**

## Chương VI

# Bồ Tát Thanh Tịnh Huệ

Lúc bấy giờ Bồ tát Thanh Tịnh Huệ ở trong đại chúng, liền từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ dưới chân Phật, đi nhiễu bên phải ba vòng, quỳ gối chấp tay bạch Đức Phật rằng: “Đức Thế Tôn đại bi! Vì chúng con giảng rộng việc không thể nghĩ bàn như thế, vốn chưa từng thấy, vốn chưa từng nghe, ngày nay chúng con nhờ Đức Phật khéo dẫn dắt, thân tâm thanh thoi được lợi ích lớn,

**nguyện vì tất cả chúng đến nghe pháp, nói lại tánh giác viên mãn của đức Pháp vương, sở chứng sở đắc của hết thảy chúng sanh và chư Bồ Tát, Như Lai Thế Tôn khác nhau như thế nào? Khiến cho tất cả chúng sanh đời mạt pháp nghe thánh giáo này, tùy thuận khai ngộ, dần dần có thể thể nhập” Nói lời như thế xong, năm vốc gieo xuống đất, lặp lại lời thỉnh cầu ba lần.**

**Khi ấy, đức Thế Tôn bảo Bồ tát Thanh Tịnh Huệ rằng: “Lành thay! Lành thay! Thiện nam tử! Các ông có thể vì chư Bồ Tát và chúng sanh đời mạt pháp, thưa hỏi Như Lai về thứ**



**lớp sai biệt. Ông nay hãy lắng nghe! Ta sẽ vì ông mà nói”. Lúc đó, Bồ tát Thanh Tịnh Huệ vâng lời dạy hoan hỷ cùng đại chúng im lặng lắng nghe.**

**Thiện nam tử! Tự tánh Viên giác, chẳng phải tánh hữu tánh, tùy theo các tánh mà khởi lên, không thủ không chứng, trong thật tướng thật không có Bồ Tát và các chúng sanh. Vì sao vậy? Bồ Tát và chúng sanh đều là huyễn hóa, nếu huyễn hóa đã diệt thì không thủ không chứng. Thí như con mắt không tự thấy con mắt, tự tánh bình đẳng, không có người bình đẳng. Chúng sanh mê muội điên đảo,**

chưa thể diệt trừ tất cả huyễn hóa, đối với pháp cần diệt chưa diệt, trong dụng công sai lầm liền hiển bày sai biệt; nếu được tùy thuận với sự tịch diệt của Như Lai, thì thật không có tịch diệt và người tịch diệt.

Thiện nam tử! Tất cả chúng sanh từ vô thủy đến nay do vọng tưởng về ngã và ái ngã, chưa từng tự biết niệm niệm sanh diệt, cho nên khởi lên yêu ghét, đam mê ngũ dục; nếu gặp bậc thiện hữu tri thức chỉ dạy khiến cho khai ngộ tánh Viên giác thanh tịnh, hiểu rõ (bản chất) khởi diệt, liền biết bản chất lo nghĩ mệt nhọc của đời này là trần lao vọng

tưởng. Nếu có người đoạn trừ vĩnh viễn các lo nghĩ mệt nhọc thì đạt được pháp giới thanh tịnh, nhưng do chấp vào kiến giải thanh tịnh nên bị chướng ngại, vì thế nơi Viên giác không được tự tại. Đây gọi là phạm phu tùy thuận tánh giác.

Thiện nam tử! Tất cả Bồ Tát bị kiến giải làm chướng ngại, tuy đã đoạn trừ chướng ngại của kiến giải nhưng do còn trụ nơi kiến giác nên bị kiến giác chướng ngại làm trở ngại mà không được tự tại, đây gọi là Bồ Tát chưa nhập địa tùy thuận tánh giác.

**Thiện nam tử! Có chiếu có giác gọi là chướng ngại, cho nên Bồ Tát thường giác mà chẳng trụ, năng chiếu và sở chiếu đồng thời tịch diệt, thí như có người tự chặt đầu mình, đầu đã chặt thì không còn có người chặt. Khi dùng tâm chướng ngại tự diệt các chướng ngại, chướng ngại đã đoạn diệt thì không còn người đoạn diệt chướng ngại. Kinh dạy giống như ngón tay chỉ trăng, nếu đã thấy được mặt trăng thì biết rõ ngón tay rất ráo chẳng phải là mặt trăng. Các thứ ngôn thuyết của tất cả Như Lai khai thị cho Bồ Tát cũng như thế. Đây gọi là Bồ Tát**

**đã nhập vào hàng thánh địa tùy thuận tánh giác.**

**Thiện nam tử! Tất cả chương ngại tức cứu cánh giác ngộ, chánh niệm, thất niệm đều là giải thoát; thành pháp, phá pháp đều là Niết bàn; trí tuệ, ngu si đều là Bát nhã; pháp thành tựu của Bồ Tát và ngoại đạo đồng là Bồ đề; vô minh, chân như cảnh giới không sai khác; mọi giới, định, tuệ và dâm, nộ, si đều là phạm hạnh; chúng sanh, quốc độ đồng một pháp tánh; địa ngục, thiên cung đều là Tịnh độ; hữu tánh, vô tánh đều thành Phật đạo; tất cả phiền não rốt ráo giải thoát, biến tuệ pháp giới chiếu rõ các**

**tướng giống như hư không. Đây gọi là Như Lai tùy thuận tánh giác.**

**Thiện nam tử! Các vị Bồ Tát và chúng sanh đời mạt pháp trong mọi thời gian chẳng khởi vọng niệm, nơi các vọng tâm cũng không dứt trừ, trụ cảnh vọng tưởng không thêm liễu tri, nơi không liễu tri chẳng phân biệt chân thật. Các chúng sanh ấy nghe pháp môn này, tin hiểu thọ trì không sanh kinh sợ. Đây gọi là tùy thuận tánh giác. Thiện nam tử! Các ông nên biết! Chúng sanh như vậy đã từng cúng dường trăm ngàn muôn ức chư Phật và Đại Bồ Tát nhiều**

**như cát sông Hằng, trồng mọi  
cội gốc công đức, Đức Phật dạy  
rằng người này gọi là thành tựu  
nhất thiết chủng trí.**

**Lúc ấy, Đức Thế Tôn muốn  
giảng lại nghĩa này mà nói kệ  
rằng:**

**Thanh Tịnh Huệ nên biết,  
Tánh Bồ đề viên mãn,  
Không thủ cũng không chứng,  
Không Bồ Tát, chúng sanh.  
Giác và cùng chưa giác,  
Thứ lớp có khác nhau,  
Chúng sanh vì giải ngại,  
Bồ Tát chưa lìa giác.  
Nhập địa hằng tịch diệt,**

**Chẳng trụ tất cả tướng,  
Đại Giác tất viên mãn,  
Gọi là khắp tùy thuận.  
Những chúng sanh đời sau  
Tâm chẳng sanh hư vọng,  
Phật nói người như vậy,  
Hiện đời tức Bồ Tát.  
Cúng dường hằng sa Phật,  
Công đức đã viên mãn,  
Tuy có nhiều phương tiện,  
Đều gọi tùy thuận trí.**



## Chương VII

### **Bồ Tát Oai Đức Tự Tại**

Lúc đó, Bồ tát Oai Đức Tự Tại ở trong đại chúng, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ dưới chân Phật, đi nhiễu bên phải ba vòng, quỳ gối chấp tay bạch Đức Phật rằng: “Bạch đức Thế Tôn đại bi! Vì chúng con phân biệt sâu rộng về tùy thuận tánh giác như thế, khiến cho các Bồ Tát nương theo lời dạy của Phật mà giác tâm sáng suốt, chẳng nhờ tu tập mà được lợi ích tốt lành. Bạch Đức Thế Tôn! Ví như

**thành lớn bên ngoài có bốn cửa, người tùy theo mỗi phương mà đến, chẳng phải chỉ đến bằng một con đường. Tất cả Bồ Tát trang nghiêm cõi Phật và thành Bồ đề cũng chẳng phải bằng một phương tiện. Ngưỡng mong Đức Thế Tôn! Vì chúng con giảng nói rộng rãi tất cả thứ lớp phương tiện và người tu hành tổng cộng có bao nhiêu loại khiến cho Bồ Tát trong hội này và chúng sanh đời mạt pháp, người cầu Đại thừa chóng được khai ngộ, dạo chơi trong biển đại tịch diệt của Như Lai. Thưa lời như thế xong, năm vóc gieo xuống đất, lặp lại sự thỉnh cầu ba lần.**

**Khi ấy, Đức Thế Tôn bảo Bồ tát Oai Đức Tự Tại rằng: “Lành thay! Lành thay! Thiện nam tử! Các ông có thể vì các Bồ Tát và chúng sanh đời mạt pháp, hỏi Như Lai về các phương tiện như thế. Nay ông hãy lắng nghe! Vì ông ta sẽ nói”. Khi ấy, Bồ tát Oai Đức Tự Tại vâng lời dạy hoan hỷ, cùng chư đại chúng im lặng lắng nghe.**

**Thiện nam tử! Vô thượng diệu giác biến khắp mười phương sanh ra Như Lai và tất cả pháp đồng một thể tánh bình đẳng, vì thế đối với các sự tu hành thì thật không có hai, nhưng phương tiện tùy thuận thì vô lượng; thân**

**tóm lại hết thấy, theo tuần tự thì có ba loại sai biệt.**

**Thiện nam tử! Nếu các Bồ Tát ngộ tánh Viên giác thanh tịnh, dùng tâm giác thanh tịnh, giữ sự thanh tịnh làm hạnh. Do yên lắng các niệm, biết rõ phiền não loạn động, nên trí tuệ thanh tịnh phát sanh, bụi bặm thân tâm từ đây diệt hẳn, liền khiến nội tâm phát ra tịch tịnh khinh an; vì đã tịch tĩnh, nên tâm Như Lai hiển hiện rõ trong mười phương thế giới, như bóng hiện trong gương. Phương tiện này gọi là Samatha (tức thiền Chỉ).**

**Thiện nam tử! Nếu các vị Bồ Tát ngộ tánh Viên giác thanh**

tịnh, dùng giác tâm thanh tịnh nhận biết tánh giác của tâm cùng với căn trần đều là huyễn hóa, liền khởi các huyễn để trừ pháp huyễn, biến hóa các huyễn để khai hóa chúng sanh hư huyễn. Do khởi huyễn nên bên trong liền có thể phát sinh đại bi khinh an, tất cả Bồ Tát từ đây khởi hạnh, dần dần tăng tiến. Người quán huyễn kia chẳng đồng với huyễn, chẳng đồng huyễn quán vì đều là huyễn, tướng huyễn là huyễn là diệu hạnh viên mãn của các vị Bồ Tát, như đất làm tăng trưởng mầm. Phương tiện này gọi là Samapatti (tức thiền Quán).

**Thiện nam tử! Nếu các vị Bồ Tát ngộ được tánh Viên giác thanh tịnh, dùng giác tâm thanh tịnh không thủ chấp huyễn hóa và các tịnh tướng, rõ biết thân tâm đều là chướng ngại, vô tri được giác ngộ chiếu sáng thì không lệ thuộc vào các chướng ngại, vĩnh viễn siêu việt các cảnh chướng ngại và không chướng ngại, thế giới thọ dụng cùng với thân tâm trong thế giới nhiễm ô (mà không có bất kỳ chướng ngại nào), giống như âm thanh của nhạc khí có thể vượt ra ngoài (bản thân nhạc khí). Phiền não và Niết bàn chẳng ngăn ngại lẫn nhau, bên trong**

**có thể phát sinh tịch diệt khinh an, diệu giác tùy thuận cảnh giới tịch diệt, vượt ngoài tầm với của thân - tâm, mình - người, chúng sinh, thọ mạng đều chỉ là vọng tưởng phù hư. Phương tiện này gọi là Thiên-na (tức Chỉ, Quán song tu).**

**Thiện nam tử! Ba pháp môn này đều là Viên giác. Mười phương Như Lai đều tùy thuận thân cận, do đây mà thành Phật; mọi thứ phương tiện của mười phương Bồ Tát, hết thảy đồng nhất hay sai biệt đều y theo ba loại sự nghiệp (thiền quán) như thế, nếu được chứng ngộ viên**

**mãn tức thành Viên giác.<sup>1</sup> Thiện nam tử! Giả sử có người tu theo Thánh đạo, giáo hóa thành tựu trăm ngàn muôn ức quả vị A la hán và Bích chi Phật, không bằng người nghe pháp môn Viên giác vô ngại này mà tùy thuận tu tập dù chỉ trong khoảng sát na.**

**Lúc ấy, Đức Thế Tôn muốn giảng lại nghĩa này mà nói kệ rằng:**

---

1 Bản dịch từ tiếng Anh: “Này thiện nam tử, ba pháp này đều tương ứng với Viên giác. Như Lai ở khắp mười phương đều nhờ những phương tiện này mà thành tựu Phật quả.” Vô số phương tiện được sử dụng bởi Bồ tát ở khắp mười phương, giống hay khác nhau, đều tùy thuộc vào ba hoạt dụng này. Khi thực hiện hoàn hảo những thực hành này, người ta thành tựu Giác ngộ Hoàn toàn.



Oai Đức ông nên biết,  
Tâm đại giác vô thượng,  
Bản thể không hai tướng,  
Tùy thuận các phương tiện,  
Số đó nhiều vô lượng.  
Như Lai tổng khai thị,  
Thì có ba chủng loại,  
Sa-ma-tha tịch tĩnh,  
Như gương chiếu các bóng;  
Tam-ma-đề như huyễn,  
Như mầm tăng trưởng dần;  
Thiền-na thuần tịch diệt,  
Như tiếng vang trong chuông  
Ba pháp môn mẫu nhiệm,  
Đều tùy thuận Viên giác  
Mười phương chư Như Lai,

**Và các đại Bồ Tát,  
Nhân đây được thành đạo.  
Nếu chứng trọn ba môn  
Là cứu cánh Niết bàn.**

## Chương VIII

# Bồ Tát Biện Âm

Lúc ấy Bồ tát Biện Âm ở trong đại chúng, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ dưới chân Đức Phật, đi nhiễu bên phải ba vòng, quỳ gối chấp tay bạch Phật rằng: “Đức Thế Tôn đại bi! Pháp môn như vậy thật là hiếm có. Bạch đức Thế Tôn! Các phương tiện này, đối với pháp môn Viên giác, có bao nhiêu cách để tất cả Bồ Tát có thể tu tập? Nguyên vì đại chúng và chúng sanh đời

**mạt pháp, phương tiện khai thị khiến cho ngộ được thật tướng (thực tại tuyệt đối). Nói lời như thế xong, nắm vóc gieo xuống đất, lặp lại ba lần lời thỉnh cầu.**

**Lúc đó, Đức Thế Tôn bảo Bồ tát Biện Âm rằng: “Lành thay! Lành thay! Thiện nam tử! Các ông có thể vì đại chúng và chúng sanh đời mạt pháp mà thưa hỏi Như Lai về sự tu tập như thế. Ông hãy lắng nghe! Nay ta sẽ vì ông khai thị. Khi ấy, Bồ tát Biện Âm vâng lời dạy hoan hỷ cùng đại chúng yên lặng lắng nghe.**

**Thiện nam tử! Viên giác thanh tịnh của tất cả Như Lai vốn không có sự tu tập và người**

tu tập, tất cả Bồ Tát và chúng sanh đời mạt pháp, lúc chưa giác ngộ, y nơi huyền lực mà tu tập, nên khi ấy mới có hai mươi lăm loại định luân thanh tịnh.

Nếu những Bồ Tát chỉ giữ cực tịnh<sup>1</sup>, do tịnh lực mà dứt hẳn phiền não, thành tựu rốt ráo, chẳng rời chỗ ngồi mà nhập Niết Bàn ngay, Bồ Tát này gọi là chuyên tu Samatha (tức tu Chỉ).

Nếu những Bồ Tát chỉ chuyên tu quán như huyền, nhờ thần lực Phật, biến hóa, biểu hiện mọi thứ tác dụng trên thế giới, thực hành đầy đủ diệu hạnh thanh tịnh của Bồ Tát, đối với pháp

---

1 極靜 (cực tịnh): Hoàn toàn thanh tịnh

**Đà la ni<sup>2</sup> chẳng mất tịch niệm và các tịnh huệ; Bồ Tát này gọi là chuyên tu Samapatti (tức tu Quán).**

**Nếu những Bồ Tát chỉ chuyên diệt trừ các huyễn, chẳng thủ chấp vào tác dụng, tự đoạn tận phiền não, phiền não đoạn sạch liền chứng thật tướng, Bồ Tát này gọi là chuyên tu Thiền na.**

**Nếu những Bồ Tát trước giữ cực tịnh, dùng tâm tịnh tuệ chiếu soi các huyễn, ở ngay trong đó khởi hạnh Bồ Tát, Bồ Tát này gọi là trước tu Samatha (Chỉ), sau tu Samapatti (Quán).**

---

2 陀羅尼 (dharani): Tổng trì là tuệ lực có thể ghi nhớ và gìn giữ vô lượng vô số Phật pháp, không hề quên mất

**Nếu những Bồ Tát dùng tịnh tuệ chứng được tánh cực tịnh, liền đoạn phiền não, vĩnh viễn xa lìa sanh tử, Bồ Tát này gọi là trước tu Samatha, sau tu Thiền-na.**

**Nếu những Bồ Tát dùng tuệ tịch tĩnh, lại hiện sức huyền, biến hóa mọi thứ để độ thoát chúng sanh, sau đó đoạn trừ phiền não mà nhập tịch diệt, Bồ Tát này gọi là trước tu Samatha, giữa tu Samapatti, sau tu Thiền na.**

**Nếu những Bồ Tát dùng sức cực tịnh đoạn trừ phiền não xong, sau mới phát khởi diệu hạnh thanh tịnh của Bồ Tát để độ các chúng sanh, Bồ Tát này**

**gọi là trước tu Samatha, giữa tu Thiền na, sau tu Samapatti.**

**Nếu những Bồ Tát dùng sức cực tịnh, tâm dứt hết phiền não, lại cứu độ chúng sanh, kiến lập thế giới, Bồ Tát này gọi là trước tu Samatha, sau đồng lúc tu Samapatti và Thiền na.**

**Nếu những Bồ Tát dùng sức cực tịnh giúp phát huy mọi thứ biến hóa, sau mới dứt trừ phiền não, Bồ Tát này gọi là trước đồng lúc tu Samatha và Samapatti, sau tu Thiền na.**

**Nếu những Bồ Tát dùng sức cực tịnh giúp đạt đến tịch diệt, sau lại khởi lên tác dụng biến hóa thế giới, Bồ Tát này gọi là đồng**



**lúc tu Samatha (chỉ) và Thiền na, sau tu Samapatti (quán).**

**Nếu những Bồ Tát dùng sức biến hóa tùy thuận các chủng loại mà đạt cực tịnh, Bồ Tát này gọi là trước tu Samapatti (quán), sau tu Samatha (chỉ).**

**Nếu những Bồ Tát dùng sức biến hóa các loại cảnh giới mà đạt tịch diệt, Bồ Tát này gọi là trước tu Samapatti sau tu Thiền na.**

**Nếu những Bồ Tát dùng sức biến hóa mà làm Phật sự, an trụ tịch tĩnh mà đoạn phiền não, Bồ Tát này gọi là trước tu Samapatti, giữa tu Samatha, sau tu Thiền na.**

**Nếu những Bồ Tát dùng sức biến hóa tác dụng vô ngại, đoạn phiền não rồi, an trụ cực tịnh, Bồ Tát này gọi là trước tu Samapatti, giữa tu Thiền na, sau tu Samatha.**

**Nếu những Bồ Tát dùng sức biến hóa và các tác dụng phương tiện rồi tùy thuận đầy đủ với hai loại cực tịnh và tịch diệt, Bồ Tát này gọi là trước tu Samapatti, sau cùng lúc tu Samatha và Thiền na.**

**Nếu những Bồ Tát dùng sức biến hóa và khởi lên các loại tác dụng để giúp đạt đến cực tịnh, sau đó đoạn trừ phiền não, Bồ Tát này gọi là đồng lúc tu**

**Samapatti và Samatha, sau tu Thiền na.**

**Nếu những Bồ Tát dùng sức biến hóa trợ giúp cho tịch diệt, sau an trụ trong thanh tịnh, tĩnh lự vô tác, Bồ Tát này gọi là cùng lúc tu Samapatti và Thiền na, sau tu Samatha.**

**Nếu những Bồ Tát dùng sức tịch diệt mà khởi cực tịnh, an trụ trong thanh tịnh, Bồ tát này gọi là trước tu Thiền na, sau tu Samatha.**

**Nếu những Bồ Tát dùng sức tịch diệt mà phát khởi tác dụng, công dụng tùy thuận nơi tất cả cảnh nhưng đều tịch tĩnh, Bồ Tát này gọi là trước tu Thiền na,**

sau tu Samapatti. Nếu những Bồ Tát dùng sức tịch diệt, an trụ các loại tự tánh trong tịnh lực mà khởi lên mọi biến hóa, Bồ Tát này gọi là trước tu Thiền na, giữa tu Samatha, sau tu Samapatti.

Nếu những Bồ Tát dùng năng lực tịch diệt, nơi tự tánh vô tác mà khởi lên tác dụng cảnh giới thanh tịnh rồi quay về tịnh lực, Bồ Tát này gọi là trước tu Thiền na, giữa tu Samapatti, sau tu Samatha.

Nếu những Bồ Tát dùng sức tịch diệt, khiến mọi sự thanh tịnh rồi trụ nơi tịnh lực để khởi lên các biến hóa, Bồ Tát này gọi

**là trước tu Thiền na, sau đồng lúc tu Samatha và Samapatti.**

**Nếu những Bồ Tát dùng sức tịch diệt giúp cho cực tịnh rồi khởi lên mọi biến hóa, Bồ Tát này gọi là trước đồng lúc tu Thiền na và Samatha, sau tu Samapatti.**

**Nếu những Bồ Tát dùng sức tịch diệt để trợ giúp cho sự biến hóa rồi khởi lên trạng thái thanh tịnh, trí huệ sáng suốt, Bồ tát này gọi là trước đồng lúc tu Thiền na và Samapatti, sau tu Samatha.**

**Nếu những Bồ Tát dùng trí tuệ viên giác để hòa hợp trọn vẹn với tất cả, đối với mọi tánh**

và tướng đều không xa rời tánh giác, Bồ Tát này gọi là tu tập viên mãn ba pháp (chỉ, quán và thiền na), tùy thuận với tự tánh (Viên giác) thanh tịnh.

Thiện nam tử! Như vậy gọi là hai mươi lăm pháp tu của Bồ Tát mà tất cả Bồ Tát đều phải như thế tu hành. Nếu các Bồ Tát và chúng sanh đời mạt pháp y theo hai mươi lăm pháp tu ấy (tu hành) thì phải giữ gìn phạm hạnh, tư duy tịch tĩnh, trải qua hai mươi một ngày thành tâm sám hối. Đánh dấu rõ ràng vào từng mỗi một trong số hai mươi lăm bánh xe ấy và chí tâm nguyện cầu, rồi thuận tay chọn

**lấy một pháp tu, y theo sự khai thị (trong pháp tu) đã chọn, liền biết (căn cơ của mình) là đốn hay tiệm. Nếu chỉ có một niệm nghi ngờ hối hận thì không thể thành tựu.**

**Lúc ấy, Đức Thế Tôn muốn giảng lại nghĩa này mà nói kệ rằng:**

**Biện Âm ông nên biết,  
Tất cả các Bồ Tát,  
Tuệ thanh tịnh vô ngại,  
Đều y thiên định sanh.  
Gọi là Samatha,  
Tam ma đề, Thiền na,  
Ba pháp đốn tiệm tu,  
Có hai mươi lăm loại,**

**Mười phương các Như Lai,  
Ba đời người tu hành,  
Đều nhân vì pháp này,  
Mà đắc thành Bồ đề,  
Chỉ trừ người đốn giác,  
Cùng pháp không tùy thuận.  
Tất cả các Bồ Tát,  
Cùng chúng sanh đời sau,  
Thường trì giữ luân này,  
Tùy thuận siêng tu tập,  
Nương sức đại bi Phật,  
Không lâu chứng Niết bàn.**



## **Chương IX**

### **Bồ Tát**

### **Tịnh Chư Nghiệp Chướng**

Bấy giờ Bồ tát Tịnh Chư Nghiệp Chướng ở trong đại chúng liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ dưới chân Phật, đi nhiễu bên phải ba vòng, quỳ gối chấp tay mà bạch với Đức Phật rằng: “Đức Thế Tôn đại bi! Vì chúng con giảng rộng việc không thể nghĩ bàn đó là tất cả nhân địa hành tướng của Như Lai, khiến các đại chúng được

điều chưa từng có. Nhìn thấy sự tinh cần khó khổ của đáng Điều Ngự trải qua hằng sa kiếp trong nhiều cảnh giới, tất cả công dụng đó giống như chỉ trong một niệm. Bồ Tát chúng con tự rất vui mừng và được an ủi một cách sâu xa. Bạch đức Thế Tôn! Nếu tâm giác này tánh vốn thanh tịnh, vì sao lại nhiễm ô, khiến cho chúng sanh mê muội chẳng thể thể nhập? Ngưỡng mong đức Như Lai vì chúng con khai ngộ rộng rãi về tánh của pháp, khiến cho đại chúng này và chúng sanh đời mạt pháp (có thể dùng lời dạy của Phật) làm tầm nhìn trong tương lai. Nói

**lời như thế xong, năm vóc gieo xuống đất, lặp lại lời thỉnh cầu ba lần.**

**Khi ấy, Đức Thế Tôn bảo Bồ tát Tịnh Chư Nghiệp Chướng rằng: Lành thay! Lành thay! Thiện nam tử! Các ông có thể vì đại chúng và chúng sanh đời mạt pháp thưa hỏi Như Lai về những phương tiện như thế. Ông nay lắng nghe! Vì ông ta sẽ nói”. Lúc đó, Bồ tát Tịnh Chư Nghiệp Chướng vâng lời dạy hoan hỷ cùng đại chúng im lặng lắng nghe.**

**Thiện nam tử! Tất cả chúng sanh từ vô thủy đến nay, vì vọng tưởng nên chấp có ngã, nhân,**

chúng sanh và thọ mạng, nhận bốn khái niệm điên đảo này làm thật ngã thể, do đó nên sanh ra hai trạng thái ghét, yêu. Đối với thật thể hư vọng lại tiếp tục chấp vào hư vọng, hai thứ hư vọng này nương nhau sanh ra con đường nghiệp chướng hư vọng, vì có vọng nghiệp nên vọng thấy có lưu chuyển, người chán ghét lưu chuyển nên vọng thấy có Niết bàn vì thế không thể nhập vào viên giác thanh tịnh chứ không phải tánh viên giác cản trở không cho họ thể nhập và, có những người thể nhập tánh viên giác thì cũng chẳng phải do tánh viên giác cho họ thể nhập.

Vì thế động niệm cùng với dứt niệm đều thuộc mê muội. Vì sao vậy? Bởi vì vô minh vốn (được nhận thức một cách sai lầm) là chủ tử của mình từ vô thủy cho nên tất cả chúng sanh không thể sinh ra mắt tuệ vì thế bản chất của thân và tâm của họ không gì khác hơn ngoài vô minh. (Do nhận thức sai lầm nên không thể đoạn trừ vô minh ngã chấp) giống như người không thể tự mình đoạn trừ mạng sống. Vì thế nên biết, nếu có người yêu thích ta thì ta cùng với họ tùy thuận và người chẳng tùy thuận ta thì ta liền sanh ra oán ghét, do tâm yêu ghét nuôi dưỡng vô

**minh vì thế nên việc cầu đạo cứ mãi không thể thành tựu. Có tâm yêu ghét để nuôi dưỡng vô minh làm cho vô minh tương tục mãi, do vậy nên việc cầu đạo chẳng thể thành tựu.**

**Thiện nam tử! Thế nào gọi là ngã tướng? Là tâm sở chứng của các chúng sanh<sup>1</sup>. Thiện nam tử! Thí như có người thân thể điều hòa thư thái, tay chân thư thả, chợt quên sự tồn tại của thân, bởi do sự nuôi dưỡng trái phương pháp, (sức khỏe bị suy sụp), cần phải chăm cứu, do vậy liền ý thức rằng ta vẫn còn đang hiện hữu. Vì thủ chấp vào cái**

---

1 Anh: what is the ‘trace of self’? It is that which is witnessed by the mind of sentient beings.

được chứng nên ngã thể mới hiện ra. Thiện nam tử! Kể cả khi đã chứng được quả Như Lai nhưng cuối cùng tâm vẫn còn (thủ chấp về) sự chứng ngộ ấy thì dù đạt được Niết bàn thanh tịnh thì cũng chỉ đều là ngã tướng.

Thiện nam tử! Thế nào là nhưn tướng?

Là tâm chứng ngộ của các chúng sanh.<sup>2</sup>

Thiện nam tử! Người đã ngộ có ngã thì sẽ không thừa nhận ngã nữa, vì chỗ được chứng ngộ chẳng phải là ngã, (bản thân của) ngộ cũng như thế. Ngộ rồi

---

2 Anh: “It is the cognition by sentient beings of the prior “witnessing”.”

**thì vượt qua tất cả (cái được gọi là người) chứng ngộ (vì sự chứng ngộ lẫn người chứng ngộ) đều là nhân tướng.**

**Thiện nam tử! Nhấn đến khi tâm còn cho rằng mình có sự chứng ngộ Niết bàn viên mãn thì cũng đều là ngã. Tâm ấy vẫn còn dấu vết nhỏ của sự chứng ngộ nên đều gọi là nhân tướng.**

**Thiện nam tử! Thế nào là chúng sanh tướng? Là tâm của các chúng sanh nằm ngoài khả năng tự chứng ngộ.<sup>3</sup>**

**Thiện nam tử! Ví như có người nói rằng: “Ta là chúng sanh”**

3 Anh: “what is the ‘trace of sentient being?’ It is that which is beyond the self-witnessing and cognition of the minds of all sentient beings”



thì biết cái mà người đó nói là chúng sanh chẳng phải là anh ta mà cũng chẳng phải là người khác. Thế nào là chẳng phải ngã? Vì nếu ta là chúng sanh thì chẳng phải là ngã. Thế nào là chẳng phải người khác? Vì nếu ta là chúng sanh thì chẳng phải là ngã của người khác. Thiện nam tử! Những liễu chứng, liễu ngộ của các chúng sanh đều là ngã và nhân, mà ngã tướng và nhân tướng đều không thể đạt được vì thế còn có chỗ (được cho là) liễu ngộ thì gọi đó là chúng sanh tướng.

Thiện nam tử! Thế nào là thọ mạng tướng? Là tâm của các

**chúng sinh đều được soi sáng bởi sự giác ngộ thanh tịnh. Mọi thứ mà trí tuệ và nghiệp báo không tự nhìn thấy đều giống như mạng căn. Thiện nam tử! Nếu tâm chiếu sáng thì thấy tất cả người giác tri đều là cát bụi nhiễm ô vì người giác tri và cái được giác tri đều chẳng lìa trần cấu; giống như đun nóng làm cho băng tan ra thành nước, lúc ấy băng không khác nước vì thế người còn có cái biết về băng và nước thì cũng giống như vẫn còn cái ngã để giác tri về ngã.**

**Thiện nam tử! Chúng sanh đời mạt pháp không hiểu rõ bốn tướng, vì thế tuy trải qua**

nhiều kiếp tinh cần khó khổ tu tập đạo pháp, nhưng đó chỉ gọi là hữu vi, trọn không thể thành tựu tất cả thánh quả, cho nên gọi là chánh pháp mạt thế. Vì sao vậy? Vì nhận tất cả ngã là Niết bàn, có chứng có ngộ cho là thành tựu. Thí như có người nhận giặc làm con, nên gia tài bảo vật của người đó bị phá hủy. Vì sao vậy? Vì người có ngã ái nên cũng tham ái Niết bàn<sup>4</sup>, (đối với người đó thì) hàng phục gốc rễ của ngã ái được cho là tướng Niết bàn. Người có ghét ngã cũng ghét sanh tử, do vì không biết ái đích thật là sanh tử, nên

---

4 愛涅槃 (ái Niết bàn)

**chỉ ghét sanh tử thì gọi là không giải thoát.**

**Làm sao biết được pháp chẳng giải thoát? Thiện nam tử! Những chúng sanh đời mạt pháp tu tập Bồ đề lấy việc tự chứng được chút ít cho là mình đã thanh tịnh, do chưa thể đoạn tận gốc rễ ngã tướng. Nếu có người tán thán pháp của mình, liền sanh hoan hỷ bèn muốn tế độ họ. Nếu ai phỉ báng chỗ sở đắc của mình thì liền sanh sân hận. Vì thế biết rằng sự thủ chấp ngã tướng kiên cố vẫn tiềm ẩn trong tạng thức, nó lang thang trong các căn và chưa từng bị gián đoạn. Thiện nam tử! Hành giả ấy không đẹp**

trừ ngã tướng, cho nên không thể ngộ nhập bản giác thanh tịnh. Thiện nam tử! Nếu biết ngã là Không, thì không thấy có người hủy báng ta và có ta nói pháp. Vì ngã chưa đoạn trừ (nên mới có cái thấy như thế), chúng sanh và thọ mạng cũng lại như vậy.

Thiện nam tử! Những chúng sanh đời mạt pháp nói bệnh (tu hành) là Pháp cho nên gọi là người đáng thương xót. Dù chuyên cần tinh tấn, nhưng tăng thêm các bệnh, vì vậy không thể thể nhập vào tánh viên giác thanh tịnh. Thiện nam tử! Những chúng sanh đời mạt pháp không hiểu rõ bốn tướng,

**lấy chỗ hiểu và hành của Như Lai làm chỗ hiểu và tu hành của chính mình nên cuối cùng không thể thành tựu. Hoặc có chúng sanh chưa đắc nói đắc, chưa chứng nói chứng, thấy người thăng tiến hơn mình thì tâm sanh tật đố. Do chúng sanh đó chưa đoạn trừ ngã ái, cho nên không thể nhập vào tánh giác thanh tịnh. Thiện nam tử! Nếu chúng sanh đời mạt pháp muốn thành tựu đạo quả thì không nên tìm cầu sự giác ngộ chỉ vì sự lợi ích của đa văn mà tăng trưởng ngã kiến. Chỉ nên tinh cần hàng phục phiền não, khởi đại dũng mãnh, chưa đắc khiến đắc, chưa**

đoạn khiến đoạn, tham, sân, ái, mạn, siểm khúc, tật đổ đối cảnh không sanh, người và ta, ái ân thấy đều tịch diệt. Đức Phật dạy, người này sẽ dần dần thành tựu. Cầu học thiện tri thức để không rơi vào tà kiến, nếu nơi sở cầu riêng sanh tâm yêu ghét, thì không thể bước vào đại dương giác ngộ thanh tịnh.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn muốn giảng lại nghĩa này mà nói kệ rằng:

Tịnh Nghiệp ông nên biết,  
Tất cả các chúng sanh,  
Đều do chấp ngã ái,  
Vô thi vọng lưu chuyển,

**Chưa trừ bốn thứ tướng,  
Không đắc quả Bồ đề.  
Yêu ghét sanh nơi tâm,  
Siểm khú<sup>2</sup>c còn các niệm,  
Cho nên nhiều mê muội,  
Không thể vào thành giác.  
Nếu được về cảnh ngộ,  
Trước trừ tham sân si,  
Tâm không còn ái pháp,  
Dần dần được thành tựu.  
Thân ta vốn chẳng có,  
Ghét yêu do đâu sanh?  
Người này cầu bạn lành,  
Trọn không đọa tà kiến,  
Chỗ cầu riêng sanh tâm,  
Cứu cánh chẳng thành tựu.**



## Chương X

# Bồ Tát Phổ Giác

Khi ấy, Bồ tát Phổ Giác ở trong đại chúng liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ dưới chân Phật, đi nhiễu bên phải ba vòng, quỳ gối chấp tay bạch với Đức Phật rằng: “Đức Thế Tôn đại bi! Nói nhanh về thiên bệnh! Khiến cho đại chúng được điều chưa từng có, tâm ý sạch trong, được an ổn lớn. Bạch Đức Thế Tôn! Chúng sanh đời mạt pháp, cách Đức Phật xa dần, Thánh

**hiền ẩn dật, tà pháp thịnh hành, các chúng sanh phải cầu những người nào? Y theo những pháp gì? Thực hành những hạnh gì? Dẹp trừ những bệnh gì? Phát tâm thế nào để khiến cho những người mê muội không rơi vào tà kiến?” Nói lời như thế xong, năm vốc gieo xuống đất, lặp lại lời thỉnh cầu ba lần.**

**Khi ấy, Đức Thế Tôn bảo Bồ tát Phổ Giác rằng: “Lành thay! Lành thay! Thiện nam tử! Các ông có thể thưa hỏi Như Lai về những phương pháp tu hành như vậy, có thể trao cho tất cả chúng sanh đời mạt pháp con mắt đạo vô úy, khiến cho chúng**

sanh được thành Thánh đạo. Ông nay lắng nghe! Ta sẽ vì ông mà khai thị”. Bấy giờ, Bồ tát Phổ Giác vâng lời dạy hoan hỷ, cùng đại chúng yên lặng lắng nghe.

Thiện nam tử! Chúng sanh đời mạt pháp, muốn phát tâm Đại thừa thì nên cầu bậc thiện tri thức, phải tìm cầu với người có tất cả chánh tri kiến. Tâm không trụ tướng, chẳng chấp trước cảnh giới Thanh văn, Duyên giác, tuy hiện thân nơi cõi cát bụi trần lao nhưng tâm hằng thanh tịnh, thị hiện có các lỗi lầm để tán thán phạm hạnh, không dẫn dắt chúng sanh vào chỗ không có luật nghi. Cầu

người như vậy tức được thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Chúng sanh đời mạt pháp gặp người như vậy thì phải nên cúng dường, thân mạng còn không tiếc huống hồ là khối tài sản, vợ con, quyến thuộc. Thiện tri thức đó trong bốn oai nghi thường hiện thanh tịnh, cho đến phương tiện thị hiện mọi thứ tội lỗi, (thì tâm của người cầu đạo cũng) không khởi lên kiêu mạn. Nếu thiện nam tử đối với vị thiện hữu tri thức đó không khởi niệm ác, tức có thể thành tựu chánh giác một cách rất ráo, tâm hoa bùng phát chiếu sáng khắp cả mười phương các cõi.

**Thiện nam tử! Thiện tri thức đó đã chứng diệu pháp nên xa lìa bốn bệnh. Thế nào là bốn bệnh? Một là bệnh Tác, nếu lại có người nói rằng: “Bản tâm của tôi làm các thứ hạnh vì muốn cầu Viên giác.” Đây là bệnh Tác vì tánh Viên giác kia chẳng phải do làm mà có được. Hai là bệnh Nhậm, nếu lại có người nói rằng: “Chúng ta nay không muốn đoạn trừ sanh tử, cũng chẳng cầu chứng Niết bàn, Niết bàn và sanh tử không có niệm khởi diệt, trong việc tìm cầu sự giác ngộ viên mãn mặc cho tất cả tùy theo các pháp tánh”. Đây gọi là bệnh Nhậm vì tánh Viên**

giác kia chẳng phải mặc nhiên mà có. Ba là bệnh Chỉ, nếu lại có người nói rằng: “Ta nay muốn cầu Viên giác nên tự tâm dừng hẳn các niệm, được tất cả tánh, tịch nhiên bình đẳng”. Đó gọi đó là bệnh Chỉ vì tánh Viên giác kia chẳng phải do đình chỉ sự kết hợp (của các niệm) mà có. Bốn là bệnh Diệt, nếu lại có người nói rằng: “Ta nay nên đoạn trừ vĩnh viễn tất cả phiền não, cả thân và tâm hoàn toàn Không<sup>1</sup> hướng hồ là cảnh giới hư vọng của căn trần, tất cả hằng tịch lặng vì muốn cầu sự Viên giác”. Đó gọi là bệnh Diệt vì tánh Viên

---

1 身心畢竟空 (Thân tâm tất cánh không)

**giác kia chẳng phải là tướng tịch lặng. Là được bốn bệnh thì biết là thanh tịnh, quán được như vậy thì gọi là chánh quán, nếu quán khác đi thì gọi là tà quán.**

**Thiện nam tử! Chúng sanh đời mạt pháp, người muốn tu hành, nên phải trọn đời cúng dường bậc thiện hữu, phụng sự thiện tri thức, nếu thiện tri thức ấy muốn đến thân cận thì (người cầu đạo) nên đoạn trừ tâm kiêu mạn và nếu (thiện tri thức) rời xa thì nên đoạn tận lòng sân hận. (Dù thiện tri thức) hiện cảnh nghịch hay thuận (thì xem cũng) giống như hư không, rõ biết thân tâm và các chúng sanh rất ráo bình**

**đẳng, đồng thể không khác, tu hành như thế mới thể nhập vào Viên giác. Thiện nam tử! Chúng sanh đời mạt pháp không thành đạo được, là do có tất cả chủng tử ghét và yêu, mình và người từ vô thủy nên chưa thể giải thoát. Nếu lại có người, xem oan gia kia như cha mẹ mình, tâm không (phân biệt) có hai, tức là đoạn trừ các bệnh. Ở trong các pháp mình và người ghét và yêu cũng lại như thế. Thiện nam tử! Chúng sanh đời mạt pháp muốn cầu Viên giác nên phải phát tâm như thế này: “Tất cả chúng sanh cùng tận khắp hư không, con đều khiến thể nhập vào Viên**



**giác cứu cánh, ở trong Viên giác không thủ chấp có người giác ngộ, đoạn trừ tất cả tướng ngã và nhân. Phát tâm như vậy thì không đọa vào tà kiến.**

**Lúc ấy, Đức Thế Tôn muốn giảng lại nghĩa này mà nói kệ rằng:**

**Phổ Giác ông nên biết,  
Các chúng sanh đời sau,  
Muốn cầu thiện tri thức,  
Nên phải cầu chánh kiến,  
Tâm xa hàng Nhị thừa.  
Trong pháp trừ bốn bệnh,  
Là Tác, Chỉ, Nhậm, Diệt;  
Thân cận không kiêu mạn,**

**Xa lìa không sân hận.  
Thấy mọi thứ cảnh giới,  
Tâm phải sanh hiềm có,  
Như Phật tái xuất thế  
Không phạm trái luật nghi,  
Giới căn hằng thanh tịnh,  
Độ tất cả chúng sanh,  
Rốt ráo vào Viên giác.  
Không tướng bỉ, ngã, nhân,  
Thường nường chánh trí tuệ,  
Liên vượt khỏi tà kiến,  
Chứng giác Bát Niết bàn.**

## Chương XI

# Bồ Tát Viên Giác

Lúc ấy Bồ tát Viên Giác ở trong đại chúng liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ dưới chân Phật, đi nhiễu bên phải ba vòng, quỳ gối chấp tay bạch với Đức Phật rằng: “Đức Đức Thế Tôn đại bi! Vì chúng con rộng nói mọi thứ phương tiện để chúng đạt viên giác thanh tịnh, khiến cho chúng sanh đời mạt pháp có được lợi ích lớn. Bạch đức Thế Tôn! Chúng con nay đã

**được khai ngộ, nếu sau khi Đức Phật diệt độ chúng sanh đời mạt pháp chưa được giác ngộ thì phải an cư như thế nào để tu tập cảnh giới thanh tịnh Viên giác này? Trong ba loại tịnh quán Viên giác này, đứng đầu là loại nào? Ngưỡng mong đức Đại Bi vì các đại chúng và chúng sanh đời mạt pháp mà ban cho lợi ích lớn”. Nói lời như thế xong, năm vốc gieo xuống đất, lặp lại lời thỉnh cầu ba lần.**

**Khi ấy, Đức Thế Tôn bảo Bồ tát Viên Giác rằng: “Lành thay! Lành thay! Thiện nam tử! Vì mang lại lợi ích lớn cho các chúng sanh, các ông có thể hỏi**

**Như Lai về những phương tiện như thế. Ông nay lắng nghe! Vì ông ta sẽ nói”. Lúc ấy Bồ tát Viên Giác vâng lời dạy hoan hỷ, cùng đại chúng lặng lẽ lắng nghe.**

**Thiện nam tử! Tất cả chúng sanh, nếu Phật còn trụ thế hoặc sau khi Phật diệt độ, hoặc ở thời mạt pháp, có những chúng sanh đầy đủ căn tánh Đại thừa, tin vào tâm đại Viên giác bí mật của Phật, muốn tu hành thì hoặc ở chốn già lam sắp xếp đồ chúng an ổn, hoặc có duyên sự thì tùy phận sự mà tư duy quán sát đúng như Ta đã dạy; nếu không có công việc hay nhân duyên gì khác, thì nên kiến tạo đạo tràng**

và ấn định kỳ hạn, hoặc ấn định thời gian dài một trăm hai mươi ngày, hay thời gian trung bình một trăm ngày, hoặc thời gian ngắn hạn tám mươi ngày, rồi an trí nơi chốn thanh tịnh ấy. Nếu Đức Phật còn tại thế, nên chánh tư duy, nếu sau khi Đức Phật diệt độ, phải thiết lập hình tượng, mắt chiêm ngưỡng tâm suy tưởng, sanh niệm nghĩ nhớ chân chánh, chẳng khác nào như lúc Đức Phật vẫn còn trụ thế. Treo các tràng phan, dâng những hương hoa trải qua hai mươi một ngày, đánh lễ danh hiệu chư Phật khắp cả mười phương, thiết tha cầu xin sám

**hối, sẽ gặp cảnh giới thiện lành, tâm được nhẹ nhàng an lạc. Trải qua hai mươi một ngày, phải luôn nhất tâm nhiếp niệm.**

**Nếu thời gian đầu mùa Hạ, an cư ba tháng thì phải an trụ nơi hạnh thanh tịnh của Bồ Tát, tâm xa lìa tư tưởng Thanh văn, chẳng nương tựa vào đồ chúng. Đến ngày an cư thì đối trước Phật tác bạch rằng: “Con là Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di tên là... nguyện nương theo Bồ Tát thừa tu hạnh tịch diệt, đồng nhập thanh tịnh, trì trụ thật tướng, lấy đại Viên giác làm chốn già lam của con, thân và tâm an cư, tánh trí bình đẳng,**

vì tự tánh Niết bàn là không ràng buộc. Nay con không nương tựa Thanh văn mà kính thỉnh mười phương Như Lai và đại Bồ Tát cùng an cư ba tháng, vì nhân duyên lớn, tu hạnh diệu giác vô thượng của Bồ Tát, do vậy không bị đồ chúng ràng buộc”.  
Thiện nam tử! Đây gọi là Bồ Tát thị hiện an cư, sau ba thời kỳ an cư thì có thể tùy ý đi lại vô ngại.  
Thiện nam tử! Trong đời mạt pháp, nếu chúng sanh muốn tu hành và cầu Bồ Tát đạo trong lúc nhập hạ theo ba thời kỳ, tuyệt đối không nên giữ lấy tất cả cảnh giới nào ngoài những gì đã được nghe.



**Thiện nam tử! Nếu các chúng sanh tu Samatha, trước hết nên giữ tâm thật thanh tịnh, không khởi niệm suy nghĩ, tịnh đến tột cùng thì trí giác liền xuất hiện. (Với năng lực) cực Tịnh ban đầu như thế mà từ nơi một thân cho đến cả một thế giới trí giác cũng (có mặt) như thế. Thiện nam tử! Nếu trí giác trùm khắp cả một thế giới thì trong một thế giới đó nếu có một chúng sanh nào khởi lên một niệm thì hành giả đều có thể biết rõ, cho đến hàng trăm ngàn thế giới cũng như thế. Tất cả cảnh giới nếu chẳng phải đã được nghe thì tuyệt đối không được giữ lấy.**

**Thiện nam tử! Nếu các chúng sanh tu tập về Samapatti (Quán), trước tiên phải nhớ nghĩ mười phương Như Lai và tất cả Bồ Tát trong mười phương thế giới rồi y theo thứ lớp các loại pháp môn mà cần khổ tu tập Tam muội và phát nguyện rộng lớn để tự huân tập thành chủng tử (Bồ đề). Tất cả cảnh giới (hiện ra trong lúc tu tập) nếu không phải (là những cảnh giới đã) được nghe thì nhất định không nên giữ lấy.**

**Thiện nam tử! Nếu các chúng sanh tu về Thiền-na, trước tiên phải áp dụng pháp môn sổ tức thì tâm sẽ biết rõ từng niệm một**

của sự sinh, trụ, diệt cũng như phân biệt được trạng thái trước khi khởi niệm và phạm vi, số lượng của các niệm này, kể cả có thể hiểu được số lượng ý niệm khác nhau trong bốn oai nghi. Với sự dần dần tăng tiến thậm chí có thể biết rõ từng mỗi giọt mưa trong trăm ngàn thế giới chẳng khác nào như tận mắt nhìn thấy những vật thọ dụng. Tất cả cảnh giới ngoài những gì đã nghe thì dứt khoát không nên giữ lấy. Đây gọi là phương tiện đầu tiên của ba pháp quán. Nếu các chúng sanh, tinh tấn tu hành ba pháp quán này một cách trọn vẹn thì gọi là Như Lai

**xuất hiện ở đời. Nếu chúng sanh đời mạt pháp có tâm muốn cầu đạo nhưng không được thành tựu, vì căn cơ chậm lụt bởi do nghiệp chướng quá khứ thì phải chuyên cần sám hối và thường khởi lên hy vọng. Trước tiên đoạn trừ yêu ghét, tật đố, siểm khúc và tâm thì tìm cầu quả vị thù thắng tối thượng.**

**Đối với ba pháp tịnh quán này, tùy (theo căn cơ) mà tu tập một pháp, nếu tu pháp quán này không thành tựu thì tu tập pháp quán khác, không nên thối tâm buông bỏ mà phải từng bước tìm cầu sự chứng ngộ.**

**Lúc ấy, Đức Thế Tôn muốn giảng rõ lại nghĩa này mà nói kệ rằng:**

**Viên Giác ông nên biết,  
Tất cả các chúng sanh,  
Muốn cầu đạo vô thượng,  
Trước phải kiết ba kỳ,  
Sám hối nghiệp vô thí.  
Suốt hai mươi một ngày,  
Sau đó chánh tư duy,  
Chẳng phải cảnh nghe kia,  
Rốt ráo chẳng thủ chấp  
Samatha cực tịnh,  
Tam-ma chánh nhớ trì,  
Thiền-na rõ sở môn,  
Đây gọi ba tịnh quán.**

**Nếu chuyên cần tu tập,  
Đây gọi Phật ra đời.  
Động căn chưa thành tựu,  
Tâm thường siêng sám hối,  
Tất cả tội vô thi,  
Các chướng nếu tiêu diệt,  
Cảnh Phật hiện tiền ngay.**

## Chương XII

# Bồ Tát Hiền Thiện Thủ

Lúc ấy, Bồ tát Hiền Thiện Thủ ở trong đại chúng liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ dưới chân Đức Phật, đi nhiễu bên phải ba vòng, quỳ gối chấp tay bạch với Đức Phật rằng: “Đức Thế Tôn đại bi! Vì chúng con và chúng sanh đời mạt pháp, khai ngộ sâu rộng việc không thể nghĩ bàn như thế. Bạch đức Thế Tôn! Giáo pháp Đại thừa này tên là gì? Làm sao để phụng trì?”

**Chúng sanh tu tập được công đức gì? Bằng cách nào mà con có thể hộ trì người thọ trì kinh? Giáo pháp này lưu bố đến cõi nào?” Thừa như thế xong, năm vốc gieo xuống đất và lặp lại lời thỉnh cầu ba lần.**

**Khi ấy, Đức Thế Tôn bảo Bồ tát Hiền Thiện Thủ rằng: “Lành thay! Lành thay! Thiện nam tử! Các ông đã có thể vì các Bồ Tát và chúng sanh đời mạt pháp mà thừa hỏi Như Lai những tên và công đức giáo nghĩa của kinh. Ông nay lắng nghe! Vì ông ta sẽ nói. Bấy giờ, Bồ tát Hiền Thiện Thủ vâng lời dạy hoan hỷ, cùng đại chúng yên lặng lắng nghe.**



**Thiện nam tử! Kinh này do trăm ngàn muôn ức các đức Phật nhiều như số cát sông Hằng thuyết giảng và đều được các đức Như Lai trong ba đời bảo vệ hộ trì, là chỗ mười phương Bồ Tát quay về nương tựa, là con mắt thanh tịnh của mười hai bộ kinh. Kinh này tên là Đại Phương Quảng Viên Giác Đà La Ni, cũng gọi là Tu Đa La Liễu Nghĩa, hay Bí Mật Vương Tam Muội, cũng có còn tên là Như Lai Quyết Định Cảnh Giới, hoặc Như Lai Tạng Tự Tánh Sai Biệt, ông phải phụng trì. Thiện nam tử! Kinh này chỉ hiển bày cảnh giới của Như Lai, chỉ có**

**Phật Như Lai mới có thể tuyên thuyết trọn vẹn. Nếu các Bồ Tát và chúng sanh đời mạt pháp y theo đây tu hành thì từng bước tăng tiến đến Phật địa. Thiện nam tử! Kinh này tên là Đốn Giáo Đại Thừa, chúng sanh có căn cơ bén nhạy từ đây được khai ngộ; kinh này cũng bao gồm tất cả các hạng chúng sanh tiêm tu. Thí như biển lớn không từ bỏ các dòng nước nhỏ, thậm chí ruồi muỗi hoặc A tu la uống nước biển đó cũng đều được sung mãn.**

**Thiện nam tử! Giả sử có người dùng toàn bảy báu chứa đầy cả ba ngàn đại thiên thế giới để**

bồ thí thì cũng không bằng có người nghe tên kinh này hoặc ý nghĩa của một câu của kinh này. Thiện nam tử! Giả sử có người giáo hóa trăm ngàn chúng sanh chúng đắc quả A La Hán nhiều như cát sông Hằng cũng không bằng có người tuyên thuyết, phân biệt một nửa bài kệ của kinh này. Thiện nam tử! Nếu có người nghe tên kinh này mà lòng tin không còn nghi hoặc, nên biết người ấy chẳng phải chỉ ở nơi một Đức Phật hay hai Đức Phật trông các phước tuệ, mà thậm chí cho đến tất cả Đức Phật nhiều như cát sông Hằng trông mọi căn lành (mới có đủ thắng

duyên được) nghe giáo nghĩa của kinh này. Thiện nam tử các ông! Nên hộ trì những người tu hành ở đời mạt pháp, không để cho ác ma và các ngoại đạo làm nhiễu hại thân tâm của họ khiến họ sinh tâm lùi bước.

Khi ấy, trong pháp hội có Hỏa Thủ Kim Cang, Tồi Toái Kim Cang, Ni Lam Bà Kim Cang v.v... tám vạn thần Kim Cang cùng với quyến thuộc liên từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ dưới chân Phật, đi nhiễu bên phải ba vòng mà bạch với Đức Phật rằng: “Bạch Đức Thế Tôn! Nếu đời mạt pháp, tất cả chúng sanh có thể quyết định thọ trì pháp

**Đại thừa này thì chúng con sẽ bảo hộ họ như bảo hộ con mắt của mình; cho đến những nơi nào có đạo tràng tu hành, thì hàng Kim Cang chúng con đều dẫn dắt đồ chúng đến để bảo hộ cả ngày lẫn đêm khiến họ không thoái chuyển. Cho đến gia đình của họ vĩnh viễn không có tai hoạ chướng nạn, bệnh dịch tiêu trừ, tài sản đầy đủ, thường chẳng thiếu thốn.**

**Khi ấy, Đại Phạm Thiên Vương, hai mươi tám vị Thiên Vương và Tu Di Sơn Vương, Hộ Quốc Thiên Vương v.v... liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ dưới chân Đức Phật, đi nhiều**

**bên phải ba vòng và bạch cùng Đức Phật rằng: “Bạch Đức Thế Tôn! Con cũng hộ trì người trì kinh, khiến họ thường được an ổn, tâm không thoái chuyển.”**

**Khi ấy, có Đại Lực Quỷ Vương tên là Kiết Bàn Trà cùng với mười muôn quỷ vương, từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ dưới chân Đức Phật, đi nhiễu bên phải ba vòng và bạch cùng Đức Phật rằng: “Bạch Đức Thế Tôn! Con cũng bảo hộ người trì kinh này, sớm tối giữ gìn bảo vệ khiến không thoái chuyển, chỗ người đó ở trong một do tuần<sup>1</sup>, nếu có**

---

1 Một do tuần (由旬) bằng 4,68 km nhưng vẫn còn có những sai biệt như một do tuần bằng 19,5 km hoặc 14,6 km hay 16 km...

**quỷ thần xâm phạm vào cảnh giới đó, con sẽ khiến họ nát từng mảnh như bụi.**

**Đức Phật nói kinh này xong, tất cả Bồ Tát, trời, rồng, quỷ thần, bát bộ và quyến thuộc cùng các Thiên vương, Phạm vương v.v... tất cả đại chúng, nghe lời Phật dạy, đều rất hoan hỷ, tín thọ phụng hành.**

**Kinh Đại Phương Quảng Viên Giác Tu Đa La Liễu Nghĩa.**





## **PHƯƠNG DANH CHƯ PHẬT TỬ PHÁT TÂM CÚNG DƯỜNG ẤN TỔNG KINH VIÊN GIÁC:**

Nhật Lâm và gia đình \$200.00

Nhật An - Lương Tuyết Bình \$500.00

Nhật Trí Đaon - Nguyễn Minh Tâm \$500.00

Nhật Mỹ - Lương Mạnh phon \$300.00

Tâm Nhân \$100.00

Trần Gia Huy \$100.00

Nhật Huệ \$100.00

Lâm Kha Anh \$50.00

Nhật Trí - Hàn Quốc Bình \$100.00

Ấn Danh \$40.00

Ấn Danh \$100.00

Nhật Dung - Trịnh Tuyết Hạnh \$240 (hồi hướng công đức cho HL Trịnh Đức Hiếu PD Thiện Tâm)

Diệu Hiền - Triệu Phú Hải \$20.00

Nhật Lan, Nhật Toàn \$100.00

Lâm Thanh thủy và Gia đình \$100.00

Châu \$100.00

Nhật Bửu - Ngô Văn Chiêu \$300.00

Vương Trường Anh \$100.00

Nhật Nữ - Nguyễn Thị Tuyết Trinh \$150.00

Dương Cang, Lâm Tuý Nguyệt \$100.00  
Hùng, Xuân Thu Trần \$100.00  
Nhật Long và gia đình \$50.00  
Ngô Phụng Hưng \$225.00  
Trần Đình Miễn \$100.00  
Trần Văn Sín \$50.00  
Hứa Ngọc Cúc \$50.00  
Trần Thị Ngọc Liên \$20.00  
Nguyễn Duy Viên Tịnh \$50.00  
Vương Trường Anh \$50.00  
Diệu Châu \$ \$50.00  
Tâm Hoà - Trương Ngữ \$100.00  
Tịnh Nguyên \$50.00  
Diệu Tín \$50.00  
Nhật Dung \$50.00  
Nhật Diệu - Lý Cẩm Sơn \$20.00  
Nhật dung - Trịnh Tuyết Hạnh \$20.00  
Lý Chân \$20.00  
Huệ Khánh - Phạm Thị Như Ngọc \$20.00  
Nhật Hoa - Lương Siêu Mai và Gia đình \$50.00  
Nhật Diệu - Lý Cẩm Sơn \$20.00  
Lý Phấn Hoàn và Gia đình \$100.00  
Nhật Phụng và Gia đình \$100.00  
Nhật Kim \$100.00  
Tuệ Hoàng - Lương Phụng \$20.00  
Amy Chau \$40.00

Diệu Linh - Ký Phan \$100.00  
Nhật Tịnh - Thủy Đàm \$100.00  
Nhật Loan - Phan Ngọc Thanh \$50.00  
Diệu Hiền - Đào Hạnh \$500.00  
Nhật Y - Đồng Ngọc Yến \$200.00 (Hồi hướng  
công đức cho HL Lary Richrdson Pd Nhật Trí)  
Scott Richardson \$200.00  
Huỳnh Thị Mỹ Trinh \$100.00  
Đào Xây \$ \$50.00  
Hà Tô Há \$50.00  
Hà Đắc Bửu \$50.00  
Hà Thừa Lợi \$50.00  
Nhật Bảo Hạnh \$50.00  
Lâm Ngọc Lệ \$50.00  
Trần Linh Rosana \$50.00  
Trần Tâm \$ Jeannie \$50.00  
Trần Ngọc Amy \$50.00  
Kim Chi Đỗ \$20.00  
Nhật Thanh Hiền \$20.00  
Nữ Văn \$20.00  
Nhật Từ Đức \$20.00  
Tiểu Hoa \$20.00  
Nhật Hương \$100.00  
Nguyễn Châu \$100.00  
Quảng Thứ \$50.00  
Bạch Hồng Nhan \$50.00

Diệu Bạch - Diệp Ái Liên \$100.00  
Nhật Chi \$50.00  
Huỳnh Lệ Thuý \$50.00  
Diệu Lan - Sầm Quế Lan \$20.00  
Linda Hà \$20.00  
Lý Tuyết Chinh \$30.00  
Trương Trọng Hoa \$20.00  
Nguyễn Nhung \$20.00  
Tâm Hoà - Tánh \$50.00  
Thoại Nhuận \$20.00  
Tâm Hương và Chơn Hậu \$100.00  
Ngọc Tâm Điều Ngự \$20.00  
Tâm Như Ý Điều Ngự \$20.00  
Diệu Hiền \$40.00  
Kha Huy \$20.00  
Diệu Quang \$20.00  
Dệu Châu \$50.00  
Nhật Hỷ - Mao Kỳ Lân \$50.00  
Nhật Thiện Tâm \$20.00  
Nhật Lệ - Lâm Mỹ \$100.00  
Nhật Bảo Huệ - Cao Thúc Nga \$50.00  
Cao Lục Hùng \$20.00  
Cao Tuấn Cường \$20.00  
Cao Sở Hồng \$20.00  
Cao Sở Ấn \$20.00  
Lý Gia Thành \$20.00

Nhật Châu Thạ \$50.00  
Ngọc Chơn \$20.00  
Nguyễn Công Toàn \$20.00  
Hoa Trí \$20.00  
Tịnh Thắng \$20.00  
Như Quyên \$20.00  
Tăng Tinh \$50.00  
Như Hồng \$30.00  
Trần thị Ngọc Bích \$100.00  
Huệ Đức - Any Tăng \$50.00  
Vincent Tăng \$50.00  
Nancy Trần \$20.00  
Diệu Ngưng \$20.00  
Đức Trinh \$50.00  
Lê Ngọc Hải \$20.00  
Hạnh Hồ \$20.00  
Chang Tài Minh \$20.00  
Diana Dương \$100.00  
Phật Tử \$20.00  
Phật Tử \$40.00  
Nhật Thanh và Gia đình \$100.00  
Thái Khánh liên \$50.00  
Diệp Hồng \$\$40.00  
Nhật Hồng \$20.00  
Bành Xuân Lộc \$20.00  
Dalena Ngọc Phạm \$20.00

Nhật Phương - Trần Lê Huệ \$20.00  
Nhật Tú - Nguyễn Thị Mỹ Linh \$20.00  
Gia đình Nguyễn \$40.00  
Huệ Tiểu \$30.00  
Nguyễn Lâm \$20.00  
Thông Hạnh \$20.00  
Phúc Như - Phan Quỳnh Như \$20.00  
Nhật Quỳnh \$20.00  
Trịnh thuận, Hùng, Lai thủy \$20.00  
Tịnh Thắng \$20.00  
Nhật Ngân \$20.00  
Nhật Kim - Nguyễn Thị Rốt \$20.00  
Chơn Hương - Judy Mai Phạm \$50.00  
Diana Châu \$20.00  
Linda Châu \$20.00  
Nhật Hiền - Eliabeth Thái \$35.00  
Lê Thị Kim Ngân \$50.00  
Nhật Hỷ, Nhật Toại \$40.00  
Jennie Phan \$100.00  
Ngọc Chơn \$50.00  
Nhật bảo Hạnh \$30.00  
Nhật Điều \$20.00  
Nguyễn Thị Châu Hà \$100.00  
Chơn Giác - Lâm Ủng Mến \$300.00  
Như Huệ - Võ Thị Nhàn \$300.00  
Nhật Bảo Tịnh - Lâm Kim Láng. \$100.00

Đào Văn Vinh \$100.00  
Nguyễn Thị Kim Hạnh \$100.00  
Lâm Ping Píng \$50.00  
Phước Từ - Đào lâm Thiên Ân \$50.00  
Lý Vô Phước \$50.00  
Giác Đức \$50.00  
Tâm Huệ - Hứa Ngọc Cúc \$50.00  
Nhật Tố \$50.00  
Nhật Thảo - Lâm Kim liên \$10.00  
Nhật Thanh Hương \$ \$10.00  
Ngô Anh Thư \$20.00  
Phật Tử \$20.00  
Jack Hàng \$100.00  
Nguyễn Đoàn \$20.00  
Mạc Lệ Thủy \$20.00  
Mạc Sinh Quân \$20.00  
Nhật Tín \$50.00  
Nhật Hiếu Hạnh \$50.00  
Nhật Hoa \$100.00  
Nhật Trí \$100.00  
Nhật Tú \$200.00

Xin chân thành cảm niệm công đức của các bậc thiện hữu tri thức đồng thời nhất tâm chúc nguyện chư vị phước huệ trang nghiêm, Bồ đề tâm tăng trưởng, tánh Viên giác thường minh.





# CÙNG TÁC GIẢ

## TÁC PHẨM ĐÃ XUẤT BẢN

- Pháp Tu Quan Âm - (dịch)
- Trung Luận - (dịch)
- Phật Giáo Và Tâm Lý Học Hiện Đại - (dịch)
- Bước Vào Thiền Cảnh - (dịch)
- Đại Cương Triết Học Trung Quán - (dịch)
- Đại Tạng Kinh Nhập Môn - (dịch)
- Cầm Nan Nhân Sinh - (dịch)
- The Four Sublime States: Doctrine & Practice in Buddhism
- Thập Nhị Môn Luận - (dịch)
- Phật Giáo Hướng Dẫn Thế Kỷ 21 - (dịch)
- Phủ Định Thức & Biện Chứng Pháp Trung Quán - (dịch)
- Thiền Trong Nghệ Thuật Bắn Cung - (dịch)
- **Thơ:** Giọt Sương Huyền Hóa
- **Thơ:** Hoa Nở Trời Tây
- Lược Sử Thời Gian - (dịch)
- Con Đường Dẫn Tới Hạnh Phúc Đích Thực - (dịch)

- Tứ Vô Lượng Tâm
- Beginning And Development Of Buddhist Education In Vietnam - (Luận Án Tiến Sĩ)
- Dharma Of Leadership: A Journey For Leaders From The Teaching Of The Buddha.
- Taking Refuge In The Buddha, Dharma, Sangha, And Receiving The Five Precepts.
- Buddhist Meditation Practice
- Bát Chánh Đạo: Con Đường Dẫn Đến An Lạc Đích Thực.
- Phật Giáo Và Khoa Học
- Phật Giáo Và Phân Tâm Học
- Phật Giáo Và Xã Hội
- The Key To Happiness: The Buddha way
- Phật Giáo Và Giáo Dục
- Kinh Tứ Thập Nhị Chương - (Dịch & Giảng)
- Kinh Bát Đại Nhân Giác - (Dịch & Giảng)
- Phật Giáo Và Thiên Nhiên
- Lược Sử Phật Giáo Ấn Độ
- Lược Sử Phật Giáo Tại Canada
- Tổng Quan Lịch Sử Phật Giáo Thế Giới - Cuốn 1
- Tổng Quan Lịch Sử Phật Giáo Thế Giới - Cuốn 2
- Tổng Quan Lịch Sử Phật Giáo Thế Giới - Cuốn 3
- Thiền Chánh Niệm
- Thiền Tứ Niệm Xứ

- Cẩm Nang Thành Lập Tổ Chức Phi Lợi Nhuận hoặc Tự Viện
- The Handbook of Building the Best Nonprofit Organizations or Temple
- Pháp Môn Niệm Phật
- Mindfulness Meditation
- Tổng quan Lịch Sử Triết Học Phương Tây
- Hoa Nghiêm Khái Luận
- Pháp Hoa Khái Luận
- Tứ Diệu Đế
- Viên Giác Khái Luận / Kinh Viên Giác - (Việt dịch)
- Tôn Giáo Là Gì,  
Phật Giáo Có Phải Là Tôn Giáo Không?

### **TÁC PHẨM SẮP XUẤT BẢN:**

- Tổng Quan Lịch Sử Phật Giáo Thế Giới - Cuốn 4
- Tổng Quan Lịch Sử Phật Giáo Thế Giới - Cuốn 5
- Phật Giáo Và Chính Trị
- Phật Giáo Và Nữ Giới
- Phật Giáo Và Nghệ Thuật
- Kinh Tăng Chi Diễn Giảng

